

Lời Vàng của Đức Huỳnh Giáo Chủ:

*Nhuần gọi ơn trên rải Đạo mầu,
Thương đời chỉ vẽ nẻo cao sâu.
Khai rùng kinh kệ câu huyền bí,
Để cứu nhơn sanh khỏi thảm sầu.*

*Hương dâng nghi ngút lễ vọng cầu,
Cám lòng bá tánh nguyện từ cầu.
Chí quyết một lời ta độ tận,
Dắt chúng lánh xa cảnh mộng sầu.*

(trích một đoạn trong bài **TỐI MÔNG MỘT**, do Đức Huỳnh Giáo-Chủ viết tại Hòa Hảo, đêm mồng 1 tháng giêng Canh-Thìn 1940)



*Con cháu tín đồ PGHH đang có mặt tại Hội Quán PGHH/
Sacramento, California tham dự buổi lễ Mừng Tân Niên do
Ban Trị Sự địa phương tổ chức.*

Tập San



TINH TÂN

Thông Tin & Nghiên Cứu & Phổ Truyền Giáo Lý Phật Giáo Hòa Hảo
Phát hành bởi Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại Giáo Hội PGHH



Số **25**

Giai Phẩm Xuân Ất Mùi

2015

Mục Lục

Lá Thư Xuân	Ban Biên Tập	03
Thư Chúc Tết của BTS.TUHN	Nguyễn Văn Tạo	06
Đón Xuân Giữ Đạo	Tập san Tinh Tấn	13
Văn Thư, Quyết Định & Thông Báo	BTS.TUHN	14
Tin tức & Sinh hoạt PGHH	Tập san Tinh Tấn	29
Chấn hưng đạo Phật của PGHH	Trạch Thiện	55
Giải đáp nghi vấn Giáo lý	Trần Phú Hữu	69
Vài thắc mắc trên đường tu học	V.T.V.	84
Giác Ngộ	Phan Thanh Nhân	91
Ý nghĩa qua danh xưng Khùng Điền	Mai Thanh Tuấn	107
Tìm hiểu về bài thơ Chiết tỵ	Nguyễn Văn Hiệp	121
Tìm hiểu về Ác mộng & Quang Minh	Trương Văn Thọ	131
Tìm hiểu về Mâm Ngũ Quả	Huỳnh Chi	138
Niềm vui trong ngày Đại Lễ	Lê Minh Triết	148
Những giai thoại Đạo đức	Thiện Duyên	155
Những mẩu chuyện về Bác vật Lang	Nguyễn Hoài Ân	167
Hồi ức về Sinh hoạt Tôn giáo	Kiều Lê	178
Tịnh độ Vãng sanh (Phần II)	Đàm Liên Tịnh Giả	184
VƯỜN THƠ: Xuân tha hương,,,	Trạch Thiện	205
Xuân về, Chúc Tết	Phương Trúc	207
Ngưỡng vọng	Nguyễn Hoài Ân	208
Nhớ Ngoại	Cỏ Dại	209
Kính mừng Đản sanh Đức Huỳnh	Cư sĩ Chánh Tâm	211
Giáo Chủ	& An Bình	
Thơ Xương họa	Sỹ Liên, Út Mót...	212
Kính viếng cụ Bà Lê Thị Hai và	Cư sĩ Chánh Tâm	215
cụ Bà Nguyễn Thị Ân	& Cỏ Dại.	
Tường trình về Quỹ Điều Hành	TB.Phạm Lệ Chi	216
T/trình về Quỹ Từ Thiện Xã Hội	TB.Phạm Lệ Chi	218
Tường trình về Quỹ Ts Tinh Tấn	TB.Phạm Lệ Chi	219
Phân Ưu.	BTS.TU& BTS.ĐP	220
Thư tín	Tập san Tinh Tấn	223

Mọi bài vở, thư từ, tin tức...Xin vui lòng liên lạc:
TẬP SAN TINH TÂN theo địa chỉ:

TINH TAN Magazine
4141 11th Avenue
Sacramento, CA 95817
USA.

Hoặc email: tapsantinhtan@yahoo.com

Để cho việc phát hành Tập San Tinh Tân được liên tục, không bị gián đoạn vì thiếu ngân quỹ, yêu cầu Quý đồng đạo, Quý Ban Trị Sự và Ban Đại Diện địa phương vui lòng tài trợ ấn phí (chi phí trung bình là \$150.00 USD đối với mỗi Ban Trị Sự địa phương cho mỗi số báo phát hành).

Xin chọn 1 trong 2 cách viết Check hay Money Order ngay phía sau hàng chữ *Pay to order of* là:

PGHH

hoặc bằng tiếng Anh:

HOA HAO BUDDHIST CONGREGATION

Phần *Memo* chi phiếu, xin ghi: **Quý Tập San Tinh Tân.**

Mọi chi phiếu gửi về Thủ Bồn BTS/TUHN xin theo địa chỉ sau đây:

PGHH
1263 CARDINAL ST.
TRACY, CA 95376
USA

Chân thành cảm ơn chư Quý vị.





Mừng
Xuân
Ất
Mùi

Lá thư Xuân

Kính thưa Quý đồng đạo
và Quý độc giả kính mến,

Mùa xuân là mùa của
cây cối đâm chồi nảy lộc,
sắc hoa tươi thắm khắp mọi
nhà.

Hôm nay, ngày cũ đã
qua, năm cũ đã tàn. Một
ngày mới, một năm mới vừa
đến. Chúng ta đang đứng
trước một cửa ngõ mới của
tương lai, của những chuỗi
ngày mà không ai đoán

trước được những gì sẽ xảy ra khắp nơi trên toàn thế
giới.

Dẫu vậy, ai cũng biết mùa Xuân là mùa đầu của
năm, đi trước các mùa khác. Xuân sang, khí trời ấm
áp, quang đãng hơn, và muôn vật như bừng dậy sau
một giấc ngủ dài của mùa Đông giá băng, lạnh lẽo. Vì
vậy, nói đến Xuân, là nói đến vẻ xinh tươi, xán lạn, rực
rỡ, phong nhiêu... của đất trời, sông biển, núi rừng, cỏ
cây, muông thú; và ở nơi người, là sức sống, là tuổi
trẻ, là sự khai mở, vươn dậy của cả thể xác lẫn tâm
hồn. Đây là ý Xuân của thời tiết và đời sống muôn
loài. Trong đó, mùa Xuân của con người thường được
biểu hiện qua những ngày Lễ hội rộn ràng, vui vẻ,

nhận nhíp và sinh động với những cuộc thăm viếng, thú vui, lời chúc tụng và quà tặng.

Tuy nhiên, dù mùa Xuân có rất nhiều niềm vui nhưng không tồn tại lâu dài. Mỗi năm chỉ có vài tháng, sau đó là đến lượt của mùa khác. Vận hành của thời tiết và vận hành của đời người đều có chung một tính chất: Vô thường. Sinh, Trụ, Dị, Diệt ai cũng biết vậy nhưng không ai làm được gì để có một mùa Xuân vĩnh cửu.

Từ hơn hai ngàn năm trước, Đức Phật đã chứng nghiệm một mùa Xuân như thế, không phải ở một thế giới nào khác, mà chính ngay nơi thế gian này. Trong hữu hạn tìm ra vô hạn, trong vô thường nhìn ra chân thường. Mùa Xuân ấy có sẵn nơi mọi người, mọi loài. Cho nên tất cả Kinh điển đều nhắm vào việc khai mở, hướng dẫn mọi loài trở về với tánh Phật sẵn có nơi chính mình; và nói một cách ẩn dụ thì chúng ta tu học theo Phật là để tìm lại mùa Xuân trường cửu. Mùa xuân ấy luôn hiện hữu, nhưng chúng ta không thấy. Chúng ta chạy đuổi theo những cái tạm bợ, nhất thời và hữu hạn mà quên đi nó mà thôi.

Từ niềm bình an tịch lặng của tự tâm, cảm thương con người và cuộc đời; chúng ta hãy cất lời nguyện cầu cho trần gian vui đi thống khổ, tất cả nhân loại chúng sanh đều vui hưởng một mùa Xuân bất diệt, trường tồn. Đó cũng là hoài bão và ước mơ mà chúng tôi muốn gửi đến chư Quý vị trong mùa Xuân năm Ất Mùi này.

Cũng như những số báo Xuân trước, Giai phẩm Xuân Ất Mùi 2015 ngoài Thư Chúc Tết của BTS Trung Ương Hải Ngoại, sẽ là những Tin Tức sinh hoạt địa phương, những bài chia sẻ Giáo lý Phật Giáo Hòa Hảo và đặc biệt là những sáng tác phẩm đặc sắc của

quý đồng đạo và bạn đọc khắp nơi đóng góp. Hy vọng sẽ đem lại niềm vui và lợi lạc cho mọi người trong những ngày đầu năm mới.

Nhân dịp đầu năm Ất Mùi 2015, thay mặt Ban biên tập Ts Tinh Tấn chúng tôi tri niệm công đức đóng góp tinh thần, bài vở và tịnh tài của chư Quý đồng đạo, văn thi hữu, cùng tất cả quý độc giả gần xa. Sự đóng góp tích cực của chư liệt vị trong các năm qua đã giúp cho Ts Tinh Tấn được vững tiến và cải thiện nhiều hơn từ nội dung đến hình thức. Với công đức ấy, quý vị đã cùng chúng tôi gián tiếp trao tặng một mùa Xuân trường cửu đến muôn người, muôn nhà. Một mùa Xuân an lạc và miên trường, là lời chúc nguyện đầu năm, chúng tôi chân thành gửi đến tất cả Quý vị.

Trân trọng kính chào và kính gửi lời cầu chúc tốt đẹp nhất đến chư Quý vị và Gia quyến trong ngày đầu năm mới: **Vạn sự Kiết tường và Muôn điều Như Ý.**

Ban Biên Tập Tập San Tinh Tấn





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
4141 11th Ave., Sacramento, CA. 95817
Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331
E-mail: bantrisu.tuhn.ghpgh@gmail.com



**THƯ
CHÚC
TẾT**

**Năm
Ất Mùi**

-2015-

**của Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại
Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo**

Chúng ta hầu như mất ý thức thời gian vì bị cuốn trong quỹ đạo sinh hoạt bận rộn ở xứ người. Mới Xuân Giáp Ngọ (2014) hôm nào, nay Xuân Ất Mùi (2015) lại đến. Làn tay nhắm tịt, cộng đồng Việt Nam hải ngoại đã trải qua 40 năm ly xứ. Thời gian chiếm nửa đời người mà cảnh quốc biến gia vong vẫn còn kéo dài theo năm tháng !

Ở xứ người, gọi là Tết, chỉ là tết trong tâm tưởng. Gọi là Xuân, chỉ là xuân trong nhớ nhung về dĩ vãng với không khí ẩm cúng đoàn tụ ở quê nhà. Xuân Tết nơi quê người rơi vào giữa mùa đông buốt giá, cây cối trụi lá trơ cành, không có hoa mai vàng, không có chim kêu báo Tết, không có bướm vờn hoa trong nắng

âm, không có ngày nghỉ về quê sum họp gia đình,Tuy nhiên, cộng đồng Việt Nam vẫn tổ chức chợ Tết, múa lân nghinh xuân hàng năm. Không có hoa mai hoa đào thật thì cũng có mai đào giả, vẫn có đầy đủ các thức ăn, kẹo mứt, bánh tét, bánh chưng, ... bày bán trong khắp các siêu thị không thiếu món chi. Trên bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ và bàn thờ Tam Bảo trong các nhà có tín ngưỡng Phật giáo đều trưng bày hoa đèn, cúng rước ông bà về vui Tết với con cháu. Chùa chiền, hội quán, nhà thờ, thánh thất đều mở rộng cửa cho người trong đạo đến lễ bái, cầu nguyện. Không rộn rã, không ầm cúng như ở quê nhà nhưng cũng nói lên được nguồn văn hóa dân tộc không hề mất đối với người Việt tha hương viễn xứ.

Ở hải ngoại, không có cảnh cùng khổ đến với ba ngày Tết như ở Việt Nam trong thời Pháp thuộc xưa và tại nhiều nơi trong thời Cộng sản trị ngày nay, khiến Đấng Từ Bi phải: ***“Lòng ta cảm thấy nổi u buồn, Suy xét việc đời lụy muốn tuôn”*** trước bối cảnh:

***“Tết tết cùng năm tháng hết mà,
Thằng bần công nợ chạy bôn ba.
Hẹn mai hẹn một chờ khai hạ,
Con đòi áo tốt rồi chàng ta.”***

(Cám Cảnh Dân Nghèo)

Tuy nhiên, người Việt hải ngoại nên lấy Tết làm dịp để nhìn về cảnh khổ của đồng bào ở quê nhà mà ***“bớt xa hoa”, “để tiền lương phí ấy mà trợ cứu cho những người lỡ đường đói rách tàn tật”***. Lại nữa, cần chấm dứt sự dị đoan mê tín, sát sanh hại vật cúng kiếng hoặc rượu trà, cờ bạc trong dịp mừng Xuân:

***- “Bỏ bớt dị đoan chẳng cúng gà,
Tre nêu phơ phát không còn thấy,
Ra mắt tiêu mòn bữa thứ ba.”*** *(Thi Xuân)*

- **“Nhấn nhủ khắp nơi hỏi một bài,
Ba ngày xuân nhứt bởi nơi ai ?
Rượu trà, cờ bạc, ôi phung phí,
Chẳng biết lệ xưa của ai bày.”**

(Cám Cảnh Dân Nghèo)

Tết cũng là dịp nên **“Khuyến khích dân tâm Đạo Thích Ca”** để sống với hạnh **“tự giác giác tha”**, thoát cảnh hung tàn mê muội, bởi vì:

**“Mê muội ác hung về địa ngục,
Hiền lành nhắm mắt thấy non Tiên.”**

(Hai Mươi Chín Tháng Chạp).

Từ Xuân ngoài đời, chúng ta chớ quên mùa Xuân trong lòng người, vì chính Xuân trong lòng người mới là Xuân chân thật. Tìm Xuân trong lòng người, ta không thể quên bài thi KHỨU MAI nổi tiếng trong giới Thiên học:

**“Tận nhứt tâm Xuân bất kiến Xuân,
Mang hài đập tận lũng đầu vân.
Qui lai tiểu niệm mai hoa khứu
Xuân tại hoa đầu dĩ thập phân!”**

Tạm dịch:

**“Suốt buổi tìm Xuân, chẳng thấy Xuân,
Giày gai giẫm nát núi rừng xanh.
Về nhà chợt nhận hoa mai khứu,
Cười mỉm, ô Xuân đã trừu cảnh !”**

“Khứu Mai” là một bài thi được sưu tập trong sách **“Hoa Lâm Ngọc Lộ”** của La Đại Kinh đời Tống (Trung Hoa). Sách ghi tác giả là một ni cô nhưng không rõ tánh danh. Lời thơ **“Khứu Mai”** thật tuyệt diệu, hàm ý **“tìm Xuân”** đầy thiên vị nên rất được nhiều người thời bấy giờ xung tụng và tùy tiện gọi tên tác giả là **Hoa Mai Ni**.

Vào mỗi độ Xuân về nơi xứ người chỉ có tuyệt

trắng giá lạnh, tâm trạng “*tìm Xuân*” của chúng ta chắc hẳn còn mạnh hơn ở quê nhà ! Với tính chất biểu tượng và ẩn dụ, bài thơ mượn sự kiện một người bỏ quên cảnh Xuân về ngay trước mắt mình mà rong ruổi đi vào núi sâu rừng thẳm để tìm xem có dấu hiệu Xuân về chưa. Anh ta càng đi tìm Xuân thì càng không thấy Xuân, đến lúc quá mỏi mệt mới quay gót về đến nhà, chợt nhặt một hoa mai gửi mới mỉm cười thỏa mãn rằng Xuân đã đến ngay trước nhà chớ nào phải đâu xa !

Đầu Xuân Ất Mùi, chúng tôi muốn cùng bạn đọc bỏ chút thì giờ để cùng thưởng thức *huong vị thiên* qua cảnh hoa mai đó.

Nói đến thiên là nói đến giáo lý kỳ bí của nhà Phật, một loại giáo lý không thể thiết lập bằng văn tự (giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự) để đưa người có lợi căn tiến thẳng đến *giác ngộ* mà không phải vướng mắc nhiều phương tiện. Theo nghĩa thông thường, thiên là khử trừ tất cả mọi hình thái vọng động khiến tâm phải tán loạn bằng phương pháp giữ *chánh niệm*: nhìn thẳng vào hiện thực, luôn luôn sống với ý thức về mỗi hành vi, cử chỉ của mình. Thiên có khuynh hướng phát minh, sáng tạo, nghĩa là tìm tòi theo dõi đến khi sáng được một vấn đề thắc mắc mới thôi. Sáng được một vấn đề trước đây mình hằng thắc mắc chính là *giác ngộ*. Thuật ngữ *Giác ngộ* trong Đạo Phật dùng chỉ trạng thái “*thấy Tánh*” trong tôn chỉ của nhà Thiên: “*Kiến Tánh thành Phật*”.

Thưởng thức cảnh hoa mai nở, chúng ta thấy lòng lâng lâng hạnh phúc trước cảnh Xuân về. Đây là ta đang sống trong chánh niệm. Ngược lại, vì một ảo giác mê lầm, ta quên thưởng thức hương vị và màu sắc Xuân sẵn có để ra công đi tìm Xuân mãi tận đâu đâu, Xuân chẳng gặp, tâm ta không yên, chính là ta đang

sống trong vọng động khổ đau.

Nhận thức được hương vị thơm tho và màu sắc tươi đẹp của cành hoa mai trước nhà còn hàm ý nghĩa một sự *tỉnh giác*. Có *tỉnh giác* thì không bị các niệm hư vọng dẫn. Người hành thiền giống như một chiến sĩ tay cầm gươm trí huệ tiêu diệt các ma vô minh vọng niệm. Hành giả chỉ có thể thành công khi tay không rời gươm, mắt chẳng lơ là cho đến khi nào các bóng ma vô minh lặn mất. Do đó, chỉ thường thức một cành mai cũng nói lên được một cách tu của hành giả. Chính vì thế mà Cổ đức nói tu thiền không nhất thiết gắn liền với nghi lễ thời khóa, chỉ cần lấy sự *tỉnh giác* làm chủ yếu. *Tỉnh giác* tức là biết được *Tánh giác* của mình. *Tánh giác* chính là *Phật tánh*, là tâm *Chơn như*, là vàng thái dương hằng sáng sẵn có đầy đủ trong mỗi người chúng ta. Sở dĩ ta không nhớ, không biết được *Tánh giác* của ta là vì bị vô minh che khuất. Do đó, ta cần phải đối trị vô minh. Các vị thiền sư thường dạy cách đối trị vô minh hữu hiệu như là ta không quên rằng ta sẵn có *tánh giác*. Phương pháp là dùng *sáu căn* (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) tiếp xúc với *sáu trần* (sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp) mà không để *sáu trần* lôi cuốn bằng cách luôn luôn nhớ và sống với *Tánh giác* của mình. Chẳng hạn, ngửi hương vị một hoa mai, ta liền biết mình có *tánh ngửi*, ngắm sắc vàng tươi đẹp của cánh mai, ta liền biết mình có *tánh thấy*, v.v....*Tánh ngửi*, *tánh thấy*,...đều là hiện thân của *Tánh giác*. Gắn bó với *Tánh giác* thì không bị trần cảnh cuốn lôi. Thường biết *Tánh giác* tiếp xúc với *sáu trần* một cách lặng lẽ và không phân biệt nên gọi là *như*. Thường tưởng nhớ đến *Tánh giác* nên gọi là *niệm chơn như*. “*Niệm chơn như*” luôn luôn hiện tiền và không để rơi vào trạng thái phân biệt, khác hẳn với

vọng niệm phân biệt của thể nhân.

Xuân là tượng trưng cho trẻ trung hy vọng. Tìm Xuân là tìm lại nguồn trẻ trung hy vọng đó. Bây lâu nay ta bị trần cảnh cuốn lôi, sống trong vọng động, trong khuôn mòn lối cũ, chấp chặt công lệ, phiền não phong tỏa từng đường tơ kẽ tóc trong mọi sinh hoạt hàng ngày. Ánh sáng thái dương trong ta bị che khuất bởi vọng niệm, vô minh. Ta có hòn ngọc quý ngay trong ché áo mà ta cứ quên đi hoặc không hề biết nên mãi dụng công đi tìm kiếm tận đâu đâu. Tâm hồn ta già nua héo hắt bởi danh lợi, thị phi, nhân ngã tầm thường, bởi công hầu khanh tướng không chắc thật,..

Một sáng nào kia, ta bỗng dung xót xa đau đớn trước sự xuống dốc của nhân tâm thế thái, tâm hồn ta chợt dấy lên niềm kiêu hãnh hiên ngang, ta cất bước đi tìm lại men xuân, một sinh khí, một chất liệu ngọt ngào cho cuộc sống. Nhưng tiếc thay, càng đi tìm Xuân thì ta càng chẳng thấy Xuân vì Xuân chẳng bao giờ có trên hướng ta đi. Niềm xót xa trầm thống nung nấu trong lòng ta không ngừng cho đến khi vỡ lẽ thì ánh Xuân hiện ngay trước mắt, ngay trước sân nhà với cành mai vàng đang rộ nở.

Biết được ánh xuân trong tâm tay, biết được hạt trân châu có sẵn ngay trong ché áo, biết trong mỗi người chúng ta đều sẵn có vàng thái dương hằng sáng, ta chỉ cần gia công lau chùi bụi bặm đã lâu ngày làm lu mờ các báu vật đó thôi.

Nhìn một cành hoa mai trong chánh niệm, không bao giờ quên hiện thực, lúc nào cũng sống với ý thức về *tánh giác* sẵn có trong ta, dần dần mọi vọng niệm vô minh từng khuấy động tâm ta sẽ tan biến, vàng thái dương trong ta sẽ rực sáng,...Bây giờ, tự nhiên ta nở *nụ cười tỉnh giác* và sống trong *mùa Xuân*

Di-Lặc an vui.

*“Về nhà chọt nhặt hoa mai gửi,
Cười mỉm ở Xuân đã trữu cành.!”*

Tương tự, Đức Thày cũng đã từng nhắc nhở:

**“Phật tại tâm chớ có đâu xa,
Mà tìm kiếm ở trên Non Núi.”**

Trước thêm năm Ất Mùi (2015), thay mặt Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại, tôi kính chúc quý anh chị em trong Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại, các Ban Trị Sự và các Ban Đại Diện địa phương ở hải ngoại, toàn thể quý Đồng đạo và Thân hữu đón Xuân trong **An Lạc – Hạnh Phúc – Thịnh Vượng**. Chúng ta cùng cầu nguyện cho quê hương Việt Nam sớm thoát khỏi chủ nghĩa vô thần, độc tài Cộng sản để Tự do Tín ngưỡng và Nhân quyền được phục hồi và toàn dân Việt Nam sớm thoát khỏi cảnh lầm than, áp bức đang tiếp diễn như hiện nay./.

NGUYỄN VĂN TẠO

Hội Trưởng BTS. TUHN/Giáo Hội PGHH





ĐÓN XUÂN

GIỮ ĐẠO

Năm mới Ất Mùi đến chúng ta,
Bốn mươi năm cách biệt quê nhà.
Đường Đời suy gẫm thêm buồn tủi,
Nẻo Đạo đoái nhìn luống xót xa.
Tướng Phật bèn lòng tăng Hỷ Xả,
Thương Thầy ẩn nhẫn giữ Hiền Hòa.
Năm qua kiểm điểm bao sai sót,
Quyết chí năm này tạo nẻo ra.

Quyết chí năm này tạo nẻo ra,
Yêu Thầy mến Đạo nhẹ lòng ta.
Năm tay liên kết gieo mầm Hảo,
Hợp lực bên nhau dựng chữ Hòa.
Cực-Lạc chính nơi bèn tiến tới,
Ta-Bà vốn cõi tạm đi qua.
Bỏ tâm chấp trước tầm An lạc,
Tinh tấn ngày đêm niệm Phật Đà.

Tập San TINH TẤN



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI

4141 11th Ave., Sacramento, CA 95817
Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331
E-mail: bantrisu.tuhn.ghpgh@gmail.com

Hoa Kỳ, ngày 26 tháng 8 năm 2014

Số: 011/BTSTUHN-V/VT

Kính gửi: - Quý Ban Trị Sự PGHH Địa Phương,
- Quý Đồng Đạo tham gia đóng góp
Quỹ Ấn Tổng SGTVTB.

Trích yếu: V/v hoàn tất layout và gửi in Ấn bản
2014 SGTVTB.

Thưa Quý Đồng Đạo,
Chúng tôi trân trọng báo tin cùng Quý Đồng
Đạo được tường:

Ấn bản 2014 SGTVTB được tu chính từ Ấn bản
2013 đã hoàn thành bản đánh máy và gửi đi in vào
ngày 22/8/2014.

Việc tu chính đã thể hiện theo quyết định của 2
lần Đại Hội Đạo năm 2013 tại Toronto (Canada) và
2014 tại San Jose (Hoa Kỳ). Chúng tôi đã căn cứ trên
các đề xuất nào hợp lý của Ban Điều Chỉnh Kỹ Thuật
và Ấn Tổng (ĐCKT&ÂT) 2013 về các lỗi kỹ thuật và
chánh tả còn tồn đọng trên Ấn bản 2004 cùng so chiếu
với Ấn bản gốc 1965 có đính chánh của BTS.Trung
Ương Giáo Hội PGHH Việt Nam nhiệm kỳ I, để thực
hiện việc chỉnh sửa này và tuyệt đối tránh sửa đổi ý lẫn
lời từ ấn bản gốc.

Trong quá trình làm việc, chúng tôi đã gặp phải
hai vấn đề khó khăn:

1.- Bản gốc ấn bản 2013 (*.doc) và quỹ ấn tổng

không được cựu Hội trưởng Nguyễn Trung Hiếu bàn giao đầy đủ. Do đó, về mặt kỹ thuật, chúng tôi phải mất rất nhiều thì giờ để chỉnh sửa và layout lại trên bản *.PDF.

2.- Về tài chánh, chúng tôi chỉ được giao lại

\$ 32,939.08 USD trên tổng số tiền

\$ 64,105.86 USD và \$8,850.00 CAD mà Nhiệm kỳ 4 của cựu HT Nguyễn Trung Hiếu đã thu được.

Tuy nhiên, bằng phương tiện nào, chúng tôi xin dùng phương tiện đó để hoàn thành Phật sự trong tinh thần tiếp nối công tác của người tiền nhiệm.

Với sự làm việc tận tụy của Ban PTGL đương nhiệm cùng Ban ĐCKT&ÂT 2014 cộng với sự ủng hộ nhiệt tình của Nhà in, chúng tôi hy vọng Quý Đồng Đạo sẽ có được một quyển SGTVTB mới, bìa dày chữ mạ vàng thật trang nhã với kỹ thuật tiên tiến in ấn của Đài Loan trong khoảng 3 tháng tới.

Nhân dịp này, thay mặt cho Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Ban PTGL, Ban ĐCKT & ÂT, các Đồng Đạo ản danh đã bỏ nhiều thời gian và công sức để hoàn thành công tác ản tống này.

Kính chúc Quý Đồng Đạo vạn sự kiết tường, thân tâm an lạc.

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

TM. BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
HỘI TRƯỞNG

(đã ký)

NGUYỄN VĂN TẠO



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
4141 11th Ave., Sacramento, CA 95817
Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331
E-mail: bantrisu.tuhn.ghpghh@gmail.com

Hoa Kỳ, ngày 12 tháng 9 năm 2014

Số: 012/BTSTUHN-V/TB

THÔNG BÁO

V/v Gây quỹ yểm trợ Ban Thuyết trình Giáo lý PGHH

Nhằm phổ truyền Giáo lý PGHH đến các địa phương nơi có tín đồ PGHH đang sinh hoạt, Ban Phổ thông Giáo Lý Trung Ương Hải Ngoại đã tổ chức các buổi chia sẻ Giáo lý, do đồng đạo Trần Phú Hữu đảm trách, tại các địa điểm sau đây:

- 1.- Hội Quán PGHH Sacramento, ngày 22-06-2014.
- 2.-Đạo Tràng Tịnh Độ Oakland, ngày 25-06-2014.
- 3.- Hội Quán PGHH San José, ngày 29-06-2014.
- 4.- Hội Quán PGHH Nam California, ngày 06-07-2014.
- 5.- Hội Quán PGHH Stockton, ngày 13-07-2014.
- 6.- Hội Quán PGHH San Jose lần II, ngày 20-7-2014.

Nhìn chung, các buổi Sinh hoạt Giáo lý này đã gặt hái thành công mỹ mãn, đem lại nhiều lợi lạc và

nhất là được sự tán dương, hâm mộ của nhiều đồng đạo tham dự.

Vì vậy, Ban Phổ Thông Giáo Lý Trung Ương HN dự trù sẽ tổ chức các buổi chia sẻ Giáo lý tương tự tại các Hội Quán PGHH toàn cõi Hoa Kỳ và Canada; đặc biệt, đồng đạo Nguyễn Văn Mậu và đồng đạo Trần Phú Hữu sẽ đến Hội Quán PGHH Houston (TX), Dallas (TX) và Atlanta (GA) vào tháng 10-2014. Tuy nhiên, lịch trình sinh hoạt giáo sự này có thể thay đổi (hoặc hủy bỏ) tùy theo tình hình tài chánh của Giáo Hội.

Do đó, chúng tôi tha thiết kêu gọi Quý Ban Trị Sự địa phương, đặc biệt là Quý đồng đạo hằng quan tâm đến Giáo Lý của Tổ Thầy, xin hãy hoan hỷ giúp cho Ban Phổ thông Giáo Lý Trung Ương có phương tiện tài chánh để thực hiện công tác truyền bá Giáo lý mà nhiều địa phương đang yêu cầu và mong đợi. Được biết, quỹ Yểm trợ Ban Thuyết trình Giáo Lý hiện đang có là \$2,500.00 (Hai ngàn năm trăm Mỹ kim) do một số đồng đạo tự nguyện tài trợ.

Mọi phát tâm đóng góp, xin Quý BTS và Quý đồng đạo gửi về Thủ Bồn BTS/TUHN, theo địa chỉ:

PGHH

1263 Cardinal St.

Tracy, CA. 95376

Trân trọng kính chào và cảm ơn chư Quý vị.

Hoa Kỳ, ngày 12 tháng 9 năm 2014

TM.BTS/TUHN

Hội Trưởng

(đã ký)

NGUYỄN VĂN TẠO



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
4141 11th Ave., Sacramento, CA 95817
Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331
E-mail: bantrisu.tuhn.ghpghh@gmail.com

THÔNG BÁO

Số: 014/BTSTUHN-V/TB

Kính gửi: -Quý Ban Trị Sự và Ban Đại Diện địa phương.

-Quý đồng đạo PGHH khắp nơi.

Trích yếu: V/v thành lập Diễn đàn PGHH/TUHN.

Kính thưa Quý đồng đạo,

Nhằm phổ biến hữu hiệu và nhanh chóng những thông tin cần thiết từ Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại đến các Ban Trị Sự địa phương hoặc những bản tin chia sẻ vui, buồn giữa Quý đồng đạo khắp nơi; chúng tôi quyết định thành lập Diễn đàn Phật Giáo Hòa Hảo trên phương tiện truyền thông toàn cầu theo một số thể lệ và qui định như sau:

1.- Tên Diễn đàn:

dd_pghh_trunguon_haingoai@googlegroups.com

2.- Thành viên: Gồm tất cả tín đồ PGHH đang sinh sống khắp nơi trên thế giới (có ghi danh gia nhập).

3.- Mục đích: Diễn đàn là nơi để đăng tải những bản Văn Thư, Thông Báo, Quyết Định, Thư Mời...của Ban Trị Sự TUHN và các Ban Trị Sự & Ban Đại Diện địa phương.

Đồng thời, Diễn đàn cũng sẵn sàng phổ biến các bản Tin tức, Hình ảnh Sinh hoạt Giáo sự, bản tin Phân

Ưu, thư Chúc Mừng...của người tín đồ PGHH từ các nơi gửi đến.

Ngoài ra, những ý kiến đóng góp có tính cách xây dựng cho Giáo Hội PGHH, những bài chia sẻ Giáo Lý của Tổ Thầy, những sáng tác phẩm như Thi, Văn, Họa, Nhạc... của Quý vị đều được hoan nghinh và giới thiệu đến các thành viên để cùng thưởng thức.

Tuy nhiên, Diễn đàn được quyền tư chối những Bản tin hay Bài viết hoặc Hình ảnh có tính cách mạ lỵ, phỉ báng cá nhân gây mất tình đoàn kết, thương yêu giữa người đồng đạo PGHH và nhất là sử dụng những từ ngữ tục tĩu, cộc cằn kém văn hóa trái với lời giáo hóa của Đức Huỳnh Giáo Chủ.

4.- Liên lạc: Để được tham gia Diễn đàn và trở thành thành viên thường trực, xin Quý đồng đạo vui lòng liên lạc về Ban Quản trị theo địa chỉ e-mail sau đây:

- tam.thien33@gmail.com hoặc:

- chanhtam.48@gmail.com

Kính mong Quý đồng đạo nhiệt tình hưởng ứng bằng cách tham gia và đóng góp thật nhiều bài vở vào Diễn đàn để tiếng nói người tín đồ PGHH được vang vọng khắp nơi như lời mơ ước của Đức Thầy yêu kính:

***“Ước mơ thế giới lân Hòa Hảo,
Nhà Phật con Tiên hé miệng cười.”***

Trân trọng kính chào và cảm ơn Quý vị.

Hoa Kỳ, ngày 6 tháng 10 năm 2014

TM.BTS/TUHN

Hội Trưởng

(đã ký)

NGUYỄN VĂN TẠO



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
4141 11th Ave., Sacramento, CA 95817
Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331
E-mail: bantrisu.tuhn.ghpgh@gmail.com

THƯ CHÚC MỪNG

Số: 015/BTSTUHN-V/VT

Kính gửi: - Đồng đạo Trương Văn Thọ
Trưởng Ban, Ban Đại Diện PGHH/
Biloxi/MS.

388 Main St.
Biloxi, MS. 39530
Phone: (228) 806-8180
Email: hanhangu@aol.com

Đồng kính gửi:

- Quý BTS & BDD/PGHH địa phương
- Quý đồng đạo PGHH khắp nơi.

Kính thưa Quý đồng đạo,

Cách nay hơn 6 tháng, đồng đạo Trương Văn Thọ đã thành lập Ban Đại Diện PGHH tại nơi cư ngụ là Thành phố Biloxi, Tiểu bang Mississippi với sự tham gia của một số tín đồ PGHH trung kiên, thuần thành, có tâm Đạo và quyết lòng phục vụ Đạo pháp.

Hôm nay, thể theo lời thông báo và yêu cầu của đồng đạo Trương Văn Thọ cùng sự đồng thuận của Ban Thường Vụ (tham chiếu nội dung Biên Bản của BTV số: 005/BTSTUHN-V/BB ngày 5-10-2014), chúng tôi nhiệt liệt chào mừng sự ra đời của Ban Đại Diện PGHH Biloxi, MS và chánh thức chấp

nhận sự gia nhập vào Hệ thống Giáo Hội PGHH Hải Ngoại.

Xin trân trọng thông báo tin vui này đến Quý đồng đạo và cầu chúc Quý Ban Đại Diện PGHH Biloxi luôn được hạnh thông trên bước đường hành Đạo và tinh tấn tu hành cho đến ngày viên mãn.

Chân thành cảm ơn và kính chào Quý vị.

Hoa Kỳ, ngày 7 tháng 10 năm 2014

TM.BTS/TU'HN

Hội Trưởng

(đã ký)

NGUYỄN VĂN TẠO



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO

BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI

4141 11th Ave., Sacramento, CA 95817

Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331

E-mail: bantrisu.tuhn.ghpggh@gmail.com

Số: 016/BTSTU'HN-V/VT

Kính gửi: Quý Ban Trị Sự và Ban Đại Diện địa phương.

Đồng kính gửi: Quý đồng đạo PGHH khắp nơi.

Trích yếu: V/v kêu gọi đóng góp bài vở và tài chánh cho Tập san TINH TẤN.

Kính thưa chư Quý vị,

Trong thời gian qua, Tập san TINH TẤN được xem như là tiếng nói chung không những của các Ban Trị Sự PGHH ở hải ngoại mà còn nơi chia sẻ những tin

tức, bài vở, hình ảnh, sinh hoạt của người tín đồ PGHH khắp nơi trên thế giới.

Tính đến nay, Tập san TINH TẤN đã phát hành được 24 số, trung bình mỗi năm 2 số, thường là vào mùa Đại Lễ 18/5 hằng năm và những ngày đầu năm Âm lịch.

Cũng như thường lệ, chúng tôi dự định sẽ phát hành Tập san TINH TẤN số 25, Số Đặc Biệt Mừng Xuân Ất Mùi (2015) vào khoảng tháng 3/2015. Do đó, chúng tôi tha thiết kêu gọi chư Quý đồng đạo tích cực đóng góp bài vở dưới mọi thể loại như Tin tức & Hình ảnh sinh hoạt địa phương, Bình luận, Pháp luận, Truyện ngắn, Hồi ký, Tùy bút, Thi văn... để Tập san TINH TẤN được ngày thêm phong phú và khởi sắc.

Đề nghị chư Quý vị gửi bài vở trước ngày **15-1-2015** cho số báo Xuân Ất Mùi theo các địa chỉ dưới đây để chúng tôi kịp thời “Lay-out” và phát hành đúng thời hạn:

- tapsantinhtan@yahoo.com,
- nguyen55hiep@yahoo.com,
- 4141 11th Ave. Sacramento, CA. 95817

Đồng thời, chúng tôi yêu cầu Quý Ban Trị Sự, Ban Đại Diện địa phương và Đồng đạo khắp nơi vui lòng tài trợ Ấn phí và Bru phí (như đã qui định trước đây) để Tập san TINH TẤN không bị gián đoạn vì thiếu phương tiện tài chánh. Mọi đóng góp của Quý vị, xin gửi về Thủ Bồn BTS/TUHN theo địa chỉ:

PGHH
1263 CARDINAL ST.

TRACY, CA. 95376

(Nếu là Chi phiếu xin ghi: **PGHH** sau chữ **Pay to the order of** và phần **Memo** xin ghi: Quỹ Tập san Tinh Tấn).

Trân trọng kính chào và cảm ơn chư Quý vị.

Hoa Kỳ, ngày 12 tháng 10 năm 2014.

TM. BTS/TUHN

Hội Trưởng

(đã ký)

NGUYỄN VĂN TẠO



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI**

4141 11th Ave., Sacramento, CA 95817
Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331
E-mail: bantrisu.tuhn.gphgh@gmail.com

THƯ CHÚC MỪNG

Số: 017/BTSTUHN-V/VT

Kính gửi: Đồng đạo Huỳnh Văn Liêm

Hội Trưởng Tân Ban Trị Sự Giáo Hội

PGHH Sacramento

10450 Calvine Rd., Sacramento, CA.

95829

Kính thưa Quý đồng đạo,

Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo vừa nhận được Biên Bản của BTS. GH/PGHH Sacramento báo cáo về việc Tân Ban Trị Sự nhiệm kỳ 2014-2016 đã được bầu ra trong buổi họp ngày 4 tháng 1 năm 2015, với thành phần như sau:

- Hội Trưởng: Đ/đ Huỳnh Văn Liêm
- Phó Hội Trưởng Nội Vụ: Đ/đ Nguyễn Thanh Phương
- Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ: Đ/đ Đỗ Tâm Thành
- Chánh Thư Ký kiêm Thủ Bản: Đ/đ Huỳnh Ngọc Ân
- Phó Thủ Bản: Đ/đ Long Quân
- Trưởng ban Phổ thông Giáo lý: Đ/đ Lê Công Nghệ
- Trưởng ban Kiểm Soát: Đ/đ Nguyễn Thành Xương
- Trưởng ban Tổ Chức: Đ/đ Nguyễn Kim Sơn
- Phó ban Tổ Chức: Đ/đ Quách Tường
- Trưởng ban Xã Hội: Đ/đ Võ Văn Tiền
- Trưởng ban Liên Lạc: Đ/đ Huỳnh Long Giang
- Trưởng ban Âm Thực: Đ/đ Dương Thị Lệ
- Phó ban Âm Thực: Đ/đ Nguyễn Phương Trang.

Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại hân hoan chào mừng Tân BTS.GH/PGHH/ Sacramento nhiệm kỳ 2014-2016 với thành phần gồm những tín đồ PGHH thuần thành, trung kiên với Thầy Tổ và đã nhiệt tình phục vụ Đạo pháp trong nhiều năm qua.

Xin kính chúc Quý Trị sự viên trong Tân Ban Trị Sự cùng toàn thể Đồng đạo PGHH Sacramento thân tâm thường An lạc, đạo quả sớm Viên thành và bỏ đề tâm luôn Kiên cố.

Hoa Kỳ, ngày 6 tháng 1 năm 2015
 TM. Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại
 Hội Trưởng
 (đã ký)

NGUYỄN VĂN TẠO

Bản sao kính gửi:

- Quý vị Cố vấn BTS.TUHN
- Quý BTS và BDD địa phương
- “*Để kính tường và thông báo*”
- Hồ sơ / Lưu.

- Đồng đạo Đỗ Quang Tiến: Ủy viên Thanh Kiểm.
- Đồng đạo Vũ Hạnh: Ủy viên Thanh Thiếu Niên.

Chân thành kính chúc Quý Trị sự viên trong Tân Ban trị sự cùng toàn thể Đồng đạo PGHH Calgary thân tâm thường An lạc, đạo tâm luôn Kiên cố và mãi mãi tinh tấn trên bước đường hành đạo.

Hoa Kỳ, ngày 15 tháng 1 năm 2015

TM. BTS/TUHN

Hội Trưởng

(đã ký)

NGUYỄN VĂN TẠO



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI**

4141 11th Ave., Sacramento, CA 95817

Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331

E-mail: bantrisu.tuhn.ghpggh@gmail.com

THÔNG BÁO

Số: 019/BTSTUHN-V/TB

Kính gửi: - Quý vị Cố vấn và Trị Sự Viên BTS. TUHN /GH/PGHH.

- Quý Ban Trị Sự và Ban Đại Diện địa phương.
- Chư Quý Đồng đạo PGHH hải ngoại.

Trích yếu: V/v Tổ chức Đại Hội Đạo và Đại Lễ 18/5 âl cấp Trung Ương năm 2015.

Tham chiếu: - Biên bản Đại Hội Đạo ngày 14-6-2014 tại San Jose, CA.

- Biên bản phiên họp của Ban Thường Vụ BTS.TUHN ngày 14-12-2014.

Kính thưa Chư Quý Đồng đạo,

1.- Theo quyết định của Đại Hội Đạo ngày 16-4-2014 tại San Jose, Ban Trị Sự PGHH Houston (Texas) được ủy nhiệm đứng ra tổ chức Đại Hội Đạo và Đại Lễ 18/5 Ất Mùi (2015), theo lịch trình sau đây:

- Thứ Sáu, ngày 26-6-2015 (11/5 âm): Họp tiền Đại Hội.

- Thứ Bảy, ngày 27-6-2015 (12/5 âm): Đại Hội Đạo.

- Chủ Nhật, ngày 28-6-2015 (13/5 âm): Đại Lễ 18/5.

Ban Trị Sự PGHH Houston (TX) yêu cầu Quý vị ở xa đến bằng phi cơ, xin chọn phi trường **George Bush Intercontinental Airport** (viết tắt là **IAH**) để Ban Tổ Chức tiện việc đưa đón.

Đồng thời Ban Tổ Chức cũng đã thương lượng với Khách sạn **PALACE Inn. West Oaks** (địa chỉ là 7777 Hwy. 6 South. Houston, TX 77083 -Số phone 281-988-9900) để Quý vị nghỉ ngơi với giá đặc biệt: \$65.00/ngày cho phòng 1 giường hoặc \$95.00/ngày cho phòng 2 giường, bao gồm buổi ăn sáng nhẹ. Từ Khách sạn này đến Hội Quán BTS Houston khoảng 10 phút lái xe và đến địa điểm hành lễ khoảng 5 phút lái xe.

Ban Tổ Chức dự trù sẽ tổ chức buổi họp tiền Đại Hội và Đại Hội Đạo tại **Hội Quán BTS/PGHH Houston** (tọa lạc tại số 13627 Tonnochy Drive, Houston, TX. 77083) và Đại Lễ 18/5 tại **Hội Trường của Phoenix Restaurant** (số 15156 Bellaire Blvd., Houston, TX. 77083 - Số phone: 281- 498-6611).

Để tiện việc sắp xếp chỗ lưu trú và công tác đưa rước được chu đáo, xin Quý vị liên lạc với một trong các đồng đạo trong Ban Tổ Chức sau đây:

- Nguyễn Anh Dũng Số phone: (281)788-8524
hoặc E-mail: pghhhouston@yahoo.com

- Nguyễn Văn Chon Số phone: (832) 235-7860

- Phan Tấn Đạt Số phone: (832) 275-3893

2.- Theo như thông lệ từ trước, BTS.TUHN yêu cầu Quý BTS và BDD nên vui lòng tổ chức ngày Đại Lễ 18/5 Ất Mùi (2015) tại địa phương mình sau một tuần (tức Chủ Nhật ngày 5-7-2015) để có thời giờ về tham dự Đại Hội Đạo và Đại Lễ tại Houston (TX).

3.- Để cho việc thảo luận trong ngày Đại Hội Đạo mang lại nhiều kết quả tốt đẹp, BTS.TUHN yêu cầu Quý BTS, BDD và Quý đồng đạo chuẩn bị các bài Tham luận và gửi về Văn phòng Chánh Thư Ký để đúc kết trình lên Đại Hội, hạn chót là ngày Chủ Nhật 14-6-2015 (qua địa chỉ E-mail: nguyen55hiep@yahoo.com).

Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại vô cùng hoan hỉ và tán dương tinh thần dấn thân vì Đạo pháp của BTS.PGHH Houston (Texas) bằng cách tình nguyện nhận lãnh trọng trách tổ chức Đại Hội Đạo và Đại Lễ 18/5 cấp Trung Ương năm 2015.

Ước mong sẽ được hội ngộ thật đông đủ với tất cả Quý Ban Trị Sự, Ban Đại Diện địa phương và chư Quý đồng đạo khắp nơi trong ngày Đại Hội Đạo và Đại Lễ tại Thành phố Houston, Texas.

Trân trọng cảm ơn và kính chào chư Quý đồng đạo.

Hoa Kỳ, ngày 26 tháng 1 năm 2015

TM. Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại

Hội Trưởng,

(đã ký)

NGUYỄN VĂN TẠO

TIN TỨC & SINH HOẠT PGHH
LỄ ĐẢN SANH ĐỨC HUỲNH GIÁO CHỦ
TẠI BẮC CALI - SAN JOSE



*Lễ đài trong ngày Đại lễ Đản sanh ĐHGCH do BTS.
GH/PGHH miền Bắc Cali tổ chức ngày 18/1/2015.*

Ban Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo miền Bắc California long trọng cử hành lễ Đản Sanh Đức Giáo Chủ đạo Phật Giáo Hòa Hảo tại Hội Trường của Ban Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo ở số 3540 đường Mc Kee Road vào ngày Chủ Nhật 18 tháng 01 năm 2015. Buổi lễ được tổ chức trong phạm vi tin đồ không khách mời. Tuy nhiên đồng đạo đến tham gia rất đông.

Mở đầu chương trình là nghi thức chào cờ và phút mặc niệm. Tiếp theo là nghi thức tôn giáo. Ông Hội Phó Nguyễn Trung Hùng chủ lễ trong phần nghi thức tôn giáo. Sau phần lễ bái và cầu nguyện tiết mục kế tiếp do đồng đạo Hội Phó trình bày “Ý Nghĩa ngày Đản Sanh của Đức Thầy”. Đồng đạo Nguyễn Trung Hùng đã chuẩn bị một bài soạn công phu nói Ý nghĩa một ngày Đản Sanh của một vị Phật. Tiếp nối chương trình là phần diễn ngâm bài “Tự Thán” do đồng đạo

Trần Trọng Nghĩa phụ trách. Giọng ngâm của đồng đạo Nghĩa trầm ấm rất lôi cuốn, âm điệu trầm bổng đưa mọi người về những buổi đọc giảng ngày xưa.



D/đạo HT Vương Học Thiêm đang trình bày v/v xây cất Hội trường.



D/đạo Cao Văn Chơn đang đọc Diển văn Khai mạc Đại lễ Đản sanh của Đức Thầy.



D/đ P.Thư ký Huỳnh Phước Vinh đang làm MC cho buổi Đại lễ.

Tường trình sinh hoạt của Giáo Hội do đồng đạo Hội Trường cho biết xây cất Hội trường của Hội quán có phần chậm trễ vì lý do kỹ thuật, đồng thời số tiền dự trù xây cất sẽ không đủ để hoàn tất. Do đó Hội Trường kêu gọi sự đóng góp thêm hoặc cho Giáo Hội vay mượn. Đặc biệt trong buổi lễ đồng đạo Hội Trường có yêu cầu tất cả đồng đạo tham dự lễ đồng cầu nguyện cho đồng đạo Niên Lão Nguyễn Tấn Hưng vừa mới từ trần. Đồng đạo niên lão Nguyễn Tấn Hưng nguyên cựu Hội Trường Ban Trị Sự Giáo Hội Phật

Giáo Hòa Hảo miền Bắc California nhiệm kỳ 1991-1993.

Kết thúc chương trình là phần lễ bái tự do và dùng cơm chay.



Đ/đạo Trần Trọng Nghĩa đang phụng ngâm bài "Tự Thân" của ĐHG.C.



Đ/đạo P.HT Nguyễn Trung Hùng đang trình bày "Ý nghĩa ngày Đản sanh".



Đ/đạo Trần Bá Phải, cựu HT.BTS.TƯHN/GHPGHH cùng Đ/đ Niên lão Nguyễn Tấn Ngô và Đ/đ Niên lão Nguyễn Hoài Ân đang tham dự buổi Đại Lễ ngày 18/01/2015 tại HQ Bắc Cali.

**Hình Ảnh những ngày Đại Lễ do BTS.
PGHH NamCali tổ chức trong năm 2014**



Lễ kỷ niệm ngày Đức Huỳnh Giáo Chủ thọ nạn được tổ chức lúc trưa Chủ Nhật ngày 23 tháng 3 năm 2014.



Lễ Vía Đức Phật Thầy Tây An lần thứ 158 tổ chức vào lúc 10g30' sáng Chủ Nhật 7 tháng 9 năm 2014 nhằm ngày 14 tháng 8 năm Giáp Ngọ tại H/Quán Nam Cali.



Thanh Niên Đoàn PGHH chuẩn bị cài hoa hồng cho các bậc phụ mẫu trong ngày Lễ Vu Lan được tổ chức lúc 10 g45' ngày rằm tháng 7 âm tức ngày 10-8-2014.



Đồng đạo Ngô Văn Ấn đang được cài hoa hồng trắng trong ngày Lễ Vu Lan được tổ chức tại Hội Quán PGHH nam California, ngày rằm tháng Bảy âm. năm Giáp Ngọ.



Lễ giỗ Quan Thượng Đẳng Đại Thần Nguyễn Trung Trực được tổ chức tại Hội Quán Nam Cali vào lúc 10 giờ 30' sáng Chủ Nhật 21-9-2014.



*Các niên lão và Ban trị Sự PGHH Nam Cali đang cử hành Lễ giỗ Ngài Nguyễn Trung Trực trước bàn thờ.
(ảnh: Thanh Phong/Viễn Đông)*

Mừng ngày Đại Lễ Đản sanh của Đức Huỳnh Giáo Chủ tại Hội Quán PGHH miền Nam California.

Vào lúc 10 giờ 30' sáng ngày Chủ Nhật 11-1-2015 (nhằm ngày 21 tháng 11 năm Giáp Ngọ), Ban Trị Sự PGHH miền Nam California đã tổ chức Đại lễ Đản sanh Đức Huỳnh Giáo Chủ lần thứ 95 tại Hội Quán trên đường Mc Fadden thuộc Thành phố Santa Ana, miền Nam California với sự hiện diện đông đủ của các giới chức Tôn giáo, các vị Dân cử địa phương, các đồng hương PGHH và giới Truyền thông Báo chí.

Sau phần múa lân chào mừng quan khách của đoàn lân Tiên Phong là phần ngỏ lời chào mừng và nói về tiểu sử Đức Thầy của ông Ngô Văn Ân, Trưởng ban Tổ chức. Tiếp theo là bài “Ý nghĩa ngày Đản sanh của Đức Thầy” do ông Trang Văn Mên trình bày.



Kế đó là phần phát biểu của Giáo sư Phạm Cao Dương nói về “Chủ trương chấn hưng xã hội miền Nam của Đức Huỳnh

Giáo Chủ”. Trong dịp này, Hiền tài Phạm Văn Khâm cũng lên tiếng trình bày về “Lòng yêu nước của Đức Huỳnh Giáo Chủ”. Cuối cùng, như thường lệ, ông Nguyễn Thanh Giàu Hội Trưởng BTS PGHH thay mặt toàn thể đồng đạo PGHH trong vùng ngỏ lời cảm ơn đến tất cả quan khách và mọi người đến tham dự buổi Đại lễ ngày hôm nay.

Buổi lễ chấm dứt lúc trưa cùng ngày với phần trình diễn Văn nghệ thật đặc sắc do các nghệ sĩ thân hữu đóng góp và phần cơm chay do Ban Phụ nữ PGHH khoản đãi./.

Phóng viên PHAN ĐẠI NAM (Đài SBTN)
tường trình từ miền Nam California.



Đoàn lân Tiên Phong đang chào mừng quan khách và đồng hương tham dự Đại lễ Đản sinh của Đức Thầy.



Quan khách và đồng đạo đang tham gia hành lễ theo Nghi thức tôn giáo Phật Giáo Hòa Hảo.

KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ ĐẢN SANH ĐỨC HUỲNH GIÁO CHỦ LẦN THỨ 95 TẠI ATLANTA, GEORGIA

Dưới đây là đôi lời chia sẻ của Đ/đ Huỳnh Thanh Hùng, Phó HT Nội vụ BTS. PGHH Georgia:

Mỗi năm đến ngày 25/11 âm lịch, hằng triệu con tim của tín đồ PHẬT GIÁO HÒA HẢO đều hướng về quê Cha đất Tổ để đón mừng ngày Đản Sinh của Đức Giáo Chủ kính yêu. Mỗi người chúng ta cùng thấp lèn nén hương lòng ấp ủ, dạ nhớ nhung:

*"Chùng nào Thầy lại gia trung,
Thì trong bốn đạo bóng tùng phủ che."*

Mặc dù chúng ta sống ở xứ lạ quê người, nhưng tinh thần Đạo Pháp luôn luôn bảo tồn và phát khai rực rỡ. Vì vậy chúng ta tổ chức ngày Đại lễ như thế này là để: 1.- Duy trì lịch sử của Đạo. 2.- Trả ơn Thầy Tổ. 3.- Thể hiện tinh thần đoàn kết và dìu dắt nhau vào con đường đạo đức.

Vậy bốn phận của người tín đồ là phải bảo tồn và phát huy giáo pháp để đáp lại ơn Thầy phổ hóa nặng tựa ngàn cân.

Đản Sinh của ĐỨC HUỲNH GIÁO CHỦ như sự xuất hiện của ánh mặt trời tỏa sáng khắp mọi nơi xóa tan những áng mây mù. Sự ra đời của Đức Thầy như vàng Thái Dương vừa hé lộ để báo hiệu những điềm lành, chuẩn bị thời cơ đem nguồn sống mới cho nhân loại và chúng sanh.

Vì Ngài là một vị cứu tinh cho nhân loại, cho Việt Nam nói riêng và cả thế giới nói chung. Vì vậy lễ Đản Sinh là nói lên Kỷ Nguyên mới khởi đầu của PHẬT GIÁO HÒA HẢO là để chấn hưng Phật Giáo.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam Mô A Di Đà Phật.



Đông đạo đang hành lễ trong ngày Đại Lễ Đản Sinh Đức Huỳnh Giáo Chủ được tổ chức tại Hội Quán PGHH Atlanta lúc 11 giờ trưa ngày 11-1-2015 (nhằm ngày 21-11 năm Giáp Ngọ) với sự tham dự của khoảng 70 người.



Đông đạo Phạm Công Trân, TrB Phó thông Giáo Lý đang trình bày Ý nghĩa ngày Đản sanh của Đức Thầy.



Đồng đạo đang cầu nguyện trong ngày Lễ Vía Đức Phật Thầy Tây An lần thứ 158 do BTS/PGHH Atlanta tổ chức tại Hội Quán ngày 26-10-2014.



Khóa tu học tại Hội Quán PGHH Atlanta trong hai ngày 1 và 2 tháng 11 năm 2014 với rất nhiều “măng non” tham dự.



Đông đạo Trần Phú Hữu, P. Hội Trưởng BTS.TUHN tổ chức buổi chia sẻ Giáo lý PGHH tại Hội Quán PGHH Atlanta ngày 8-11-2014.



Đông đạo Nguyễn Văn Mậu, TB. Phó thông Giáo lý TUHN có mặt trong khóa tu học và buổi chia sẻ Giáo lý PGHH tại Hội Quán PGHH Atlanta ngày 1-11-2014 do BTS TUHN tổ chức.

Hình ảnh Sinh Hoạt của BTS Calgary – CANADA



Đông đạo Chánh Thư Ký Nguyễn Minh Thành đang điều khiển buổi Cầu nguyện trước bàn thờ Tổ Quốc.



Đông đạo Bùi Quốc Công, P.Hội Trưởng Nội vụ đang đọc bài “Sứ mạng của Đức Thầy” trong Đại Lễ 18/5.



Đông đạo đang hành lễ trước ngôi Tam Bảo.

Hình Ảnh Sinh Hoạt của BTS. Sacramento và BTS. Stockton, California.



Đ/đạo Lê Công Nghệ đang trình bày về hành trạng của Đức Phật Thầy trong ngày Lễ Vía Đức Phật Thầy Tây An lần thứ 158 do BTS.GH/PGHH Sacramento tổ chức ngày 31-08-2014 tại Hội Quán.



Ngâm Sâm Giảng cùng với bữa cơm chay thân mật trong ngày Lễ Vía Đức Phật Thầy Tây An tại Hội Quán PGHH Sacramento.



*Ông bà đồng đạo **Phạm Bình Tây**, Cố vấn BTS.TUHN/GH/PGHH tham dự buổi Chia sẻ Giáo lý tại Hội Quán PGHH Stockton, CA. ngày 13-07-2014.*



*Quang cảnh buổi chia sẻ Giáo lý tại Hội Quán PGHH Stockton, CA. do đồng đạo **Trần Phú Hữu** đảm trách với sự tham dự của trên 50 đ/đạo từ các vùng phụ cận.*

Bản tin
Bầu cử Ban Trị Sự GH/PGHH Sacramento
Nhiệm kỳ 2014-2016

Vào lúc 10 giờ 30' sáng Chủ Nhật ngày 4-1-2015, tại Hội Quán PGHH Sacramento, Ban Trị Sự GH/PGHH Sacramento đã tổ chức buổi bầu cử BTS.GH/PGHH nhiệm kỳ 2014-2016 với sự tham dự của khoảng 40 đồng đạo trong vùng.

Trước hết, để việc bầu cử được tiến hành thuận lợi và nhanh chóng, một Chủ tọa đoàn được toàn thể mọi người tín nhiệm với thành phần như sau:

- Đồng đạo Mai Văn Mến: Chủ tọa,
- Đồng đạo Dương thị Lệ: Kiểm Soát viên,
- Đồng đạo Nguyễn Thanh Phương: Thư Ký.

Ngoài ra còn có đồng đạo Tạ Văn Cách và đồng đạo Huỳnh Ngọc Ân tình nguyện tham gia kiểm phiếu.

Mở đầu, Chủ tọa đoàn tuyên bố thể lệ Bầu cử: Phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và kín và chỉ bầu chức vụ Hội Trưởng mà thôi. Sau đó, tân Hội Trưởng sẽ chọn hai vị Phó Hội Trưởng và các chức vụ khác. Tuy nhiên, thể theo ý kiến chung, hai vị Phó Hội Trưởng cũng phải thông qua sự bỏ phiếu của toàn thể cử tri, hai vị nào được số phiếu nhiều nhất sẽ đương nhiên là Phó HT nội vụ và Phó HT ngoại vụ.

Vì không ai ứng cử vào chức vụ Hội trưởng nên 3 vị được đề cử; đó là: 1.- Đ/đạo Đỗ Tâm Thành, 2.- Đ/đạo Huỳnh Văn Liêm, 3.- Đ/đạo Nguyễn Thanh Phương.

Sau khi phát phiếu bầu để mọi người chọn lựa và thông qua ban kiểm phiếu, kết quả như sau: Đồng đạo Huỳnh Văn Liêm được tín nhiệm với số phiếu 35/40 (tỷ lệ 87.5%).

Tiếp theo, 4 vị sau đây được đề cử vào chức vụ Phó Hội Trưởng là:

1.- Đ/đạo Nguyễn Thanh Phương, 2.- Đ/đạo Huỳnh Long Giang, 3.- Đ/đạo Nguyễn Văn Hiệp, 4.- Đ/đạo Đỗ Tâm Thành.

Kết quả 2 vị được số phiếu cao nhất là:

1.- Đ/đạo Nguyễn Thanh Phương: 29/36.

2.- Đ/đạo Đỗ Tâm Thành: 17/36.

Đồng đạo Mai Văn Mến thay mặt Chủ tọa đoàn công bố kết quả Bầu cử như sau:

1.- Đồng đạo Huỳnh Văn Liêm đắc cử vào chức vụ Hội Trưởng,

2.- Đồng đạo Nguyễn Thanh Phương và Đ/đạo Đỗ Tâm Thành đắc cử vào chức vụ Phó Hội Trưởng nội vụ và ngoại vụ.

Ngay sau đó, đồng đạo Huỳnh Văn Liêm, tân Hội Trưởng đã mời được một số đồng đạo vào các chức vụ trong Ban trị sự và thành phần Ban Trị Sự GH/PGHH Sacramento nhiệm kỳ 2014-2016 được chánh thức công bố như sau:

-Đ/đ Huỳnh Văn Liêm: Hội Trưởng.

-Đ/đ Nguyễn Thanh Phương: Phó Hội Trưởng nội vụ.

-Đ/đ Đỗ Tâm Thành: Phó Hội Trưởng ngoại vụ.

-Đ/đạo Huỳnh Ngọc Ân: Chánh Thư ký kiêm Thủ bản.

-Đ/đạo Long Quân: Phó Thủ bản.

-Đ/đạo Lê Công Nghệ: Trưởng ban Phổ thông Giáo lý.

-Đ/đ Nguyễn Thành Xương: Tr/ ban Kiểm soát.

-Đ/đạo Nguyễn Kim Sơn: Trưởng ban Tổ chức.

-Đ/đạo Quách Tường: Phó ban Tổ chức.

-Đ/đạo Võ Văn Tiền: Trưởng ban Xã hội.

-Đ/đạo Huỳnh Long Giang: Tr/ ban Liên lạc.

-Đồng đạo Dương Thị Lệ: Trưởng ban Âm thực.

-Đ/đạo Nguyễn Phương Trang: Phó ban Âm thực.

Được biết, toàn thể anh chị em trong tân Ban Trị sự sẽ làm lễ ra mắt trong ngày Đại lễ Kính mừng Đản sinh lần thứ 95 của Đức Huỳnh Giáo Chủ, được long trọng tổ chức vào ngày Chủ Nhật 18-1-2015 sắp đến.

Buổi tổ chức Bầu cử tân Ban Trị sự GH/PGHH Sacramento nhiệm kỳ 2014-2016 chấm dứt lúc 12 giờ 30' cùng ngày trong bầu không khí vui tươi cùng với bữa cơm chay thân mật như thường lệ./.

NGUYỄN THANH PHƯƠNG

(Trường trình từ Thủ phủ Sacramento)



*Lễ ra mắt Tân Ban Trị Sự GH/PGHH Sacramento
nhiệm kỳ 2014-2016 trong ngày Đại lễ Đản sanh
Đức Huỳnh Giáo Chủ tổ chức tại Hội Quán
ngày 18-01-2015.*

Lễ Đản sanh Đức Huỳnh Giáo Chủ tại Thủ phủ Sacramento

Lễ Đản Sanh Đức Huỳnh Giáo Chủ được BTS.PGHH Sacramento tổ chức lúc 10 giờ 30' ngày Chủ Nhật 18/01/2015 tại Hội Quán với sự tham dự của khoảng 70 đồng đạo và đồng hương trong vùng.



D/đạo Hội Trưởng Huỳnh Văn Liêm đang nói về Ý nghĩa ngày Đản sanh của Đức Huỳnh Giáo Chủ.



Ban Trị sự và đồng đạo đang hành lễ trước ngôi Tam Bảo và bàn thờ Cửu huyền Thất tổ.



Đ/đạo Chánh Thư Ký Huỳnh Ngọc
Ẩn đang làm MC cho buổi Đại Lễ.

trong cuộc bầu cử ngày 4/01/ 2015 vừa qua.

Ngoài những tiết mục như thường lệ, còn có Lễ ra mắt của Tân Ban Trị Sự nhiệm kỳ 2014 - 2016 với thành phần gồm những Đồng đạo PGHH có đầy đủ đạo đức và phẩm hạnh được toàn thể đồng đạo tín nhiệm



Đ/đ Võ Như Nguyên và Nghệ sĩ Hoài Hương đang phụng ngâm Thi văn Giáo lý của Đức Thầy trong ngày Đại lễ Đản Sinh tại Hội Quán PGHH Sacramento.

Buổi Đại lễ kết thúc lúc 1 giờ 30' trưa cùng ngày sau bữa cơm chay đầy Đạo vị và ngon miệng do Ban Âm thực cùng một số gia đình mang đến khoản đãi.

NGUYỄN THANH PHƯƠNG
(Tường trình từ Thủ phủ Sacramento)

Bản Tường trình về Sinh Hoạt của Ban Trị Sự PGHH Thủ đô Washington và vùng phụ cận.



Kính thưa
Quý Vị,

BTS/PGHH/
Thủ Đô
Washington và
Phụ cận đã tổ

chức Lễ Đản Sinh Đức Huỳnh Giáo Chủ vào ngày Chủ Nhật 18/01/2015 vừa qua, lúc 11 giờ sáng đến 3 giờ chiều. Mặc dù thời tiết quá khắc nghiệt (mưa tuyết dầm dề, lạnh lẽo suốt ngày), vị trí hành lễ nhỏ hẹp (không đầy 9 mét vuông), cũng phải chứa 15 vị niên lão nam lẫn nữ và 2 đồng đạo trẻ chen chúc đứng hành lễ.

Ngoài nghi thức cầu nguyện trong Lễ Đản Sinh của Đức Thầy, chúng tôi còn có 1 giờ tĩnh tâm niệm Phật. Sau đó, Ông Hội Trưởng Trần Phú Hữu thuyết giảng đề tài "Thiên Tịnh Song Tu". Thêm vào đó còn có phần Đạo Đàm và cơm chay thân mật (do đồng đạo Phan Văn Bê và các vị hảo tâm khác mang thức ăn tới).

Trước lễ Đản sanh của Đức Thầy, chúng tôi cũng đã có tổ chức Lễ Vía Đức Phật Thầy Tây An ngày 7-9-2014, Lễ Giỗ Đức Quan Thượng Đăng Đại Thần Nguyễn Trung Trực ngày 21-9-2014.

Chúng tôi cũng đã thực hiện sinh hoạt định kỳ hai tuần lễ một lần vào suốt ngày Chủ Nhật với chương trình thường xuyên như sau:

- Họp đồng đạo và thân hữu cầu nguyện theo nghi thức PGHH và tiếp theo là 1 giờ tĩnh tâm niệm

Phật;

- Hội luận Giáo lý PGHH và Phật pháp cùng giải đáp thắc mắc;

- Kiểm điểm công tác nội bộ;

- Dùng cơm chay trưa thân mật.

Tuy tiện nghi vật chất thiếu thốn nhưng nhiều Đồng đạo có lòng thành, chúng tôi hy vọng sẽ làm tốt công việc tu học trong những ngày sắp tới.

Trân trọng kính chào Quý Vị. Kính chúc Quý Vị năm mới được khang an, đạo lành viên mãn.

Silver Spring MD, ngày 21 tháng 01 năm 2015

TM. BTS Thủ Đô,

Thư ký kiêm Thủ quỹ,

Nguyễn Thị Bạch Nguyệt



Đồng đạo đang hành lễ theo Nghi thức Tôn giáo PGHH trong ngày Lễ Đản sanh của Đức Thầy được BTS tổ chức tại Hội Quán ngày 18/01/2015.



Bữa cơm chay thân mật và ngôi tĩnh tâm niệm Phật (1 giờ đồng hồ) trong ngày Lễ Đản sanh Đức Thầy.



Lễ Giỗ Đức Quan Thượng Đẳng Đại Thần Nguyễn Trung Trực được BTS tổ chức ngày 21/9/2014 với sự tham dự đông đảo của Đồng đạo và đồng hương trong vùng.

Lễ Đản sanh Đức Huỳnh Giáo Chủ tại Houston (Texas).

Trong niềm hân hoan đón mừng ngày Đản Sanh Đức Huỳnh Giáo Chủ năm thứ 95, vào lúc 12 giờ trưa ngày 18 tháng 1 năm 2015, tại địa chỉ 13627 Tonnochy Dr., Houston, TX 77083, Ban Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo Houston (TX) và vùng Phụ cận đã long trọng tổ chức ngày Đức Huỳnh Giáo Chủ giáng trần để hoằng pháp độ sinh.

Mở đầu, đồng đạo Lý Ngọc Bửu giới thiệu chương trình và quan khách, thân hữu đến dự.

Trong buổi lễ, nhận thấy có sự tham dự của Ni Sư Thoại Liên, anh Nguyễn Công Bằng đại diện cho Vì Dân Foundation, chị Anh Trinh đài tiếng nói Hoa Mai, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Chính, Thiếu Tướng Phạm Văn Nhân thuộc Lực Lượng trừ bị Hoa Kỳ, Phái đoàn hội Cao Niên Houston, Phái đoàn BDD/PGHH San Antonio cùng đồng đạo.

Kế đến là phần chào cờ Hoa Kỳ, VNCH quốc ca và phút mặc niệm. Sau đó, đồng đạo Nguyễn Anh Dũng ngỏ lời chào mừng quan khách và nói lên Ý nghĩa ngày Đản Sanh: "Đức Huỳnh Giáo Chủ ra đời trong hoàn cảnh đất nước Việt Nam và thế giới loạn ly vì Thế chiến thứ nhất vừa bùng nổ. Trong sự đau khổ của nhân loại, Ngài lâm phạm để cứu độ chúng sanh, và đặc biệt hơn là người nông dân miền Tây Nam Việt. Ngài ra đời để dạy vì sao chúng ta phải tu. Pháp môn Học Phật Tu Nhân rất thực tế và hữu hiệu cho người tín đồ PGHH, tu và hành từng phút từng giây qua Tứ Ân làm phương tiện, đi vào đời để hành đạo. Vì nghiệp duyên của mỗi chúng sanh nên mỗi người trong sự cảm nhận Phật pháp rồi chọn đường Tu."

Tiếp theo là phần nghi thức tôn giáo, mọi người cùng đứng lên trong không khí trang nghiêm để kính lễ. Kế đến, Đồng đạo Nguyễn Văn Chon cung kính đọc bài “Sứ Mạng của Đức Thầy” do chính tay Ngài viết tại Bạc Liêu ngày 18/5 năm Nhâm Ngũ. Phần đọc Sám giảng do Đồng đạo Thoa từ San Antonio diễn ngâm theo điệu giọng Bắc hòa Nam, được mọi người nhiệt liệt tán thưởng.

Phần phát biểu cảm tưởng có Sư Cô Thoại Liên, anh Nguyễn Công Bằng, TT Phạm Văn Nhân đều nói lên sự kính trọng Đức Thầy, một vị Phật lâm phàm nơi nước Việt Nam và mong Ngài sớm trở lại dìu dắt chúng sinh trong thời kỳ Hạ nguon mặt pháp.

Buổi lễ bế mạc vào lúc 1: 20 PM cùng ngày và mọi người đều ở lại dùng bữa cơm chay thân mật, rất ngon miệng do BTS/PGHH Houston khoản đãi.



Quang cảnh Lễ Đản sanh Đức Thầy tại Hội Quán PGHH Houston do BTS tổ chức ngày 18-01-2015.

**Hình ảnh công tác Từ Thiện Xã hội của BTS/PGHH
Houston (TX).**



Cung cấp thức ăn cho người không nhà (Homeless)
trong những dịp lễ lớn.



Phân phát thức ăn, nón đội và bao tay cho người vô gia
cư trong vùng.

CHỦ TRƯỞNG CHẤN HƯNG ĐẠO PHẬT CỦA PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Nhiều người lầm tưởng PGHH là một tôn giáo mới hoặc một Đạo Phật canh tân tách ra khỏi Phật giáo truyền thống của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Do đó, phần lớn người theo Phật giáo truyền thống không thấy rõ cái tinh hoa tư tưởng của Đức Thầy và nhìn PGHH với đôi mắt xa lạ, thậm chí có định kiến rất sai trái rằng PGHH là một đạo thấp kém chỉ dành cho lớp người quê mùa thất học.

Do đó, rất cần tìm hiểu tính chân truyền của PGHH với sứ mạng chấn hưng Đạo Phật truyền thống, đang suy đồi trong một bối cảnh không gian Việt Nam đã phải trải qua các giai đoạn lịch sử lâu dài trong chiến tranh bạo loạn của thời phong kiến và tiếp sang thời Pháp thuộc. Đức Thầy đã khẳng định khi tuyên bố: ***“Đối với toàn thể tín đồ Phật giáo, tôi vẫn không quên rằng tôi là một đệ tử trung thành của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni”***.

Lúc ban sơ nhập thế, Đức Thầy đã dùng thuật chữa bệnh theo cách huyền diệu của Phật để cứu chúng sanh. Song song đó, Ngài tha thiết khuyên họ tu hành để tự giải khổ hoặc để được cứu rỗi, theo truyền thống Bửu Sơn Kỳ Hương đã thực hiện từ thời Đức Phật Thầy Tây An (1807-1856). Ngài cho biết thời Hạ nguơn đã mỏng, khổ bệnh tật và khổ chiến tranh liên tiếp xảy ra. Ngài tiên đoán qua báo động đại loại như sau:

***- “Hạ nguơn nay đã hết đời,
Phong ba biển chuyển đổi đời gia cang.”***

- *“Mèo kêu bá tánh lao xao,
Đến chùng rùng rấn máu đào chổ ghê...”*
- *“Hồng trần lao khổ xiết bao,
Khuyên trong lê thứ bước vào đường tu.”*
- *“Lời lành khuyên hãy gắng ghi,
Dương trần phải rón tu trì sớm khuya.”*
- *“Khuyên trong lê thứ trẻ già,
Tu hành hiền đức Phật mà cứu cho.”*

Đức Thầy đã khế cơ thuyết giảng Phật pháp cho đại chúng một cách dễ hiểu dễ nhớ và phù hợp với văn hóa truyền thống của người Việt Nam. Ngài chủ trương *“Dạy bổn đạo lấy câu trung đẳng, Chẳng nói cao vì sắp rớt đời”* và chủ đích rất rõ ràng là *“Thuyền Bát nhã ta cầm tay lái, Quyết đưa người khỏi bến sông mê”*.

Giáo lý PGHH do Đức Thầy truyền dạy đều tóm tắt tinh hoa của Phật pháp. Ngài dạy tín đồ của Ngài cần nhớ cội nguồn dân tộc để sống sao cho hợp với Nhân đạo, làm những điều thiện lương để tạo nghiệp lành, dạy tu vô vi để tìm về an lạc giải thoát đúng theo bản hoài của Đức Phật Tổ Thích Ca. Đó cũng chính là nền tảng Học Phật Tu Nhân cố hữu của Bửu Sơn Kỳ Hương.

Chấn hưng một Đạo Phật mang tính chất văn hóa Việt Nam là mục tiêu lớn nhất của PGHH. Vậy sự chấn hưng đó đã diễn ra như thế nào ?

Chấn hưng tức là chỉnh đốn sửa sang cho hưng thịnh trở lại một cái gì đang bại hoại, suy đồi. Trong thời Đức Phật Thầy Tây An, đạo Phật đã rất lu mờ trong bối cảnh lịch sử nước nhà sau chiến tranh hỗn loạn: phân tranh Nam Bắc, nội chiến triền miên của thời phong kiến. Kế tiếp đến thời Pháp thuộc, tình trạng Phật giáo lại càng suy vi hơn. Dự đoán mê tín hầu

như phủ đầy trên các hình thức sinh hoạt đạo Phật. Do đó, PGHH xuất hiện (ngày 18-5 năm Kỷ Mão, 1939) như là một tông phái mới của Phật giáo đã góp công lớn và mạnh nhất nhằm chấn hưng và Việt hóa Đạo Phật. Đức Huỳnh Giáo Chủ đã đề ra 3 nỗ lực chấn hưng Phật giáo rất cụ thể rõ ràng:

1. Bài trừ dị đoan mê tín đang bám víu trong sinh hoạt Đạo Phật:

*“Khùng khuyển hết kẻ ngu người trí,
Rán tỉnh tâm suy nghĩ Đạo mầu.
Chuyện huyền cơ bí hiểm cao sâu,
Hãy nghiệm xét hai đường tà chánh.”* (Q.2).

2. Phá quan niệm tu hành sai lệch và vụ hình thức để đem Đạo Phật trở về *chánh pháp vô vi*, tầm cầu giải thoát:

*“Đạo vô vi của Phật ân cần,
Nói theo chí Thích-Ca ngày trước.”* (Q.4).

3. Đại chúng hóa Đạo Phật bằng cách đem đạo Phật vào từng nhà với nghi lễ thờ cúng giản dị, thay vì lập thêm chùa chiền, xây đắp thêm tượng cốt. Ngài nói với các tín đồ: *“...toàn thể trong Đạo chúng ta thuộc hạng tại gia cư sĩ, học Phật tu Nhân...”* và:

*“Bá gia bá tánh đâu đâu,
Xem lời Ta chỉ về cầu tại gia.”*

(Bài Từ Giã Bồn Đạo khắp Nơi)

Chúng ta sẽ tìm hiểu sâu thêm về các nét căn bản về chấn hưng đạo Phật của Đức Thầy.

I. BÀI TRỪ DỊ ĐOAN MÊ TÍN:

Đức Thầy, mà tín đồ của Ngài tôn xưng là Đức Huỳnh Giáo Chủ, xuống trần lập Đạo PGHH năm

1939, đến năm 1947 thì nhân dịp thọ nạn mà vắng mặt cho tới nay. Thời gian Ngài dạy Đạo cho thế gian chưa đầy 8 năm. Trong một hoàn cảnh vô cùng khó khăn của thời Pháp thuộc, cũng là thời kỳ Phật giáo suy đồi đến tột độ trước dân trí rất thấp kém. Tính chất uyên thâm, trong sáng của đạo Phật hầu như bị che lấp bởi màu sắc mê tín dị đoan; phần lớn người đến chùa để cầu tài, cầu phước,...mà không biết mục tiêu trí huệ giải thoát là gì.

Đạo Phật là một tôn giáo mang tính khoa học, lại còn nổi tiếng dẫn đường cho khoa học, thì không có lý do gì chấp nhận dị đoan mê tín. Dị đoan mê tín có nghĩa là tin nhầm những điều kỳ lạ, vô lý, tin bướng càn những điều huyền hoặc vì si mê sợ sệt nên dễ làm người tin theo thêm bận tâm rối trí. Đó chính là các rào cản con đường khai thông trí huệ. Cho nên Đức Thầy đã cương quyết bài trừ dị đoan mê tín. Ngài chẳng những rao giảng khuyên răn mà còn cực lực đả phá:

1/-Ngài khuyên răn không nên giết súc vật để cúng tế Thần Thánh và không nên ăn thịt 3 con vật sống gần bó bên cạnh ta: ***“Ta chẳng nên ăn thịt trâu, chó, bò và không nên sát sanh hại vật mà cúng Thần Thánh*** nào, vì Thần Thánh không bao giờ dùng hối lộ mà tha tội cho ta, vì nếu ta làm tội sẽ hưởng tội, còn những hạng ăn đồ cúng kiếng mà làm hết bệnh là tà thần; nếu ta cúng kiếng mãi thì nó ăn quen sẽ nhiều hại ta.” (điều 5 trong 8 điều khuyên răn căn bản).

2/- Ngài còn khuyên răn: ***“Ta không nên đốt giấy tiền vàng bạc, giấy quần áo mà tốn tiền vô lý, vì cõi Diêm Vương không bao giờ ăn hối lộ của ta, mà cũng không xài được nữa, phải để tiền lãng phí ấy mà trợ cứu cho những người lỡ đường đói rách, tàn***

tật.”(điều 6).

3/- Kết luận 8 điều khuyên, Ngài lại còn nhắc trong điều khuyên răn chót: “...**bỏ tất cả những sự dị đoan mê tín thái quá mà làm cho đạo đức suy đồi**”.

4/- Trong Sám Giảng Thi Văn và trong lúc đi thuyết giảng khắp nơi, Đức Thầy cũng luôn luôn nhắc nhở **ương quyết bài trừ dị đoan mê tín**, đem Phật vào tâm, tu vô vi không dính cảnh. Xin được trích dẫn sau đây một số lời vàng được Ngài nhắc nhở rải rác qua các thi văn:

Trong **Quyển 1**:

-“**Chẳng ham cúng kiếng chè xôi,**
Phật Trời chẳng muốn điều tồi ấy đâu”.

Trong **Quyển 2**:

-“**Học tả đạo làm điều tà mị,**
Theo dị đoan cúng kiếng tình tà,
Thì sau này gặp việc thiết tha,
Đừng có trách Khùng Điên chẳng cứu”,
-“**Lũ thầy đám hay bày trò khỉ,**
Mượn kinh luân tụng mượn lấy tiền”,
-“**Xá với phước là trò kỳ quái,**
Làm trai đàn che miệng thế gian,
Kẻ vinh hoa phú quý giàu sang,
Mượn tặng chúng đặng làm chữ hiếu”,
-“**Những giấy tiền vàng bạc cũng thôi,**
Chớ có đốt tốn tiền vô lý,
Xưa Thần Tú bày điều tà mị,
Mà dất diu bá tánh đời Đường,
Thấy chúng sanh lầm lạc đáng thương,
Cõi Âm Phủ đâu ăn của hối”,
-“**Nay nhằm lúc mùa màng ngập thát,**

Vậy hãy mau bỏ bớt dị đoan.”

Trong **Quyển 3:**

- “*Tại sao **chẳng cúng chè xôi,**
Bởi vì tận thế Phật thôi ăn chè”*,
- “*Giáo khuyên khắp hết đâu đâu,
Bớt điều mị dối mới hầu thấy Ta,
Đừng theo lũ quỷ lũ ma,
Cúng kiếng nó mà nó phải ăn quen,
Chết rồi cũng **bớt cóc keng,**
Trống đờn lễ nhạc tế xen ích gì,
Đàn nhu thầy lễ cũng kỳ,
Mắc phải chuyện gì phủ phục bình hưng?
Lại thêm đờn địch từng tung,
Dem con heo sống mà **dưng** làm gì?
Chủ gia kẻ lạy người qui,
Làm **chuyện dị kỳ giả dối** hay không?”,
- “*Hò reo giục trống nhiều câu,
Sai đồng khiến quỷ nói lâu nực cười”.**

Trong **Quyển 5:**

“***Diệt mê si** phải nương thuyền giác,
Muôn việc làm chính trực khôn ngoan,
Đừng bạ đâu tin bướng nghe càn,
Làm ngu muội đọa thân uông kiếp”.*

Trong bài “**Hai Mươi Chín Tháng Chạp**”:

“*Dân chúng **chớ nên đốt giấy tiền,**
Bởi vì Diêm chúa chẳng tình riêng,
Phán quan tả hữu không dùng hối,
Nên phải dạy dân **bỏ giấy tiền,**
Vàng bạc bởi tay khách trú làm,
Phật Thần Tiên Thánh chẳng dùng ham,
Giấy quần giấy áo không nên đốt,*

Ngữ chuyện dối ma chẳng đáng làm”.

Tóm lại, các hình thức dị đoan mê tín trong sinh hoạt dân gian và Phật giáo xưa nay mà Đức Thầy khuyên bỏ hẳn gồm có: *tục sát sanh hại vật để cúng tế tà ma và thần thánh, tục đốt giấy tiền vàng bạc và giấy quần áo trong các dịp tế lễ, tục dùng chè xôi để dâng cúng Trời Phật, tục tế sống heo gà, tục tụng kinh mướn để cầu an cầu siêu, tục làm trai đàn tế lễ với lẩu kho xá phước gọi cho người chết dùng, tục tổ chức nhạc lễ đờn địch trong tang lễ, tục thầy pháp sai đồng khiển quỷ lừa bịp thế gian, v.v. ...* Các hủ tục đó hoàn toàn không ích lợi, chỉ làm cho Giáo lý trong sáng của nhà Phật càng ngày càng mờ lu, không còn giúp ích hữu hiệu cho đời nữa.

II. TU VÔ VI ĐỂ GIẢI THOÁT:

Đạo Phật suy thoái bởi dị đoan mê tín chen vào, và bị tín ngưỡng “đa thần” làm cho người tín đồ Phật giáo không còn biết hướng về cứu cánh an lạc giải thoát nữa. Họ xem Phật như một vị thần linh nên đến Phật để cầu tài cầu phước. Từ đó, họ bày ra những hình thức thờ cúng lung tung và nhắm nhí như: thờ thần tài, thổ thần, thần đá, thần cây đa, thần ôn dịch, bà mẹ sanh, ông tà, bà chúa xứ, v.v. ... Từ bối cảnh tà tín đó, nhiều loại “thầy” bất chánh nẩy sanh: thầy bùa, thầy tụng, thầy cúng (còn gọi thầy nhum bông), thầy pháp, ông đồng, bà bóng, v.v. ... Ngược lại, các tôn giáo chân chánh có nền tảng triết lý cao siêu đã ăn sâu vào văn hóa tốt đẹp của dân tộc bị lu mờ dần, như: Phật, Nho, Lão, đạo thờ cúng ông bà, anh hùng liệt sĩ.

Một số người hết lòng tin Phật thì chạy hết tông này sang phái nọ, qui y hết vị tăng này đến vị tăng khác để nương tựa các thế lực bên ngoài giúp cho họ

có phước lộc. Một số khác tụng niệm sớm tối mà không hiểu biết kinh luận dạy gì, rồi khi ra khỏi các thời tụng niệm thì tham sân si vẫn nguyên vẹn. Do đó, Đức Thầy cực lực đả phá lối tu hành sai lệch và vụ hình thức để đem Đạo Phật trở về chánh pháp vô vi, tâm cầu giải thoát.

Phần lớn số người tín đồ Phật giáo không hiểu tu là để giải thoát, là ra khỏi luân hồi, là làm sáng Phật tâm, là về cõi Niết bàn, Cực-lạc an vui tịch tịnh,.. Giải thoát là mục tiêu cao nhất của đạo Phật. Muốn giải thoát, phải *tu vô vi*, tức là tu mà không dính vào tướng huyễn giả, không cầu phước báo, chỉ cốt sao Phật tâm được hiển lộ, trí huệ được viên mãn hầu sớm ra khỏi vòng luân hồi khổ não. Về mặt này, Đức Thầy đã giảng dạy như sau:

Trong **Quyển 1**: Tu là để thoát cõi Diêm phù (tức ra khỏi cõi thế gian ngũ trược này), khỏi phải rơi vào ác đạo, để thấy niết-bàn tịch tịnh nơi tâm, để thông dong giải thoát:

- *“Tu cho qua cửa Diêm phù,
Khỏi sa Địa ngục ngao du Thiên đài”.*
- *“Rán tu đem được Phật vào trong tâm”.*
- *“Tu cho nhàn tại tâm thân”.*

Trong **Quyển 2**: Tu để hiểu được cái lý chơn không diệu hữu của Phật, để quay trở lại cảnh chơn thường:

- *“Đạo Thích-Ca nhiều nẻo cao sâu,
Hãy tìm kiếm cái Không mới Có”.*

Trong **Quyển 3**: Tu để hiểu biết đâu là đường tục lụy khổ não cần tránh, đường Phật Thánh Tiên thông dong nhàn hạ cần theo:

- *“Dạy cho trần thế phi tình,*

Đàng tiên cỡi tục phân minh hai đường”.

Trong **Quyển 4**: Tu để lặng tâm ngộ đạo, để hiểu rõ hướng đi chơn chánh, để nhập niết-bàn, lánh xa đường tục lụy, để hiểu biết phương thức tiến lên cao, biết đường về Cực Lạc an vui, biết thế nào là đạo vô vi của Phật mà hướng tâm theo đuổi:

- *“Tu với tỉnh biết làm chẳng khó,
Nếu lặng tâm tỏ ngộ đạo mau”.*
- *“Nhìn Phật giáo mà tìm cái lý,
Coi tại sao ta phải tu hành”.*
- *“Cảnh Niết-bàn là nơi cứu cánh,
Về chốn ni xa lánh hồng trần”.*
- *“Tu biết cách như đươn với đất,
Đươn đất rành đặng dựa xe loan”.*
- *“Trông chúng sanh nghĩ tận đuôi đầu,
Về Cực Lạc mới là hết khổ”.*
- *“Đạo vô vi của Phật ân cần,
Nói theo chí Thích-Ca ngày trước”.*

Trong **Quyển 5**: Tu để Phật hóa tâm tánh mình, để thoát mê, ra khỏi sanh tử, để đạt cứu cánh giải thoát:

- *“Tu cầu Phật hóa tánh tình,
Lưới mê chẳng buộc nhẹ mình tiêu dao”.*
- *“Tu cầu thoát khỏi tử sanh,
Nương theo Phật quốc lời lành hằng nghe”.*
- *“Tu cầu thoát khỏi xích xiềng,
Dựa kê Chơn Phật xa miền trần lao”.*

Tại một số bài khác:

Bài Muốn Rõ Đạo Mau: Tu là dẹp phiền não bằng cách niệm Phật A-D-Đà, để hiểu rõ đạo mau, tầm cầu giải thoát:

“Niệm chữ A-Di dẹp lòng sâu,

*Rán trì kinh kệ hoặc mau lâu,
Cũng có ngày kia ta giải thoát,
Giải thoát thì ta rõ đạo mâu”.*

Bài Diệu Pháp Quang Minh: Tu để biết rõ cảnh Phật Thánh Tiên đáng lên, cảnh dương trần đáng rời bỏ, tu để tầm cầu cõi vô vi niết-bàn, lánh xa cõi âm thanh sắc tướng đầy phiền não, tu để không còn dính mắc cái vòng sanh diệt nữa, tu để trực chỉ về Tây Phương Cực Lạc của Phật A-Di-Đà:

- *“Cảnh dương trần khó sánh Bồng-Lai,
Về Tiên cảnh say mùi rượu Thánh”*,
- *“Điên đẹp gác âm thanh sắc tướng,
Tầm Vô vi kiếm cảnh Niết-bàn”*,
- *“Phải bền lòng chặt nẻo sắt đĩnh,
Rán kiếm chữ bất sanh bất diệt”*,
- *“Kịp nương theo trực chỉ Tây phương,
Đến Cực-Lạc tìm nơi an dưỡng”*.

Bài Sa-Đéc: Tu để vượt qua chướng ngại chông gai mà đến bờ giải thoát:

*“Dầu gian lao dạ sắt chẳng sờn,
Miễn sanh chướng thông đường giải thoát”*.

Bài Không Buồn Ngủ: Tu để cùng về an dưỡng nơi miền Cực Lạc:

*“Ngỏ lời khuyên nhơn loại khắp gần xa,
Rán tu tỉnh hưởng đời chung cực lạc”*.

Bài Khuyên Bỏ Dị Đoan: Tu để hiểu tận tường lý Chơn Không và điu dắt dân tộc Lạc Hồng về với Chơn Không mà xa lìa tiền tài danh vọng không thật có:

*“Bạc đồng chẳng dụng dụng Chơn Không,
Quyết chí nâng niu giống Lạc Hồng,
Tìm tới đạo mâu trong Phật pháp,
Cho đời hiểu rõ lý Chơn Không”*.

Bài Cho Ông Tham tá Ngà: Tu vì pháp tánh cao sâu

mà quyết gìn giữ đạo vô vi chơn chánh:

*“Huyền pháp thâm trầm thom bất tuyệt,
Vô vi chánh đạo hồi người ôi !”*

Bài Diệu Pháp Quang Minh: Tu để tâm không còn chi dính mắc, thấy rõ tướng không thật có mà giữ vững từng bước đạo đức chắc chắn tiến lên:

- *“Lời văn thô ý kiến chẳng cao,
Nội quang cảnh tâm vô kỳ vật,
Đường đạo đức bước đi từ nấc,
Ngoại quan hình bất kiến kỳ hình”.*
- *“Chúng sanh mê nên đem pháp thuyết,
Giải thoát rồi pháp bất khả dùng”.*

Bài Từ Giã Làng Nhơn Nghĩa: Tu phải cương quyết xả bỏ cái thân huyền giả này mà theo đạo vô vi để giải thoát:

*“Xả thân tâm đạo Vô vi,
Nhiệm mẫu thâm diệu nan tri Lão bày”.*

Bài Tỉnh Bạn Trần Gian: Tu phải cắt đứt lòng phân biệt giữa ta và người, để biết rằng Sắc và Không không hề khác để tìm cách thoát khỏi đường mê mà ra nẻo sáng:

*“Nhân ngã ngã nhân đừng cách biệt,
Sắc-Không Không-Sắc chớ lìa xa,
Diệu huyền chơn lý nơi đường sáng,
Áo thuật tà tâm kiếm nẻo ra”.*

Bài Hoài Cổ: Tu để dứt nợ đời, thoát vòng trói buộc nặng nề để chứng Pháp thân nhẹ nhàng thanh thản:

*“Tĩnh xong món nợ lần khôn,
Thoát vòng cương tỏa pháp thân nhẹ nhàng”.*

Bài Tạng Thi Sĩ Việt Châu: Tu để thấy Chơn tâm không có chi phải dính mắc, chỉ còn lại một thể tánh vô phân biệt, bình đẳng tròn đầy:

“Chùng ấy mới tâm vô nhứt vật,

*Bụi hồng trần rớt sạch cửa Không,
Chuông linh ngân tiếng đại đồng,
Ta bà thế giới Sắc-Không một màu”.*

- v.v. ...

Tóm lại, Vô vi (không dính mắc cảnh để tạo nghiệp) là con đường chắc thật nhất để đạt quả giải thoát theo đúng bản hoài của chư Phật và Tổ Thầy mà người tín đồ PGHH phải luôn luôn ghi nhớ và tinh tấn hành trì.

III. ĐẠI CHÚNG HÓA ĐẠO PHẬT BẰNG CÁCH ĐEM ĐẠO PHẬT ĐẾN TỪNG NHÀ

Đức Phật sau khi thành đạo đã thấy rõ tất cả chúng sanh sẵn có Phật tánh như nhau nên đạo Phật luôn luôn hướng về đại chúng để cứu vớt muôn loài. Để thực hiện lý tưởng bình đẳng tuyệt đối đó, Đức Thầy chủ trương đại chúng hóa Đạo Phật bằng cách đem Đạo Phật đến từng nhà, chỉ dạy nghi lễ thờ cúng giản dị, thay vì xây dựng thêm chùa chiền đồ sộ, tô đắp thêm Phật cốt thật to nhằm biểu hiện hình thức bề ngoài hơn là xây dựng, tô bồi Phật tánh bên trong của mỗi chúng sanh.

Ngoài ra, để diệt tà kiến từng làm biến chất Đạo Phật, Đức Thầy chủ trương bài trừ triệt để sự tin tưởng đa thần nhằm nhí (cây đa, cục đá, ... như một vị thần để chiêm bái) và đưa ra hình thức thờ phượng với nghi lễ giản dị mà đầy đủ theo bản sắc văn hóa Việt Nam:

1/ Giữa nhà của mỗi tín đồ: Cần có một bàn thờ lưỡng cấp. Cấp trên là **bàn thờ Tam Bảo** (Phật, Pháp, Tăng) với một lư hương, một chung nước cúng đặt trước một tấm trần màu dà (nâu sậm) tượng trưng cho sự vô vi thoát tục và sự hòa hợp vô phân biệt,

không tạo thêm Phật cốt, nếu đã có sẵn cốt Phật từ trước thì giữ thờ cũng được, hình tượng giấy (thường thiếu trang nghiêm) thì nên đốt đi; cúng Phật thì chỉ dùng nước lạnh, nhang đèn, bông hoa, không cúng các món nào khác. Cấp dưới là **bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ** (tổ tiên, ông bà cha mẹ quá vãng và các anh hùng dân tộc) cùng chung một lư hương, nhang đèn, bông hoa và cúng các món chi (không bị giới cấm) đều được. Ngoài ra, không thờ thêm bất cứ một tà thần nào, kể cả các vị thần mà mình không rõ căn tích. **Bàn thờ Tam Bảo** là tượng trưng Phật đạo, **bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ** là tượng trưng Thánh đạo đã ăn sâu lâu đời vào nền văn hóa dân tộc.

2/ Trước sân nhà: Một **bàn Thông Thiên**, cúng bằng nhang đèn, nước lã, bông hoa để tượng trưng cho Tiên đạo (thông lên các tầng trời), cũng mang bản sắc dân tộc.

Ngoài việc cúng lạy cầu nguyện tại nhà mỗi ngày hai thời sớm tối, các cư sĩ tín đồ PGHH có thể đi chùa lễ Phật, dâng hoa vào các ngày vía chư Phật, Bồ-tát hoặc ngày rằm hay ba mươi. Đối với các chùa nghèo thì có thể đóng góp tu bổ mà không xây cất thêm hoặc mua sắm thêm hình tượng. Đối với các tăng sư chân chánh thì cần cung kính và học hỏi các điều chánh lý, còn đối với các người tu hành dối thế (như các ông thầy đám, thầy tụng mướn) thì nên khuyên can họ chấm dứt làm điều tà mị, nếu họ vẫn tiếp tục thì cần triệt để bài trừ.

KẾT LUẬN:

Với chủ trương nỗ lực chấn hưng và hiện đại hóa Đạo Phật như đã được sơ lược trình bày trong bài

viết ngắn này, ta đủ để thấy Đức Huỳnh Giáo Chủ đã thực hiện một cuộc cách mạng tôn giáo mạnh mẽ chưa từng thấy trong lịch sử tôn giáo Việt Nam. Dầu trong một hoàn cảnh thời cuộc đầy cam go thử thách, PGHH đã đạt được một sự thành công đầy ấn tượng: tình trạng dị đoan mê tín hầu như bị quét sạch tại phần lớn các tỉnh Miền Tây Nam Việt. PGHH đã tạo được một không gian khá bình ổn trong thời chiến, tạo cho người cư sĩ tại gia vượt qua mọi khó khăn để hành trì Phật pháp tại nhà. Đặc biệt, người tín đồ PGHH nhờ thấm nhuần Giáo lý mà đã vượt mọi cam go, xả thân làm phước thiện cứu đời, sau ngày chủ nghĩa Cộng Sản nhuộm đỏ toàn cõi Việt Nam, trước các đối tượng dân chúng nghèo khổ, đói đau, đầy đầy tật bệnh./.

- TRẠCH THIỆN -

“Dân chúng chớ nên đốt giấy tiền,
Bởi vì Diêm chúa chẳng tình riêng.
Phán quan tả hữu không dùng hối,
Nên phải dạy dân bỏ giấy tiền.

Vàng bạc bởi tay khách trú làm,
Phật, Thần, Tiên, Thánh chẳng dùng ham.
Giấy quần giấy áo không nên đốt,
Nghĩ chuyện dôi ma chẳng đáng làm.”

Đức Huỳnh Giáo Chủ

(Trích từ bài “Hai mươi chín tháng chạp”,
Tr. 264 – SGTVTB 2014)

Giải đáp Nghi vấn Giáo lý

TRẦN PHÚ HỮU

Lời Tòa Soan: Trong 2 ngày Chủ Nhật (29-06-2014 và 20-07-2014), tại Hội Quán PGHH San José (Bắc California), đồng đạo Trần Phú Hữu, nguyên Trưởng Ban Phổ thông Giáo lý GH/PGHH/TUHN đã chia sẻ một số đề tài có liên quan đến Giáo Lý PGHH như: Pháp môn Tịnh Độ, Học Phật Tu Nhân, Ý nghĩa các ngôi thờ cúng... Trong dịp này đã có nhiều câu hỏi được đặt ra và đã được diễn giả trả lời một cách rõ ràng làm thỏa mãn nhiều người tham dự. Đặc biệt, có 3 câu hỏi sau đây được gọi tới đồng đạo Trần Phú Hữu bằng e-mail sau các buổi thuyết trình trên nên có bài trả lời như dưới đây:

1. Câu hỏi thứ nhất: Trong Sám Giảng và Thi Văn Giáo lý của Đức Thầy có chỗ nào dạy chúng ta “Thiền Tịnh song tu” không?

Theo sự hiểu biết kém cỏi của tôi, Đức Thầy không bao giờ dạy bốn đạo của Ngài “Thiền”. Nếu Ngài dạy bốn đạo của Ngài Thiền thì Ngài phải chỉ dạy cho rõ ràng qua Sám Giảng và Thi Văn Giáo Lý của Ngài rồi, như dạy Học Phật Tu Nhân hay như môn Tịnh Độ, chứ Ngài không bao giờ nói gằn, nói xa để ta tìm kiếm. Như sự suy luận của một số đ/đ mà ta thường nghe thấy.

Nếu Đức Thầy có dạy “Thiền Tịnh song tu” trong Sám Giảng và Thi Văn Giáo Lý của Ngài thì xin quý Đ/đ trích những câu giảng đó ra cho rõ ràng. Xin cho biết luôn ở trang số mấy? Tựa là gì?.v.v...

Có một vài Đ/đ còn bảo trong bài “Cho ông Cò tàu Hảo” Đức Thầy đã dạy Thiền trong đó. Có đúng

như vậy không? Trong bài này tôi thấy có tất cả 37 câu nhưng không thấy câu nào Đức Thầy dạy Thiên cho ông Cò tàu Hảo hết...(ngưng trích)

2. Câu hỏi thứ hai: Thiên cung là gì? Thiên cung có phải là cung Đâu Suất không? Hai cung này là một hay khác nhau? Nếu khác nhau thì khác như thế nào? Xin quý Đ/đ trả lời dùm.

3. Câu hỏi thứ ba: Đức Thầy có nói câu nào chính Ngài đứng ra lập hội Long Hoa hay chủ tọa hội Long Hoa không?

Nếu có, xin trích ra câu nói của Đức Thầy và cho biết chỗ nào Thầy nói Thầy là Phật Di Lạc hay đề cập đến Phật Di Lạc? Nếu có xin trích dẫn. Cho biết thêm số trang và tựa bài trong quyển Sám Giảng Thi Văn Toàn Bộ, xin đa tạ.

Ghi Chú: Ta không thể vì mến Đạo, kính Thầy quá mà nói quá lố không hay, chỉ làm cho người đời thêm ganh ghét. Trái với chủ trương của Đức Thầy, Thầy chỉ xưng là Khùng, Điên mà thôi.

Sau đây là nội dung bài trả lời ba câu hỏi trên của Đ/đạo Trần Phú Hữu, chúng tôi xin được phép phổ biến để rộng đường dư luận.

1.- Thiên Tịnh song tu

Trước tiên chúng ta phải hiểu Thiên là gì? Thiên là chữ Phạn, nói đủ là Thiên-na. Người Trung Hoa dịch là Tư Duy, Tĩnh Lự. Người Việt Nam hiểu tu Thiên là tu tâm dưỡng tánh.

Có 3 cách tu Thiên căn bản trong Kinh Đại Thừa Viên Giác:

- Sa-ma-Tha (Tu định) tức là giữ tâm an định, thanh tịnh, cực tĩnh cho đến khi tâm lặng lẽ khinh an, phát huệ, phá vô minh, chơn tánh bất sanh bất diệt hiện

bày, hiển lộ Phật tánh, đắc đạo, dứt sanh tử luân hồi. Giống như bóng hiện trong gương.

- Tam-ma bát-đề (Tu huệ) biết các pháp như huyễn hóa, khởi huyễn để trừ huyễn. Do khởi huyễn nên bên trong phát ra lòng đại bi khinh an. Bồ Tát thấy các pháp huyễn giả càng lúc càng rõ hơn, càng tăng trưởng rộng lớn hơn. Giống như đất làm cho mầm cây mỗi lúc càng lớn thêm, cho đến ngày ra hoa kết quả (đắc đạo).

- Thiên-na (Định Huệ song tu) dung hòa cả hai pháp Định và Huệ. Tức giữ tâm phân nửa Định phân nửa Huệ, quán sát các pháp trong vạn vật.

Cuối cùng tâm được an lạc, đắc đại định như như bất động. Phật tánh hiển bày, đắc quả Phật.

Tóm lại Sa-ma-tha là giữ tâm thật thanh tịnh, cực tĩnh lặng, để đi đến kết quả (gọi là tu Thiền Định). Sa-ma-tha là vận dụng trí não quán sát các pháp đều giả tạm, từ từ tâm thanh tịnh thấy rõ thật tướng của các pháp vốn là không "***Vô pháp tướng mới là thật tướng***". Tâm đạt được sự an định, Phật tánh lộ ra, đắc quả thành công. Tam-ma bát-đề là vừa giữ tâm thanh tịnh vừa quán sát các pháp như huyễn. Cuối cùng tâm cũng trở nên an định. Phật tánh hiển bày đắc quả Phật.

Hiểu được ý nghĩa tu Thiền là tu tâm, ta mới biết rõ Đức Thầy dạy hai pháp căn bản là Thiền Tĩnh song tu, để dẫn dắt chúng sanh đi đến đường giải thoát. Vì nước biển chỉ có một vị mặn, đạo Phật chỉ có một vị giải thoát mà thôi.

Tuy nhiên, có người cho rằng tu tâm dưỡng tánh không phải là tu thiền.

Xin thưa, người Ấn độ nói tu Thiền định là trao sửa tâm tánh cho được an định, dứt sạch Tham Sân Si trong lòng, thì thành đạo. Đức Phật Thích Ca ngồi

dưới cội cây Bồ Đề, tham thiên nhập định, khi tâm đạt được đại định, thì thành Phật. Vậy tu Thiền không phải tu tâm, thì tu cái gì để được thành Phật? Tất cả các Kinh điển của Phật dạy tu thiền là chỉ cách trị cái tâm phiền não, vọng động, tán loạn để được đại định, thanh tịnh, vắng lặng, giải thoát.

Đức Thầy là người Việt Nam, nếu nói tu thiền, người Việt Nam không nghiên cứu kinh luật Phật, làm sao hiểu được. Mà nói tu tâm, dưỡng tánh thì ai cũng hiểu hết:

**“Mục chánh định thật là rất khó,
Giữ tâm lòng bất động như như.
Cho hồn linh yên lặng an cư,
Thì mới được huờn nguyên phần bốn.”**

Đây không phải là tu tâm để được đắc đạo hay sao?

Hoặc:

**“Phá ngũ uẩn rút lằn tham ái,
Cội sân si cũng phải tảo trừ.
Dem về giác tánh chân như,
Kim thân thi hiện dứt trừ tử sanh.”**

Đây không phải diệt hết Tham Sân Si trong lòng, để dứt trừ tử sanh, thoát khỏi sanh tử luân hồi hay sao?

Có người còn nói tu tâm không đắc đạo, vậy tu cái gì để được đắc đạo, xin chỉ giáo!

Đồng thời, nói tu tâm dưỡng tánh là tu nhân. Thì tu nhân gồm 3 phần chánh:

- Tu cái khẩu (4 cái)
- Tu cái thân (3 cái)
- Tu cái tâm (3 cái)

Tu tâm là trọng yếu cao cả nhất, không tu tâm làm sao thành đạo. Bởi vì, Tâm là chủ vạn pháp “Nhứt thiết pháp duy tâm tạo”:

*“Địa ngục cũng tại tâm làm quấy,
Về Thiên đàng tâm ấy tạo ra.
Cái chữ tâm mà quý hay ma,
Tiên hay Phật cũng là tại nó.”*

- Hay 2 câu giảng trong quyển Khuyên Thiện:

*“Trau tâm luyện tánh cho mình,
Chuyên lo niệm Phật sửa mình cho trọn.”*

Câu trên “trau tâm” là khuyên tu tâm (tu thiền). Câu dưới “Chuyên lo niệm Phật” là khuyên tu Tịnh độ. Tức Thiền Tịnh song tu, vừa tự lực (tu tâm) và vừa tha lực (tu tịnh độ).

- Niệm Phật A Di Đà cũng là Thiền Tịnh song tu, vì dùng tâm để niệm Phật là tu Thiền, còn niệm Phật A Di Đà cầu vãng sanh là tu Tịnh độ.

Nếu không dùng tâm để niệm Phật, thì dùng cái gì để niệm Phật? Rõ ràng, tự lực và tha lực hỗ trợ cho nhau.

- Các thiền sư ngồi thiền, gọi là tọa thiền. Đi, đứng, nằm, ngồi đều là tu thiền hết, tức là tu sửa cái tâm cho được an định, được thanh tịnh, đắc đại định thì được giải thoát.

Ngồi thiền mà tâm còn vọng động, thì không đắc thiền, không đắc định tâm thì không thành đạo. Đi, đứng, nằm, ngồi, lúc nào cũng điều phục tâm. Khi đắc được đại định tâm thì đắc đạo.

- Người tu thiền bao giờ cũng giữ tâm “tịch-chiếu”. **Tịch** là giữ cho tâm an định, vắng lặng, như như bất động. **Chiếu** là lúc nào tâm trí cũng tỉnh thức, sáng suốt chớ không được vọng động hoặc hôn trầm. Vọng động là tâm tán loạn; hôn trầm là mịt mịt mờ

mờ, ngủ gà ngủ gật. Vượt qua tán loạn, hôn trầm thì tâm mới đắc đại định, sẽ thành đạo.

Đức Thầy dạy tu tâm được thanh tịnh, thì phát huệ:

“Tâm bình tịnh được thì phát huệ.”

Hoặc:

“Nếu lặng tâm tỏ ngộ đạo mau.”

Hay là giữ tâm thanh tịnh, niệm Phật cho đến khi nhứt tâm bất loạn thì đạt được hai phần Thiền và Tịnh. Khi đạt được lý nhứt tâm bất loạn tức là đắc đại định thì nhập Niết Bàn. Hay vãng sanh ở Thượng phẩm thượng sanh.

- Không phải Thiền Tịnh song tu là cái “xe” có thêm “rờ-mọt”; mà là phối hợp giữa tự lực và tha lực. Nếu ta dùng tâm thanh tịnh, giữ giới trang nghiêm, niệm Phật cho đến nhứt tâm bất loạn thì đạt được thiền, còn chưa được nhứt tâm thì khi lâm chung được vãng sanh.

Vĩnh Minh thiền sư, tổ của Pháp môn Tịnh độ nói: *“Có thiền, có tịnh như mãnh hổ thêm sừng, đời này làm thầy người ta, đời sau làm Phật làm Tổ.”*

*“Người tự độ cầu thêm Phật độ,
Như nước xuôi lại gió thuận chiều.
Đường về chóng biết bao nhiêu,
Được hai sức độ mau siêu phàm trần.”*

Đức Thầy vung sắc lệnh của Đức Phật Thích Ca, Đức Phật Di Đà giáng lâm trần là để chấn hưng đạo Phật, trở lại chánh pháp vô vi, đã thất truyền.

Tu vô vi tức là tu tâm (tu thiền) mới đắc đạo được. Nếu Đức Thầy không dạy tu tâm (tu thiền) thì sao gọi là chấn hưng Phật pháp.

- Trong kinh Phật tu thiền tức là tu cho tâm thanh tịnh, đắc đại định. Có rất nhiều Kinh chỉ dạy tu

thiền nhưng chung qui là để trị cái bệnh của tâm tán loạn, tâm tham dục, mê muội, tâm ái nhiễm.v.v...

- Trong quyển Giác Mê Tâm Kệ, Đức Thầy dạy cách tu Thiền sửa tâm tánh rất tuyệt diệu. Như lục căn đừng nhiễm lục trần: **"Dứt được nó ấy là giải thoát."** Hay ở mục Bát chánh đạo:

**"Mục chánh định thật là rất khó,
Giữ tâm lòng bất động như như.
Cho hồn linh yên lặng an cư,
Thì mới được huờn nguyên phẩm bốn."**

Kết luận quyển Giác Mê Tâm Kệ, Đức Thầy viết: **"Mong bá tánh vạn dân giải thoát".**

Còn trong Quyển sáu (tức Tôn chỉ hành đạo), Đức Thầy dạy Bát Chánh Đạo bằng văn xuôi rất kỹ lưỡng, rõ ràng để chúng ta hành theo đạt được sự giải thoát. Ngoài ra Ngài còn dạy Thập nhị nhân duyên và Pháp hoàn diệt; pháp Lục độ Bồ tát với chư Phật có bốn đại đức (Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh Tấn, Thiền định, Trí huệ).

Như đã nói, Đức Thầy lần này vâng lệnh Đức Phật Thích Ca, Đức Phật Di Đà giảng lâm trần, chấn hưng Phật giáo trở lại chánh pháp vô vi. Muốn đạt được pháp vô vi thì phải tu Thiền (tu tâm) diệt trừ hết tam độc là Tham, Sân, Si sẽ đắc đạo:

**"Tham Sân Si chớ để trong lòng.
Phải giữ lòng cho được sạch trong,
Mới thoát khỏi trong vòng bịnh khổ."**

Ngoài ra, Đức Thầy chấn hưng Phật giáo là để dạy cho cả hai hạng tín đồ: Xuất gia và Tại gia.

**"Khuyên tăng đồ cùng các tín đồ.
Nghe cạn lời chớ có mờ hồ,
Tìm hiểu nghĩa làm theo đức đạo."**

Trong thi thơ, Ngài cũng khuyên dạy, khuyến khích:

"Phật pháp Thiên-na dốc thực hành."

Hay:

"Hành đạo Thiên cấp cấp sớm khuya."

Hoặc:

**"Lòng ngộ rồi chẳng đợi nhiều kinh,
Thì cũng thấy bốn lai diện mục."**

Tuy nhiên muốn tu thiên cho có kết quả thì phải giữ đủ giới luật hay là giữ tâm giới (Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới, Nhiêu ích hữu tình giới). Nam thì 250 giới, Nữ thì 348 giới. Có giữ đủ giới luật thì tâm mới thanh tịnh, đạt được đại định, rồi trí huệ Bát nhã phát sinh, phá vô minh sẽ thành đạo. Tam vô lậu học là Giới, Định, Huệ. Đó là pháp tu giải thoát.

- Nếu giữ đủ giới luật thì sẽ thành đạo: thành Phật, thành Tiên.

- Chưa giữ đủ giới luật thì tu Thiên hay tu tâm trở thành người hiền lương đức hạnh, lần bước lên đường giải thoát.

Về tu Tịnh độ, Đức Thầy dạy rất nhiều trong Sám Kinh, ai cũng biết:

**"Môn Tịnh độ là phương cứu cánh,
Rán phụng hành kẻ phụ Phật xưa.
Lòng từ bi chẳng quản nắng mưa,
Xông thuyền giác rước đưa sanh chúng."**

Căn bản là quyền Khuyến Thiện, thực hành theo đúng quyền này, sẽ được vãng sanh Cực lạc. Đây là pháp tu cầu tha lực.

**"Ác trừ xong hiền ra thiên nghiệp,
Lóng nguồn chơn Phật tiếp dẫn cho."**

Trong bài Tây phương ngũ nguyện gồm Thiên Tịnh song tu. Khi ta đọc **"Nam mô Tây phương Cực**

lạc Thế giới Đại từ Đại bi Phổ độ chúng sanh A Di Đà Phật" là ta thực hành pháp môn Tịnh độ, cầu tha lực.

Khi đọc tới nguyện thứ 5: "***Cầu Phật Tổ, Phật Thầy từ bi xá tội để tử tiêu tai tịnh sự, trí huệ thông minh, giai đắc đạo quả.***" Đó là tu tâm, tu Thiên, mới đạt được kết quả như vậy. Như ông Thanh Sĩ đã "Hiển Đạo".

Nếu một kiếp tu của chúng ta đạt được "trí huệ thông minh, giai đắc đạo quả" là đã đắc được pháp tu tự lực, là tu Thiên, tu Tâm, dứt sạch Tham, Sân, Si. Đắc nhập Niết Bàn.

Còn nếu không được vậy, thì nhờ Tây phương phổ độ, vãng sanh Tây phương cực lạc do Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn linh hồn lúc lâm chung, về đó rồi sẽ tu tiếp tục cho đến khi thành Phật.

"Thiền Tịnh song tu" là hai pháp tu tuyệt diệu mà Đức Thầy đã dạy cận kề cho chúng ta.

- Niệm Phật được tịnh tâm hay tĩnh tâm là đang áp dụng Thiền Tịnh song tu. Niệm Phật A Di Đà là pháp tu Tịnh độ, còn giữ tâm thanh tịnh là tu Thiên, tu tâm. Khi niệm Phật được nhứt tâm bất loạn thì đạt kết quả cả hai: Thiền và Tịnh. Còn chưa được nhứt tâm bất loạn là đang tu Tịnh độ cầu vãng sanh Cực lạc.

Pháp tu Thiền định có nhiều Kinh, có nhiều pháp khác nhau, nếu áp dụng không đúng cách hay thiếu minh sư chỉ dẫn dễ bị tẩu hỏa nhập ma. Còn Đức Thầy giảng dạy những pháp tu Thiền, tu Tâm rất rõ ràng, hành theo thì làm sao bị "lạc Thiền" được.

Như quyển Giác Mê Tâm Kệ, khi chúng ta tu sửa tâm tánh được thanh tịnh, an lạc thì phát huệ:

"Tâm bình tịnh được thì phát huệ."

Hay: "Nếu lặng tâm tỏ ngộ đạo mâu."

- Bài "Cho ông Cò tàu Hảo", Đức Thầy chỉ cách tu Thiền rất tuyệt diệu vì ông ta là người xuất gia, chuyên tu Thiền cho mau thành đạo:

**"Phá ngũ uẩn rút lần tham ái,
Cội sân si cũng phải tảo trừ.
Đem về giác tánh chơn như,
Kim thân thị hiện dứt trừ tử sanh."**

- Người tu Thiền đặc trí Bát nhã ví như lưỡi gương sắc bén chặt đứt mọi vật: **"Huoi gương trí huệ
Ma vương hãi hùng."**

Nếu không tu Thiền làm sao có trí huệ sáng suốt mà hàng phục Ma vương!

- Còn câu **"Ngoài thì chấp thủ mà ngăn lục trần."**

Đây là khuyên người tu Thiền phải giữ lục căn đừng nhiễm lục trần thì tâm mới thanh tịnh, đắc quả:

"Lục căn thanh tịnh hiện Thiên Chơn" (Kinh Pháp Hoa).

- Tu theo Tứ Diệu Đế (Bát Chánh Đạo), Thập Nhị Nhơn Duyên, Lục độ Bồ tát là tu thiền theo tam thừa: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa, mà Đức Thầy đã rút ra trong Kinh Luật dạy cho chúng ta tu hành để được giải thoát nếu có đủ điều kiện. Còn như ai chưa giữ được trọn giới thì không thể tu tâm (tu thiền) cho được rốt ráo.

Đức Thầy ra đời để đem:

**"Đạo vô vi của Phật ân cần,
Nói theo chí Thích Ca ngày trước".**

Ngài dạy làm vô vi tức thờ Phật theo hình thức vô vi: thờ Trần Đà, không hình tượng.

Và dạy tu theo vô vi:

"Tu vô vi chớ cúng chề xôi".

Hành vô vi là hành theo Bát Chánh Đạo mà Ngài dạy rất kỹ trong quyển Giác Mê Tâm Kệ và quyển Sáu (Tôn chỉ Hành đạo).

Đức Thầy chấn hưng đạo Phật trở lại chánh pháp vô vi, lại **“Nói theo chí Thích Ca ngày trước”**, mà quý vị nói không có dạy tu thiền (tu tâm) để đạt được lý vô vi là không chính xác.

Ngài chỉ dạy:

“Khó gặp chữ không không mà có.”

Hay là: **“Hãy tìm kiếm cái không mới có.”**

Hoặc là:

“Rán kiếm chữ bất sanh bất diệt.”

Chúng tôi nghĩ rằng, nếu quý vị không xem Kinh điển Đại thừa thì không thể nào hiểu những câu thâm diệu, sâu sắc, thậm thâm của Đức Thầy.

- Đức Thầy dạy tám giới, chớ thực ra là một ngàn giới như Ngài đã từng nói với các tín đồ. Nhất là giới thứ Bảy, phải tu đắc đạo thì giới này giữ mới trọn. Khi đã hết mê rồi, thì sự suy xét mới minh lý và phán đoán mọi việc mới khỏi sai lầm.

Hơn nữa tám giới còn bao gồm cả Tam tụ Tịnh giới: Nhiếp thiện pháp giới, Nhiếp luật nghi giới, Nhiêu ích hữu tình giới của hạng đại thừa Bồ Tát thực hành.

2.- Cung Trời và cung Đâu suất:

Thiên cung là các cung điện ở cõi Trời. Cõi Trời gồm:

- Dục giới, gồm 6 tầng Trời có Tiên nam, Tiên nữ.

- Sắc giới, gồm 18 tầng Trời, chỉ có Tiên nam, không có Tiên nữ.

- Vô sắc giới, gồm 4 tầng Trời rộng rãi bao la, không có hình tướng, gần như là vô vi. Chư Thiên chỉ

có chơn linh sống rất dai, tự tại, biến hóa vô cùng vô tận.

- Cung Đâu suất là cung Trời thứ tư ở cõi Dục giới, nơi đức Di Lạc ngự làm Thiên chủ, giáo hóa chư Thiên ở ngoại viện và nội viện.

Những điều chúng tôi giải thích trên đây, căn cứ vào sự nghiên cứu trong Kinh Luật của Phật Giáo và các Tỳ điền Phật Học.

- Thiên Cung là chỉ chung các cung Trời: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, chớ không chỉ riêng cung Trời nơi đức Đế Thích ngự. Ngài ngự ở cung trời Đao Lợi, tầng trời thứ hai ở cõi Dục giới.

- Đâu Suất Thiên. Trong Phật học Tỳ Điền của Đoàn Trung Còn giải như sau: Đâu Suất Đà (Tushita), là cảnh Trời thứ tư ở Dục giới, đức Di Lạc ngự tại nơi đây, dịch nghĩa là Tri túc, Hỷ túc, Diệu túc, Thượng túc. Còn sáu tầng trời Dục giới là:

- 1.- Tứ Thiên Vương
- 2.- Đao Lợi Thiên
- 3.- Dạ Ma Thiên
- 4.- Đâu Suất Thiên
- 5.- Hóa Lạc Thiên
- 6.- Tha Hóa Tự Tại Thiên.

3.- Hội Long Hoa:

Trong Sấm Giảng và Thi Văn Giáo lý của Đức Thầy có rất nhiều chỗ nhắc đến Hội Long Hoa:

*- "Long Hoa hội ân cần lo lập,
Lập cho rồi tam thập lục nhơn."*

*- "Lập rồi cái hội Long Hoa,
Đặng coi hiền đức đợc là bao nhiêu."*

*- "Phật Vương đà chỉ rõ máy diệu huyền
chuyển lập Hội Long Hoa, chọn những đáng tu
hành cao công quả để ban cho xứng vị xứng ngôi,*

*người đủ các thiện căn để giáo truyền đại đạo, định
ngôi phân thứ gây cuộc hòa bình cho vạn quốc chư
bang."*

*Hay: "Kíp đến Long Hoa châu Phật, trước biết
rõ luật Trời thưởng phạt, cùng hữu duyên nghe Phật
pháp nhiệm màu, kiến diện bậc chơn sư, tu hành
mau đắc quả..."*

Vì thế Ngài khuyên:

*- "Trở chơn cho kíp Long Hoa,
Long Hoa có mặt ấy là hiền nhơn."*

Hội Long Hoa rất vĩ đại mở ra khắp tam thiên
đại thiên thế giới nên Ngài mới vâng Sắc lệnh Đức
Phật Thích Ca Mâu Ni:

*"Ta thừa vưng Sắc lệnh thế tôn,
Khắp hạ giải truyền khai đạo pháp."*

Hay:

*"Ngọc tòa Phật Tổ nấy sai ta,
Xuống cứu thế gian nẻo vạy tà.
Hiệp sức tớ Thầy truyền diệu pháp,
Cho đời thấu tỏ đạo Ma ha."*

Thêm vưng Sắc lệnh của Đức Phật A Di Đà:

*"Muốn tu tỉnh nầy đà gặp cuộc,
Đức Di Đà truyền mở đạo lành.
Bởi vì Ngài thương xót chúng sanh,
Ra sắc lệnh bảo ta truyền dạy."*

Và vâng chiếu chỉ của Đức Ngọc Hoàng
Thượng Đế:

"Ngọc Hoàng ban chiếu lão Khùng giáo dân."

Vâng lệnh Phật, Trời giáng lâm trần khai sáng
đạo cứu chúng sanh đời mạt pháp, chấn hưng chánh
pháp vô vi của Đức Phật Thích Ca và cho biết thiên cơ
thưởng phạt của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Ngài lâm trần còn chuẩn bị nổi theo Đức Phật Thích Ca đấng quả Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ở cõi Ta Bà:

"Ta thương đời lên lối xuống trần.

Đạo vô vi của Phật ân cần,

Nổi theo chí Thích Ca ngày trước."

Vậy Ngài là ai, ai nổi theo Phật Thích Ca thành Phật ở cõi Ta bà này. Xem Kinh tất sẽ biết.

Trong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật Thích Ca thọ ký cho các đệ tử, người thì thành Phật ở cõi này, cõi kia...Riêng Bồ Tát Di Lặc cũng được thọ ký nơi đây. Sau này sẽ thành Phật, làm Long Hoa Giáo Chủ ở cõi Ta Bà thay thế Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã mãn nhiệm.

Nếu chúng ta không đọc Kinh làm sao hiểu câu:

"Ta vì vung sắc lịnh Ngọc tòa,

Đền Linh Khứu sơn trung chịu mạng."

Ý câu này, tạm hiểu là Đức Thầy cho biết tiền kiếp của Ngài được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thọ ký tại núi Linh Khứu sau này sẽ thành Phật, lập hội Long Hoa, nổi theo Ngài để cứu độ chúng sanh.

Lời tiên tri của Đức Thầy dạy là:

"Lời truyền sấm như bài toán đố,

Ai biết tâm thì đặng hưởng nhờ."

Chúng ta cũng nên biết rằng việc thưởng phạt để được vào dự hội Long Hoa có tất cả bốn vị:

Thiên Hoàng mở cửa Các lân,

Địa Hoàng cũng mở mấy từng ngục môn.

Mười cửa xem thấy ghê hồn,

Cho trần coi thử có mà hay không.

Nhơn Hoàng cũng lấy lẽ công,

Cũng đồng trừng trị kẻ lòng tà gian.

Ấy là đến lúc xuê xang,

Tam Hoàng trở lại là đời Thượng Nguyên.”

Và Đức Thầy cũng dạy:

“Lão đây vâng lệnh Phật tôn,

Lãnh căn thường phật chư môn dữ lành.”

Về việc nhận xét Đức Thầy không phải là Đức Di Lặc xuống trần, chuẩn bị lập hội Long Hoa là do kiến thức của mỗi người.

Ông Lê văn Phú tự Tho, trong các băng giảng đều nhận xét Đức Thầy là Đức Di Lặc lãnh Sắc lệnh của Đức Phật Thích Ca, xuống trần chấn hưng Phật pháp và lập hội Long Hoa để cứu đời và dẫn dắt chúng sanh tu hành giải thoát, dứt sanh tử luân hồi.

Riêng cá nhân tôi, do sự nghiên cứu Phật pháp, do công năng tu tập gần 50 năm qua, tôi đã thấy gần giống như đồng đạo Lê văn Phú tự Tho đã thấy. Việc này là thiên cơ, hạ hồi phân giải, thời gian sẽ trả lời:

“Đến chùng thú ấy phục tùng,

Bá gia mới biết người Khùng là ai.” (Quyển 1)

Hoặc là:

“Đến chùng gặp hội Rồng Mây,

Người đời mới biết Diên này là ai.” (Quyển 1)

Tóm lại đệ tử của Đức Thầy mà không biết sự mạng cao cả, thiêng liêng, vĩ đại của Ngài là một điều thiếu sót lớn./.

Nam mô A Di Đà Phật!



VÀI THẮC MẮC TRÊN ĐƯỜNG TU HỌC

Cần Được Đả Thông



Trong quá trình tu học, thường được gọi là Văn-Tư-Tu (Lắng nghe-Suy gẫm-Áp dụng), tư duy hay suy gẫm là việc tối hệ trọng. Vì có tư duy, ta mới tìm thấy sự phải-trái, tránh tin bướng càn thành người mê tín. Tư duy cũng giúp ta nảy ra các thắc mắc hoặc nghi ngờ cần thiết để củng cố đức tin đối với chánh pháp. Sau đây chúng tôi xin góp ý giải tỏa vài thắc mắc hoặc nghi ngờ thường được nêu ra đối với người đang tu học:

1.- “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn” là gì?

“*Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn*” thường được ghi trong lịch sử của Đức Phật Tổ Thích Ca. Kinh nói khi khai hông mẹ ra đời, Đức Phật đã bước bảy bước trên hoa sen, rồi một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, miệng thốt ra câu nói đó với hàm ý rằng: “*Trên trời dưới trời chỉ có Ta là cao quý nhất*”. Đây là câu nói rất dễ hiểu lầm đối với người không am tường Phật pháp hoặc đối với người ngoại đạo và không có đạo về cả hai mặt: ngã mạn và huyền hoặc (không thể có thật).

Để giải quyết nghi vấn này, trước hết ta cần biết “*khai hông mẹ ra đời rồi bước đi trên hoa sen...*” chỉ là một **biểu tượng**. **Biểu tượng** (symbol) là hình ảnh tượng trưng cho một ý tưởng trừu tượng hoặc một thực

thể vật chất hoặc một tiến trình, ... Mục đích của biểu tượng là nhằm truyền đi một thông điệp dễ nhớ về ý nghĩa của những gì mà hình ảnh đó muốn tượng trưng. Trong đời sống hằng ngày, *biểu tượng* thường được dùng trong nhiều lãnh vực khác nhau như: giao thông, giáo dục (toán học, vật lý, hóa học, y học, v.v...).

Cũng thế, trong đạo Phật có vô số **biểu tượng** mà người học Phật rất cần tìm hiểu ý nghĩa để *tránh sự hiểu lầm rằng đó là hình ảnh thật có*, đôi khi hoàn toàn khác biệt với đời thường, mà bị mang tiếng là mê tín dị đoan vì tin cần theo một ảo ảnh.

Biểu tượng “*Đức Phật sinh ra đời đi 7 bước trên hoa sen*” nhằm nói lên 7 đặc tính cứu độ mà Ngài sẽ mang đến cho chúng sinh: (1) khai đường dẫn lối, (2) ban bố ruộng phước, (3) ứng thân cuối cùng, (4) quyết tu thành Phật, (5) hàng phục các ma, (6) làm chỗ nương tựa cho cõi Thiên Nhơn và (7) làm sáng Chơn tánh mà chúng sanh đều sẵn có. Hoặ đó là tiến trình tu giải thoát của người quy y theo đạo Bồ-Đề. *Hoa sen* là tượng trưng cho chân thiện mỹ; *chân thiện mỹ* đó luôn luôn có mặt trong cõi đời đầy ưu phiền và hệ lụy này và đỡ nâng từng bước chân của người biết thể hiện hạnh “*cư trần bất nhiễm*”. Mỗi bước chân sen đều mang phẩm chất tinh khiết, ích mình lợi người, để cuối cùng sẽ đạt đến cái “**Ta**” giải thoát, tức cái **chơn Ngã** mà trong khắp cõi Nhơn Thiên không có chi sánh bằng (*duy Ngã độc tôn*). Đức Phật đã đi trên các bước chân sen như thế để dẫn dắt chúng sanh; nếu mỗi người chúng ta cũng đi như Phật tất cũng sẽ thành Phật (*Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành*). “*Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn*” là lời Phật thốt ra ở bước chân thứ 7 (tức bước chân cuối cùng) của biểu tượng (theo Kinh Ưu Bà Di – Phẩm Thụy Ứng).

2.- Tại sao nói “Y kinh giải nghĩa Tam Thế Phật oan” (Giải nghĩa y theo lời kinh là oan cho chư Phật ba đời) ?

Câu nói trên còn có vẻ thứ hai, nên nói đủ là: “*Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan; lý kinh nhất tự tức đồng ma thuyết*”. Đó là lời nói của các cổ đức (chư Tổ) về kinh nghiệm học Phật, với hàm nghĩa rằng: *Chấp chặt nơi văn tự của kinh mà ôm giữ nghĩa lý chắc nịch là oan cho ba đời chư Phật; còn rời bỏ kinh điển để luận theo ý của riêng mình thì đi vào tà thuyết của các ma.*

Trước hết, ta cần hiểu Kinh Phật còn được gọi là Khế Kinh, “khế” là phù hợp, tức lời dạy của Đức Phật hoàn toàn tùy theo đối tượng, năng lực, căn cơ trình độ và hoàn cảnh của từng người. Đối với người sơ căn, Phật dạy làm lành lánh dữ (*chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*); đối với hàng thượng căn, Phật dạy bỏ cả điều ác lẫn cả điều lành để đạt đến “*tâm vô sở trụ*” mà ra khỏi hẳn sanh tử luân hồi. Có “khế cơ” (phù hợp theo từng hoàn cảnh) thì mới giữ được “khế lý” (phù hợp với chân lý không hề dời đổi). Do đối tượng khác biệt mà lời dạy (tức văn kinh) cũng phải đổi khác, tức áp dụng nhiều cách chỉ dạy không đồng đều nhau, giống như vị lương y cần tùy căn bệnh mà đặt thuốc. Do đó, ta cần phải hiểu rằng tất cả kinh điển đều là phương tiện giả lập để diễn tả hoặc chỉ dạy về *khái niệm Chân lý* mà Phật đã chứng ngộ. *Chân lý* rất ráo không có lời để diễn tả (chân kinh vốn là “*kinh không có lời*” hoặc “*suốt 49 năm thuyết pháp ta chẳng nói một lời*”).

Hiểu được ý nghĩa sâu sắc của lời nói này, ta mới rõ tại sao kinh điển có nhiều lúc rất mâu thuẫn: lúc nói Có lúc nói Không, lúc nói Đắc lúc nói Không

đắc,...Cốt lõi của lời Phật dạy là phá chấp, “y kinh” là chấp mà “ly kinh” cũng là chấp; chừng nào ta hoàn toàn phá được chấp Có lẫn chấp Không thì mới có thể gọi là chân giải thoát.

Như thế, nếu ta khẳng khẳng ôm một câu kinh, câu giảng đem diễn giải cho tất cả mọi người không đồng căn cơ trình độ để họ áp dụng y như nhau thì không phải “oan cho chư Phật” là gì ?!

3.-Trong Giáo lý PGHH, Đức Thầy có viết tại Quyển 1: “Khùng thời ba Tớ một Thầy”. Vậy Thầy là ai và ba Tớ là ai?

“*Một Thầy Ba Tớ*” là một khái niệm rất khó hiểu trong Sám Giảng Thi Văn Giáo Lý của Đức Huỳnh Giáo Chủ. Về thực thể thì chỉ có một Đức Huỳnh Giáo Chủ, nhưng nghiên cứu kỹ sấm kinh của Ngài thì ta thấy Ngài xưng nhiều danh hiệu khác nhau. Có khi Ngài xưng “Khùng”, có khi Ngài xưng “Điên”. Dưới mỗi danh hiệu, ta thấy hành trạng và khẩu khí của Ngài đều khác nhau qua nội dung của lời giảng dạy.

Trong **Quyển 1** (Sám Giảng khuyên người đời tu niệm), Đức Thầy đi dạo Lục Châu, thì có hai vị: ông Thầy xưng là Khùng và ông Tớ xưng là Điên (Điên đây là một trong ba ông Tớ: “*Khùng thời ba Tớ một Thầy*”) và chính ông Tớ là người viết **Quyển 1**; **Quyển 2** (Kệ Dân) do ông Khùng, tức ông Thầy, viết; **Quyển 3** (Sám Giảng), do một ông Tớ khác có hiệu là Ngọc Thanh viết; **Quyển 4** (Giác Mê Tâm Kệ) do một vị chơn nhơn hiệu là Lão Sĩ (tức ông Thầy); **Quyển 5** (Khuyến Thiện) là lời khuyên tu của ông Vô Danh Cư Sĩ (Đức Thầy ẩn danh); trong bài “**ĐỂ CHƠN ĐẤT BẮC**” Đức Thầy vẫn xưng danh hiệu Khùng Điên nhưng tiết lộ tiền kiếp của Ngài là cụ Trọng Trình Nguyễn Bình Khiêm, v.v... Trong bài **Sứ Mạng** (được viết ngày 18

tháng 5 năm Nhâm Ngọ, 1942), Đức Thầy có nhắc lại từ trung tuần tháng 8 năm Kỷ Mão, 1939: “**Ta cùng Đức Thầy mới tá hiệu Khùng Diên**”, ý nói rằng Ngài viết với tư cách một ông Tớ, đã từng cùng Đức Phật Thầy mượn danh hiệu **Khùng Diên** xuống đời dạy Đạo lâu nay.

Danh hiệu **Khùng Diên** được Đức Thầy dùng rải rác khắp trong SGTVGL. Theo đó thì ông Khùng (Thầy) và các ông Diên (Tớ) khi thì phối hợp Thầy Trò, khi thì riêng rẽ trên bước đường dạy Đạo. Tất cả các vị đều là ứng hóa thân xuất phát từ báo thân của Đức Huỳnh Phú Sổ. Mỗi đồng đạo đều có một góc nhìn riêng về hiện tượng này. Sau đây là một vài góc nhìn tiêu biểu nhất:

a) Nhận định của cụ Thiên Tâm Bùi Văn Ưởng (Soạn giả quyển SGTVTB Chú Giải):

Đức Thầy chính là hậu thân của Đức Phật Thầy Tây An. Ngài xuống trần dạy Đạo kỳ này luôn luôn có 3 vị đệ tử theo trợ trường:

- **Ông Thầy** (tức người xưng là *Khùng*) chính là Đức Phật Thầy Tây An (1807-1856), bởi căn cứ vào câu giảng: “**Khùng thời quê ngụ núi Sam**” (Q.1, Sám Giảng khuyên người đời tu niệm) và “**Lời của người di tịch núi Sam**” (Q.2, Kệ Dân của Người Khùng).

- **Ông Tớ thứ nhất** là ông Cử Đa (hiệu Ngọc Thanh) thấy xuất hiện rõ nơi Quyển 3 (Sám Giảng),

- **Ông Tớ thứ nhì** là Quan Thượng Đẳng Đại Thần Nguyễn Trung Trục (1839-1868): sau khi bị Pháp bức tử tại Rạch Giá, chôn linh hiển Thánh theo sát chân Đức Thầy trên đường hóa đạo.

- **Ông Tớ thứ ba**: chưa thể xác định vì thiếu tài liệu.

b) Nhận định của Cụ Lâm Ngọc Thạch:

Cụ Lâm Ngọc Thạch có thời gian là Thư ký trẻ của Đức Huỳnh Giáo Chủ lúc Ngài trú ngụ ở Sài Gòn (góc đường Miche và Sohier) năm 1945. Cụ Thạch khẳng định như sau:

Đức Thầy có một xác phàm duy nhất nhưng về phần thiêng liêng thì có 4 vị (tức một Thầy ba Tổ):

- **Ông Thầy** là *Đức Phật Thầy Tây An*: Người thường tự xưng là Khùng, tác giả viết Quyển 2 (Kệ Dân của Người Khùng), Quyển 4 (Giác Mê Tâm Kệ), Quyển 5 (Khuyến Thiện), Quyển 6 (Cách Tu Hiền và Sự Ăn Ở của một người Bồn Đạo). Tiền thân của Ngài là cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.

- **Ông Tổ thứ nhất** là *Quan Thượng Đẳng Đại Thần Nguyễn Trung Trực*: Người thường tự xưng là Diên và là tác giả viết Quyển 1 (Sám Giảng Khuyên Người Đời Tu Niệm). Vì chưa đạt quả Phật Thánh nên ông chỉ viết lời tiên tri thời cuộc và khuyên tu mà không viết về Phật pháp.

- **Ông Tổ thứ nhì** là *ông Cử Đa*, có hiệu là *Ngọc Thanh*: Người viết Quyển 3 (Sám Giảng), dạy về Nhân Đạo, giữ vện Tứ Ân. Ông Cử Đa đắc quả Tiên trên núi Tà Lơn.

- **Ông Tổ thứ ba** là *chính xác phàm của Đức Thầy* sau khi được Đức Phật Thầy khai thị và phát huệ. Ngài là tác giả một số văn thơ như Thư chúc tết gửi Thúc Ông, Tự thán, các văn thơ trong sinh hoạt chánh trị, đấu tranh cứu nước, v.v. ...

c) **Nhân đình của Tu Sĩ Nguyễn Phước Nghiêm**:

Nguyễn Phước Nghiêm là một tu sĩ trẻ có nhiều bài giảng về Giáo lý PGHH được chuyển đạt trên mạng YouTube hiện nay. Trong một phiên giảng tại Hòn Đất (Rạch Giá), Tu Sĩ Nghiêm đã trả lời thắc mắc

của khán giả về vấn đề này, đại ý như sau:

“Giáo lý PGHH là một sự quy nguyên tổng hợp của ba nền đạo căn bản đã thâm nhập lâu đời trong nền văn hóa đạo đức Việt Nam nên Phật đạo do Đức Thầy xiển dương luôn luôn được hỗ trợ bởi Thánh đạo, Tiên đạo và Nhân đạo. Do đó, Đức Huỳnh Giáo Chủ ngoài hiện thân của Đức Phật Thầy Tây An (mà Ngài xưng là Khùng) còn có 3 ông Tớ đại diện cho 3 khuynh hướng đạo giáo khác theo hầu cận. Ba ông Tớ đó là:

1. Ông *Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm*: một vị đã chứng Thánh, tượng trưng Thánh Đạo (Khổng).

2. Ông *Cử Đa*: một vị Tiên trưởng, tượng trưng cho Tiên đạo (Lão).

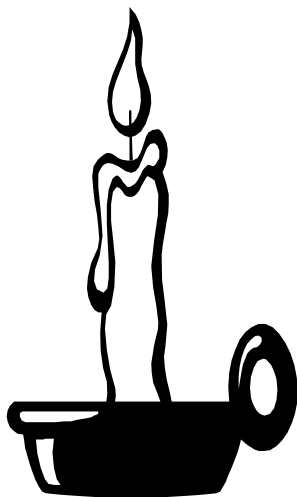
3. Ông *Nguyễn Trung Trực*: một vị Đại Thần yêu nước, trung hiếu vẹn toàn, tượng trưng cho Nhân đạo.”

Như đã nói, **“một Thầy ba Tớ”** là một khái niệm huyền bí khó hiểu nên không thể biết nhận định nào đúng hơn nhận định nào. Tuy nhiên, đó là hiện tượng có thật: ông Thầy chính là Đức Phật Thầy Tây An (Kim Sơn Phật) đã chuyển kiếp nơi Đức Thầy còn 3 ông Tớ chưa thể khẳng định là những vị nào. Điều thắc mắc này không ngăn cản việc tu học của chúng ta, vì đối tượng của việc tu học không phải là hình tướng mà chính là cái lý Đạo chơn chánh để giúp chúng ta áp dụng vào cuộc sống thực tế hầu tiến đến An lạc và Giải thoát.



V. T. V.

GIÁC NGỘ



PHAN THANH NHÀN

Ánh sáng giác ngộ phá tan màn vô minh, vọng tưởng, điên đảo trong tâm trí con người, là biết sự thật nguyên nhân và kết quả hành động của con người trong môi trường xung quanh.

Tùy theo trình độ của mỗi người mà hiểu từ giác ngộ. Thế gian như người say mê cờ bạc, tửu sắc, hút sách, đàn điếm, được thiện tri thức khuyên nhắc, họ bỏ được gọi là giác ngộ. Vậy giác ngộ theo nghĩa này là bỏ việc xấu, tập hạnh tốt.

Qua kinh văn, chúng ta chỉ biết Thái tử Sĩ Đạt Ta từ bỏ ngôi vua quyết chí đi tu là do thấy cái gì? Thấy cảnh sanh, già, bệnh, chết của con người. Ngài tự biết người kia già rồi ta cũng phải già; người kia bệnh rồi ta cũng phải bệnh; người kia chết rồi ta cũng phải chết. Thấy rõ như vậy Ngài quyết chí đi tu với mục đích tìm ra lẽ thật nơi con người hiện có mặt trên đời này, mai kia nhắm mắt lìa đời đi về đâu? Muốn ra khỏi sanh tử phải làm sao? Đó là những thắc mắc, băn khoăn của Thái Tử về con người trước khi có mặt và sau khi mất thân này.

Đến dưới cội Bồ Đề, Ngài nhập định bốn mươi chín ngày đêm. Đêm cuối cùng canh thứ nhứt Ngài chứng được Túc mạng minh, ngộ rõ được các hành vô thường, bừng sáng chuyện của mình từ vô lượng kiếp

tới giờ mà theo Kinh vẫn ghi lại lời Ngài: “Ta nhớ vô số kiếp về trước như nhớ chuyện mới xảy ra hôm qua”. Ngài biết rõ con người có mặt ở thế gian này không chỉ một lần mà có vô số lần. Điều này Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng đã xác định trong giáo lý của Ngài theo luật Luân hồi Nhân quả:

***“Mãi say sưa theo cuộc vui chơi,
Nên kiếp kiếp đời đời lên xuống.”***

(Sa Đéc)

Hầu như người đời cứ thờ ơ chấp nhận phải sao chịu vậy, có mặt ở đây thì cứ ở đây, mai kia có đi về đâu cũng mặc.

Từ canh hai đến canh ba, Ngài chứng được Thiên nhãn minh, thấy rõ chúng sanh sau khi chết theo nghiệp đi trong sáu đường luân hồi. Vậy con người chết rồi có mất không? Không mất. Đức Huỳnh Giáo Chủ xác định:

“Xác tuy mất hồn thiêng chẳng mất.”

(Cho ông Tham tá Ngà)

Những gì Đức Phật thấy rõ mới nói, mới dạy lại chúng sanh chớ không phải Ngài suy lý. Do đó, nhà Phật nói nhơn quả nghiệp báo là để cho chúng ta tu.

Từ canh ba đến canh năm, khi sao Mai mọc, Ngài chứng được Lộ tận minh, dứt hết mầm sanh tử tức giải thoát.

Qua Kinh vẫn, chúng ta cũng có thể dò biết được phần nào tâm cảnh trong lúc Ngài thành đạo để suy ngẫm mà noi theo. Kinh Pháp Cú câu 153 và 154 ghi:

***“Lang thang bao kiếp sống
Ta tìm nhưng chẳng gặp
Người xây dựng nhà này
Khổ thay phải tái sanh.”***

Và:

*“Ôi! Người làm nhà kia
Nay ta đã thấy người
Người không làm nhà nữa
Đòn tay người bị gãy
Cột kèo người bị tan
Tâm ta đật tịch diệt
Tham ái thấy tiêu vong.”*

Hai câu trên biểu thị tâm vô cùng hoan hỉ thanh thoát của Đức Phật trong giờ phút thành đạo; là một khúc ca khải hoàn. Một tâm trí bừng sáng như người vừa tỉnh sau giấc mộng mơ, như liên hoa khai nở vươn lên từ bùn khỏi mặt nước sáng tươi thơm ngát. Cho nên giáo pháp mà Đức Phật dạy chúng ta là “Giáo pháp này không phải là kết quả của suy luận. Giáo pháp này là hoa trái của thực chứng”.

Ngày Đức Thế Tôn Thích Ca thành đạo dưới cội Bồ Đề là ngày vô cùng thiêng liêng và trọng đại. Ngài thấu triệt được lẽ thật nơi con người từ ban sơ cho tới cuối cùng, tìm được cái từ xưa đến giờ chúng ta chưa từng biết. Ngài loại sạch được mọi lậu hoặc vô minh, nguồn gốc của kiếp trầm luân khổ ải. Tâm Ngài trở nên trong sáng như gương soi rõ vô cùng tận chân lý tuyệt đối. Với một chí nguyện vĩ đại thành Phật độ chúng sanh, Ngài bắt đầu mở ra con đường giác ngộ giải thoát cho chúng sanh.

Chúng ta đã biết một Đức Phật lịch sử từ khi sanh ra, lớn lên, rồi đi tu cho đến khi thành Đạo và nhập Niết Bàn. Ngài cũng như bao nhiêu người khác trên quả địa cầu này, cũng mang thân Tứ Đại. Thành tựu đạo quả là do nỗ lực tu hành mà đạt quả vị Phật. Ngài đã nói lời xác quyết: *“Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”*. Thế là quả vị thành Phật không còn gì bí hiểm, xa lạ đối với con người nữa.

Đức Phật dạy rằng: Chỉ cần hành y chánh pháp, tập trung tư tưởng, định tâm thân sẽ chứng được Tam minh (Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lưu tận minh), Lục thông (Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Túc mạng thông, Tha tâm thông, Thần túc thông, Lưu tận thông), có được năng lực siêu tự nhiên như Ngài.

Là đệ tử trung thành của Đức Phật Thích Ca, Đức Huỳnh Giáo Chủ khai Đạo cũng khuyên hóa chúng sanh hãy **“Sớm tỉnh ngộ lên đường giải thoát.”** và **“Cảnh tỉnh người mê về cõi ngộ, Dạy răn kẻ tục vượt nê hà”**; vậy mà có ai chịu thức tỉnh đâu, nên Ngài mới thống trách: **“Đời còn mê muội chừng nào mới thôi”**.

Nay chúng sanh vẫn còn mê, vậy mê cái gì? Thật ra, đa phần người ta không biết mình mê cái gì? Trước hết chúng ta mê nơi con người, mê thân tứ đại. Mê thấy thân này thật. Trái lại, Đức Phật thấy thân này là giả hợp. Phật thấy thân này giả nên Ngài giác. Chúng ta thấy thân này thật nên mê; vì thế Đức Huỳnh Giáo Chủ cảnh tỉnh nói lời xác quyết:

“Tạo duyên giả phàm gian thân giả.”

(Cho ông Tham tá Ngà)

Đời là vô thường, vậy mà chúng sanh cứ lầm tưởng là thường còn bất biến, một hơi thở ra không hít vào được kể như ra người thiên cổ. Thấy đó liền mất đó như vậy có thật không? Thân này là giả hợp, chúng ta cứ ngỡ là thật, không mê sao được. Người ở đời cứ cho thân này là thật nên quý thân, những gì nó ưa thích đều muốn cho thỏa mãn. Người này muốn thân mình thỏa mãn, người kia cũng thế. Tất cả đều muốn vậy, thành ra **“Muốn bao gồm của thế một mình”**, nhỏ giành theo nhỏ, lớn giành theo lớn. Trong gia đình anh em tranh giành nhau của cải cha mẹ để lại làm sao cho

bằng cho hơn, không chịu thua không chịu nhường nhịn nhau. Đó là nhân đau khổ vì thấy thân này là thật. Nhìn rộng ra, ông vua trong một nước vì thấy thân này thật, nên thấy giang sơn cũng thật. Muốn cho nước mạnh dân giàu, nghĩ cách chinh phục nước nào có tài nguyên phong phú. Đó là nhân giặc giã, gây tai họa lớn cho nhơn loại.

Bằng ngược lại cho thân này là giả, thì người có thái độ tiêu cực cho rằng thân giả chẳng cần phải lo chi. Nhưng các vị Bồ Tát thấy thân này giả, thân chúng sanh giả, nên các Ngài không sợ gian lao quyết cứu độ chúng sanh.

Đức Huỳnh Giáo Chủ là một trong các vị Bồ Tát hóa hiện cứu độ chúng sanh ***“Xông thuyền Bát nhã lướt vào một phen”*** và quyết ***“Cứu bá tánh không cần lễ mễ”***, cũng như Ngài ví ***“Ta đây dường thể như lươn, Cứu dân bất luận nắng sương lấm đầu”***. Cái giả mà chúng sanh cho là thật nên giành giật giết hại lẫn nhau, nào là ***“Niềm huynh đệ cùng nhau xâu xé”*** rồi ***“Giành của tiền cốt nhục giết nhau”***, rộng ra ngoài xã hội ***“Tranh lợi danh giết lẫn đồng bào, Tình nhơn loại phân chia yểm bách”***. Các Ngài có bốn phận đánh thức họ, chỉ cho biết giả đừng lấm lẩn nữa ***“Thế trần tạm giả gạt đời ta”***, vậy mà cứ ***“Mê man danh lợi cõi hồng trần”***, rồi ***“Tranh đấu rồi ra mãi oán cừu, Chung cuộc chỉ mang câu thất vọng”***. Các Ngài biết giả nên càng thương những người mê, nên ***“Phổ tế chúng sanh qua bể khổ, Di Đà miệng niệm lánh trần gian”***, nên chư Phật mới nhủ lòng từ bi chỉ bày phương pháp ***“Cứu khổ Nam mô vô lượng phước”*** và lúc nào cũng ***“Cầu cho đời sống lặng gió êm, Đặng bá tánh an nhàn tu niệm”***.

Các vị Bồ Tát thấy cuộc đời là tạm bợ, con

người thấy đó rồi mất đó, không bền lâu mà chúng sanh lại chìm đắm trong bể khổ trầm luân nên **“Lòng bác ái động tình rơi nước mắt”**, dấy khởi lòng từ bi muốn cứu độ chúng sanh **“Đuốc từ bi rọi khắp cả nhơn gian”**. Nhờ các Ngài đã giác ngộ nên mới có **“Từ bi buộc chặt cõi lòng”**.

Nhìn lại chúng ta chưa có lòng từ bi thật sự dù chúng ta có làm việc thiện nhưng không phải là từ bi mà là ích kỷ. Giả như nghĩ bố thí giúp người nghèo, sau sẽ được phước báu giàu sang. Vậy bố thí ở đây là vì mình chứ không phải vì người. Từ bi thật sự là vì người chứ không vì mình. Tâm từ bi cũng chính là lòng thương cảm. Dù như khi chúng ta gặp người khác có cuộc sống khó khăn, trong lòng tự nhiên nảy sinh quan tâm, san sẻ những gì mình có, hết sức giúp đỡ, làm cho thân tâm được an lạc vui vẻ. Đây là hành động biểu hiện thực tiễn của từ bi. Từ bi thường tình của người đời chỉ trong phạm vi người thân thương của mình, không mở rộng cho người chung quanh. Có những bậc cha mẹ khi thấy con mình bị bệnh còn lo lắng hơn là bệnh của mình, phải chi mình thay thế cho con. Lòng từ bi vĩ đại này, người bình thường chỉ có thể ban cho con cái của mình thôi, ít ai có thể mở rộng lòng thương đó đến con cái của người khác, bởi bị trói buộc của tình cảm luyến ái, không thể thoát khỏi xiềng xích trong phạm vi nhỏ hẹp này. Vì mê thân này là thật nên giành giựt cấu xé lẫn nhau trong gia đình cũng như ngoài xã hội, làm khổ cho nhau. Nếu biết thân này là giả, mọi người cùng sống trong cõi tạm này được mấy mươi năm rồi cũng ra đi. Biết rõ như vậy thì mọi người phải bảo bọc cho nhau sống ngày nào vui ngày ấy, giành giựt hơn thua nhau chi cho khổ. Nhờ biết đúng lẽ thật, chúng ta dễ thương nhau hơn. Là người tu theo

đạo Phật phải biết rõ lẽ thật này.

Rồi là mê tâm. Tâm được hiểu là tình cảm của con người. Thương ai thì tôi nói tôi thương người đó, ghét ai thì tôi nói ghét người đó. Có biết bao nhiêu thứ, cái gì cũng khởi nghĩ là tôi hết. Chấp thân tạm bợ là tôi, chấp tâm sanh diệt đổi thay cũng là tôi. Tâm sanh diệt là tâm thay đổi, không phải cái thường còn. Cái sanh diệt thì không chân thật. Tâm sanh diệt không thật mà chấp là thật nên suy nghĩ một điều gì đó cho là đúng, nhưng có người nào đó phản bác thì mình giận, ai hoan nghinh thì vui.

Chánh kiến (dòm thấy, xem đúng sự thật) giúp chúng ta xét đoán tận tường tránh tà kiến, giúp cho ta *“hiểu biết được rõ ràng, minh bạch, cách phán đoán được ngay thẳng, công bình”*. Người đến với đạo Phật, trước hết phải học. Học giáo lý Phật cho hiểu. Đạo Phật không chấp nhận học bằng cách nghe sao hiểu vậy mà bắt chúng ta phải suy ngẫm có đúng không, rồi mới hành. Thế gian thường gọi người có học lý thuyết này lý thuyết nọ, rồi đem lý thuyết chứng minh lập luận của họ thì gọi là người trí thức, nghĩa là đem cái thức phân biệt để xét đoán, rồi phê bình đúng hay sai v.v... Cái học hiểu này là cái ở ngoài đem vào, nên chưa phải là hiểu thật của mình.

Còn trí tuệ có được do Phật dạy là từ Giới, Định, Tuệ. Giới sanh ra Định, từ Định sanh ra Tuệ. Như vậy Tuệ này từ Định phát sinh, không do sự học bên ngoài. Trí tuệ này là trí tuệ chơn thật còn gọi là Tự nhiên trí, Vô sư trí hay Căn bản trí. Nó là trí sẵn có từ thuở nào nơi mình mà chúng ta không hay biết để dùng. Giờ đây muốn dùng nó, chúng ta phải đi từ Giới để gỡ bỏ bớt những ràng buộc bên ngoài rồi mới Định được. Hễ tâm Định được thì Tuệ phát sinh, bởi vậy Đức Huỳnh Giáo

Chủ mới cho chúng ta biết:

***“Tu với tỉnh biết làm chẳng khó,
Nếu lặng Tâm tỏ ngộ đạo mau.”***

Và:

***“Nếu ai mà biết được tu trì,
Tâm bình tịnh được thì phát huệ.”***

(Sám Giảng, Q.4)

Thế nên, Tuệ này là của mình chứ không phải do học. Tuệ này do tu hành mà hiển lộ. Muốn có Định chúng ta phải thiền định (nghĩa là ngồi thiền), mà định cái gì? Định tâm điên đảo sanh diệt của mình cho nó dừng lại. Khi lặng tâm thì trí tuệ sẵn có hiện đủ. Trí tuệ chơn thật chỉ xuất hiện khi tâm an định.

Chúng ta đã học theo Phật, hiểu Phật pháp, không còn sai lầm, vậy thì chúng ta giác ngộ cái gì? Giác ngộ biết thân này là giả, tâm sanh diệt là giả. Biết hai cái đó giả rồi thì sự tu hành thật không khó. Do chấp thân chấp tâm nên khó thiền định. Khi biết thân giả, tâm sanh diệt là giả, chúng ta dễ dàng an định thân tâm. Ai nhìn đúng sự thật thân giả, tâm sanh diệt giả tức là người đó đã giác rồi. Lại nữa người đó quán chiếu thấy rõ đời là vô thường, khổ nơi thân và tâm để từ đó quyết gỡ bỏ những tham đắm, chấp thủ mà bấy lâu nay gắn bó với con người và cuộc đời. Nhãn quan của đạo Phật về cuộc đời quá rõ ràng như trong Kinh Kim Cang dạy:

*“Nhứt thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điện
Ứng tác như thị”.*

Dịch nghĩa:

*“Tất cả các pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bọt, bóng*

*Như sương, như chớp lóe
Hãy quán chiếu như thế”.*

Kinh Kim Cang cũng dạy: “*Phàm hữu sở tướng, giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*” nghĩa là những gì có tướng đều hư dối, nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức là già, đó là thấy Phật vì Phật là giác.

Theo giáo lý nhà Phật, con người có vị thế tối thắng hơn chúng sanh khác để tu chứng, giải thoát thành Phật. Vì thế thác sinh được làm người là khó. Câu “*Nhân thân nan đắc*” của Nho gia là nhằm nhắc nhở chúng ta đang có phúc duyên, đang có vị thế thuận lợi để đi vào con đường giác ngộ như Đức Phật, đã trải nghiệm rồi đắc Thánh quả thành đấng toàn giác, là Thầy của Trời, Người.

Nhà Phật dạy chúng ta giác thẳng nơi con người, chớ đừng tìm cầu bên ngoài. Trọng tâm đặt nơi con người. Chúng ta học Phật là học đạo Giác Ngộ, mà nếu không chịu giác thì biết học cái gì. Trên đời này cũng có kẻ càng học lại càng mê. Có người chỉ vì một câu nói vu vơ của người khác rồi âu sầu phiền não nhớ mãi, trằn trọc suốt đêm, ăn không ngon, ngủ không yên. Nào lo chuyện làm ăn lỗ lỗ, lý luận với ai bị thua rồi tính làm sao cho hơn họ.v.v... Phải chăng đời người lúc nào cũng sống trong sự nắm giữ của người khác, dù chuyện vui, chuyện buồn nào cũng đều bị người khác điều khiển. Muốn cho người nào đó thích chỉ cần khen vài câu tốt đẹp. Trái lại muốn cho phiền não chỉ phê bình vài câu không hay!

Là câu chuyện truyền khẩu, Triệu Phán Quan dưới địa ngục, vâng lệnh Diêm Vương, đến trần gian rao truyền cho biết tuổi thọ của mỗi người còn lại bao nhiêu. Một hôm Triệu Phán Quan ngồi bên lề đường,

tay rung chuông nói với ông A đã cáo lão hoàn hương: “Thọ mạng của ông chỉ còn lại có ba tháng, sau ba tháng nữa, tôi sẽ vào nhà ông rung chuông, ngay khi tiếng chuông vang lên, ông sẽ theo tôi biến mất.”

Kế đó Triệu Phán Quan lại rung thêm một tiếng chuông nói với thương gia B đang qua đường: “Thọ mạng của ông cũng chỉ còn ba tháng, ba tháng nữa, tôi đến nhà ông lắc chuông, ông sẽ theo tôi mà chết.”

Hai ông A và B nghe vậy, trong lòng lo sợ, bồn chồn không yên. Từ lúc đó, ông A ngày nào cũng âu sầu buồn bã, nghĩ tới ba tháng còn lại của mình, cơm không ngon, giấc ngủ không yên. Ngày nào mình cũng chỉ nhìn đồng tiền mình đã kiếm được mà đau khổ, tay không ngừng đếm những của cải cả đời mình đã tích góp, chẳng biết nên làm thế nào!

Trái lại ông B nghĩ đến đời mình chỉ còn ba tháng nữa, thấy cuộc đời sao ngắn ngủi, ném trải nhiều cay đắng biết bao, tích trữ được nhiều vạn quan, giờ đây giúp gì mình được nữa! Ông bèn thức tỉnh, đem gia tài bố thí cho mọi người, đắp đường xây cầu khắp nơi, tùy duyên giúp người nghèo khổ, suốt ngày cứ bận rộn như thế quên cả chính mình.

Đến kỳ hạn ba tháng, Triệu Phán Quan y hẹn đến nhà ông A. Do âu sầu phiền não, tâm thần bất an, ông A trở thành một ông A thân thể suy nhược, mới nhìn thấy Triệu Phán Quan dù chuông chưa rung lên, ông đã ngã ra chết.

Còn ông B thì do hành thiện bố thí, làm phúc cho quê nhà, người dân nhớ ơn ông và để tỏ lòng, họ liên tục đem hoành phi (biển gỗ khắc chữ lớn, thường treo ngang giữa nhà để thờ hoặc trang trí) tặng. Chiêng trống vang dội, náo nhiệt không ngớt, mặc cho tiếng chuông của Triệu Phán Quan rung mãi, ông B vẫn

không hề nghe thấy, tiếp tục sống một cuộc sống an nhiên tự tại, lấy việc thiện làm niềm vui.

Thế nên đời người vui buồn, được mất, tất cả nơi mình, không hề do người khác!

Chữ “Đạo” trong đạo Phật cũng chỉ đơn giản là con đường, là phương pháp đưa chúng ta đến giác ngộ. Đã đi con đường giác ngộ mà lại trở thành mê tín thì thật nghịch lý, muốn làm sao cho mau thành Phật, nay đi cúng chỗ này, mai đi cầu ông nọ bà kia xin đủ thứ, đó là một sai lầm. Con đường thành Phật như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dài lắm tính bằng các kiếp sống. Đức Phật cũng từng nói Ngài trải qua “vô lượng kiếp”, đến kiếp sau cùng này mới thành Phật. Từ một Đức Phật lịch sử ấy, chúng ta thấy sự đại ngộ của Ngài không phải là một cái gì bí hiểm và cũng không phải là sự ngẫu nhiên. Điều ấy khích lệ chúng ta đặt trọn niềm tin trong sạch về sự giáo huấn của Ngài.

Đức Phật Thích Ca đã nói lời xác quyết: *“Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”* và hãy nhớ là chúng ta **“sẽ thành Phật”**, chứ đừng ngộ nhận là thành Phật. Muốn thành Phật thì phải đi theo dấu chân của Đức Bổn Sư, tức là phải làm theo giáo huấn của Ngài. Ngài chỉ nhận mình là bậc hướng đạo sư mà thôi: “Các người hãy làm việc của các người, Như Lai chỉ dạy con đường”. Đức Phật đã từng bảo chúng ta rằng: Mỗi người đều chịu trách nhiệm về mỗi hành vi thiện hay ác của chính mình. Cũng như sự giác ngộ là nỗ lực tự thân mỗi người chớ không thể nhờ người khác giác ngộ thay cho mình được. Đức Phật chỉ là người thầy chỉ đường chứ Ngài không chịu trách nhiệm về sự tu chứng của mỗi chúng sanh. Lại nữa có tu mới chứng, không tu làm sao chứng được. Đạo Phật là đạo thực nghiệm, kinh nghiệm thực tế của từng cá

nhân trên con đường tìm đạo, đạt đạo.

Đức Phật cho biết, không phải Ngài là người duy nhất có khả năng thành Phật mà ai ai cũng bình đẳng trước công lý. Trước Ngài cũng có nhiều người giác ngộ thành Phật và sau Ngài sẽ có Đức Di Lặc giáng sinh thành Phật kế tiếp. Chúng ta cũng nên nhớ mỗi người sẽ là một vị Phật trong tương lai mà như trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm Bồ Tát Thường Bất Khinh, khi gặp ai Ngài cũng lễ lạy ngợi khen họ, kể cả khi bị đánh mắng, ném đá, gậy gộc vào Ngài cũng không sồn lòng, niềm tin “bất thoái chuyển” cho mình và cho người khác rằng “Quý vị đều sẽ thành Phật”. Hành vi thánh thiện của vị Bồ Tát Thường Bất Khinh này nhằm kêu gọi chúng tử Như Lai của mọi người mà Phật Giáo gọi là “giáo dục đánh thức”, làm thức dậy Phật tính là tính sáng suốt hằng có nơi mỗi người. Phật tính cũng không phải cái gì khác, đó là Tâm. Cái tâm ấy như mặt trời rộng lớn bao la có ánh sáng chiếu rọi khắp nơi nơi, lại luôn luôn bị “lớp mây mù che khuất, không lộ ra được”. Lớp mây mù ấy chính là Tam độc: Tham, Sân, Si. Cho nên sự giác ngộ để tu là nhằm xóa tan lớp mây mù ấy mà thôi.

Muốn giải thoát khỏi kiếp trầm luân khổ ải này, trước hết chúng ta phải sớm giác ngộ. Trong Kinh Viên Giác, Bồ Tát Văn Thù hỏi Đức Phật: “Thế nào là vô minh?”. Đức Phật dạy: “Chấp thân tứ đại là thật, chấp tâm sanh diệt duyên theo bóng dáng sáu trần là thật, đó là vô minh”. Vô minh chính là gốc của luân hồi sanh tử. Vậy thế nào là minh? Thấy thân này không thật, tâm hư dối không thật là minh. Minh và vô minh chỉ ở sát bên nhau chớ không xa xôi gì hết, chỉ cần một suy nghĩ đúng để nhận ra cái nào là thật, cái nào là giả.

Chúng ta tu là để mong cầu cái gì? Cầu giác ngộ

mê, cầu được minh (sáng suốt) bỏ vô minh (ngu muội). Thay đổi cái nhìn từ sai lầm chuyển qua tỉnh ngộ thì hết mê. Hết mê là giác, mà tâm giác là tâm Phật, tâm Bồ Tát. Như vậy từ kẻ phàm phu chuyển qua Bồ Tát cũng không có gì là khó. Câu chuyện về một ông hàng thịt nghe lời dạy của một Thiền sư, liền thức tỉnh làm bài Kệ:

*Tạc nhật dạ xoa tâm
Kim triêu Bồ Tát diện
Dạ xoa dĩ Bồ Tát
Bất cách nhất điều tuyền.*

Bài Kệ nói lên ranh giới giữa mê và giác. Hôm qua mê là tâm dạ xoa, ngày nay giác là mặt Bồ Tát. Bồ Tát và dạ xoa không cách một đường tơ. Thật ra không có gì ngăn trở mình chuyển mê thành giác. Chuyển không được tại chúng ta không quyết chí chuyển thôi. Chúng ta hiểu giác thì phải tập giác (tri và hành), ngày nay chưa được, ngày mai tiếp tục bất thôi chuyển (tinh tấn). Ông hàng thịt còn chuyển dễ dàng, chúng ta đâu có tội lỗi bằng ông hàng thịt. Nếu không chuyển được tại chúng ta chưa biết tu Phật.

Trong cuộc sống, người đời coi sanh, già, bệnh, chết là nỗi khổ đau, nhưng Đức Phật coi đó là “ba sứ giả” trong đời.

Có lần Đức Thế Tôn nói với đệ tử của mình: “Các con có biết ba sứ giả của kiếp này không? Ta sẽ kể cho các con nghe một câu chuyện.

Có kẻ làm ác phải xuống địa ngục, quỷ sứ bắt dẫn đến điện U Minh báo cáo với Diêm La Vương:

- Thưa đại vương, kẻ này trên dương thế không tôn trọng Tam Bảo, không hiếu thuận với cha mẹ, lại không kính thầy, cho nên xin trừng trị hẳn thích đáng.

Diêm La Vương hỏi phạm nhân: “Khi ở dương

thể người có gặp sứ giả thứ nhất không?

- Bẩm đại vương, tôi chưa từng thấy.

- Vậy người có từng thấy người già cả, lưng cong, chống gậy đi đường không?

- Đương nhiên thấy nhiều lắm.

- Người nhìn thấy những người như vậy, cần phải nghĩ rằng mình sẽ có ngày già yếu, tại sao không nghĩ đến chuyện nhanh chóng làm những việc thiện thuộc ba nghiệp thân, khẩu, ý.

- Quả thật tôi không để ý đến việc đó, chỉ muốn sống phóng túng, nhàn hạ.

- Vì người phóng túng, nhàn hạ nên cái cần thấy lại không thấy, việc cần làm lại không làm, bởi vậy phải chịu báo ứng của sự phóng túng, nhàn hạ. Đó chẳng phải do cha mẹ, anh em hay bạn bè người gây nên, mà chính người tự chuốc lấy, ta đành phải cho người nếm trái đắng của sự ác chấp.

Diêm La Vương lại hỏi phạm nhân: “Người đã từng thấy sứ giả thứ hai chưa?”

- Thưa đại vương, tôi chưa từng thấy.

- Vậy chẳng lẽ người chưa từng thấy người bị bệnh, không tự chăm sóc được, khiến cho cơ thể dơ bẩn?

- Tôi thấy nhiều lắm.

- Người nhìn thấy những người như vậy, đáng lẽ phải nghĩ đến bệnh tật của mình, người khỏe mạnh đến mấy rồi cũng có ngày bị bệnh. Tại sao khi còn khỏe người không nghĩ đến việc tự làm sanh ba nghiệp thân, khẩu, ý?

- Xin thứ lỗi, tôi thực đã quá phóng túng.

Diêm La Vương lại hỏi: “Người đã từng nhìn thấy sứ giả thứ ba chưa?”

- Thưa đại vương, tôi chưa từng thấy.

- Người đã từng nhìn thấy người chết qua một ngày, hai ngày, ba ngày, thân trương phồng lên, chảy ra nước mắt, mùi hôi thối nồng nặc chưa?

- Cái đó tôi thấy nhiều rồi.

- Đã từng nhìn thấy, đáng lẽ phải biết mình sống không còn bao lâu nữa, tại sao lại phóng dật, cam nguyện làm ác mà không làm điều thiện? Bây giờ đã đến lúc người phải lãnh hậu quả của việc phóng dật, tất cả những việc người làm người phải tự chịu, không ai chịu báo ứng thay người được.

Thế là Diêm La Vương sai quỷ sứ lôi phạm nhân đi ném vào lửa chịu khổ.

Này các Tỳ Kheo! Kiếp này phái ba sứ giả đến trần gian, các con phải nghe lời sứ giả kêu gọi, tránh xa phóng dật; thấy sứ giả mà vẫn không tỉnh ngộ, sớm muộn rồi cũng bị trừng phạt chịu khổ lâu dài”.

“**Phật sẽ thành**” là một tiềm năng giác ngộ vẫn còn xa lắm đối với chúng ta. Nói như vậy không có nghĩa là bi quan tiêu cực, bởi có đi thì sẽ có đến, vậy chúng ta hãy cất bước ngay ngày hôm nay. Chúng ta hãy như Bồ Tát Thường Bất Khinh trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, khơi dậy tiềm năng giác ngộ nơi mỗi chúng ta. Nhưng mà sự học Phật thật là mệnh mông, chúng ta sẽ bâng khuâng không biết bắt đầu từ đâu. Phật giáo chỉ cho chúng ta tường tận từ hiếu thuận với cha mẹ, muôn vạn quyền kinh của Phật Thánh Tiên đều dạy sự hiếu nghĩa làm đầu (Thiên kinh vạn điển hiếu nghĩa vi tiên). Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy: “Hôm nay đã quy y đầu Phật tu niệm tại gia, ta hãy cố gắng vung lời Thầy Tổ đã dạy, lo tròn câu hiếu nghĩa”. Đức Thầy Tây An thuở xưa thường khuyến khích các môn nhơn đệ tử rằng: muốn làm xong hiếu nghĩa có bốn điều ân ta cần phải hy sinh gắng gổ mới mong làm trọn

(Ân Tổ Tiên cha mẹ, Ân đất nước, Ân tam bảo, Ân đồng bào và Nhơn loại), với kẻ xuất gia thì ân đàn na thí chủ.

Vậy muốn học Phật có kết quả phúc báu trước hết phải học làm người tốt. Đánh thức tiềm năng giác ngộ thành Phật của con người, luôn là mục đích tối hậu của giáo lý Phật Đà:

“Nguyện tu thành Phật chẳng làm,
Độ trong sanh chúng hết lâm tai nạn.”

Nam mô Bốn sư Thích ca Mâu ni Phật.
Nam mô A Di Đà Phật.

Ngày 29 tháng sáu năm 2014.

PHAN THANH NHÀN



Ý NGHĨA ĐẠO LÝ QUA DANH XƯNG KHÙNG ĐIÊN CỦA ĐỨC HUỲNH GIÁO CHỦ



MAI THANH TUẤN

*"Ra đời xưng hiệu Khùng Điên,
Nào ai có rõ Thân Tiên là gì."*

(Q.3, SÁM GIẢNG)

Khùng Điên là một chứng bệnh về tâm thần. Y học cho biết những người mắc phải bệnh này sẽ tùy theo mức độ nặng hay nhẹ do sự rối loạn các chức năng thần kinh não bộ có thể là từ sự di truyền đột biến gen hay là do tác động ảnh hưởng của những sự cố về chấn thương, môi trường hay tâm lý...dẫn đến sự thay đổi con người không được bình thường. Do vì không còn khả năng tự kiểm soát chính mình nữa mà họ luôn có những cảm xúc, tư tưởng và những hành động không chừng đoi, buồn vui thất thường khó mà hiểu được. Sự có mặt của họ trong cuộc đời tự thân đã là khổ não vô cùng đồng thời lại còn là một gánh nặng cho gia đình và xã hội. Ngày nay với tâm hồn đạo đức thanh cao tuy họ không còn bị mọi người phân biệt đối xử như xưa nhưng dù sao thì họ cũng là những lớp người đáng thương hại trong cuộc đời.

Nói đến cuộc sống của những người khùng điên ai mà không xót xa cho được. Đời sống của họ khác nào là những người thực vật đâu, bao hạnh phúc niềm vui là những ý nghĩa sự sống của mỗi người có được khi đã trót sinh ra trong đời với họ cũng cầm bằng vô nghĩa! Thế thì vì sao ĐHGCVốn là một vị Giáo chủ của một Tôn giáo mà khi ra đời truyền bá Đạo pháp

cứu độ nhân sinh Ngài lại tự xưng mình bằng cái danh từ Khùng Điên đó? Như vậy liệu có ảnh hưởng chẳng đến giá trị và nhân cách của Ngài? Liệu có làm giảm mất niềm tin và sự kính trọng của mọi người khi họ muốn tìm về với Đạo lý? Đây là vấn đề vô cùng quan trọng, thiết nghĩ mỗi người tín đồ PGHH chúng ta cần phải tìm hiểu cho được rõ ràng.

Ai cũng biết PGHH là một nền Đạo dân tộc, sự ra đời trong một hoàn cảnh nước nhà đau thương cũng như chính số phận của nó. Từ khi người Pháp vào cai trị đất nước VN thì những đau thương tang tóc diễn ra khắp nơi, bá tánh lầm than, nhân dân khốn khổ. Sự bức bách về cơm áo gạo tiền đang đè nặng lên trên đôi vai gầy bé bỏng đáng thương của bao người dân Việt. Làm sao để cứu nguy cho mọi người thoát khỏi cơn khốn nạn để có thể có được cuộc sống hạnh phúc, tự do là sự khát khao thiết tha của những trái tim con Hồng cháu Lạc. Chính vì thế mà biết bao người yêu nước đã phải hy sinh dưới bàn tay sắt máu của kẻ thù chỉ vì họ muốn đòi lại sự công bằng cho bá tánh. Là một anh hùng sanh trong kỳ loạn thế cái hay nhất là chúng ta phải biết thời mà xử, biết thế mà làm. Trước họng đại bác mà chúng ta không có tác sắt trong tay thì mọi sự kháng cự không kết quả sẽ dẫn đến sự hy sinh là điều không đáng có. Phải biết ẩn nhẫn chờ cơ hội thuận tiện để làm. Ấy mới là trí mưu của người quân tử.

Khó khăn trước mắt là người Pháp luôn luôn theo dõi rình rập Ngài, từ bước đi bước đứng của Ngài luôn luôn có "tai vách mạch rừng" của họ dòm ngó. Nếu chỉ một câu văn, một lời nói hay bất kỳ một cử chỉ nhỏ nào sơ hở để họ có thể biết Ngài là một người trí thức yêu nước thương dân, là một người có tinh thần chống Pháp thì lẽ dĩ nhiên việc truyền Đạo ngay lúc

ban đầu của Ngài sẽ gặp trở ngại mà từ đó Ngài không thể khả thi cái chí nguyện to lớn của mình. Và lại Đức Thầy ngoài sứ mạng thiêng liêng là hoằng truyền chánh Pháp, bên cạnh Ngài còn có trách nhiệm bảo bọc non sông trong lúc nguy nan.

Khi ấy trước Pháp nhũ từ bi đã có hằng triệu con tim quay về bến giác, tỉnh ngộ tu hành luôn sẵn sàng vì Thầy vì đạo mà chấp nhận đả thân. Với Ngài, Pháp khác nào là con chim đang gặp tên, chì thau đang gặp lửa. Nếu Ngài càng tỏ ra trí thức cao siêu chừng nào càng làm cho cái bệnh đa nghi của họ gia tăng chừng nấy, tất nhiên họ sẽ dùng mọi thủ đoạn với Ngài. Càng khó khăn hơn nào đâu lợi ích. Cho nên việc ẩn nhẫn dưới danh từ Khùng Điên ấy cũng là một cái có của Ngài. Điều này hơn một lần chính Ngài đã từng bảo:

***"Ta mắc lánh tà tây đa sự,
Làm Điên Khùng cũng tự lẽ ni."***

Một người khùng điên còn có nghĩa là một người khờ dại, đầu óc không thông minh nhạy bén, cũng không biết hơn thua tranh giành cao thấp với đời. Ở đời con người ai cũng vậy, bao giờ họ cũng luôn tự cho mình là tài trí, thông minh. Thế rồi cũng bởi cái thông minh tài trí không biết cân nhắc, xử không phải thời hành phải chỗ đó trở lại làm khổ lụy cho bản thân. Tài trí như thế chỉ là một mối họa. Nếu không phải vì thông minh, lúc nào cũng hiểu thấu tới tận tim gan của Tào Tháo thì có lẽ Âu Dương Tu đã không phải bỏ mình vô lý dưới tay kẻ gian hùng này. Cái khó của con người chính là ở chỗ biết kín đáo. Trong nhân cách sống kín đáo là cái gốc của sự thông minh. Có thông minh mà không biết kín đáo là con đường đi đến cửa tiêu diệt. Ví như một người có nhiều cửa cái giàu sang

mà không biết kín đáo lại cứ khoe khoang, ấy có khác nào chiêu mộ đến cho những phường đạo tặc, chắc chắn có ngày họ sẽ tìm cách đoạt giật tài sản của ta. Như thế có khác nào tự mình đi rước họa. Cho nên tốt nhất bao giờ chúng ta cũng phải sống cẩn thận, phải biết dè dặt không nên phô trương với đời. Lúc nào cũng phải xem mình như một người khờ dại.

Trong đời sống con người khi mà vật chất kim tiền đã trở nên một thế mạnh, nhân tâm Đạo Đức bị đẩy lùi, đôi khi thông minh của mình cũng là một cái họa. Biết sống khờ dại ấy là biết cách gìn thân một cách an toàn:

***"Bước ra đường ăn nói thiệt thà,
Dầu khôn khéo cũng là giả dại.
Nếu tranh đương ắt ta bị hại.
Thêm sa cơ lại bị xích xiềng.
Vì đời nay chúng nó dụng tiền.
Ít ai dụng chữ nhân chữ nghĩa."***

Chừng ấy những điều là chưa kể đến cái họa đau thương khi mà chính những kẻ đã ỷ lại vào sự thông minh tài trí của mình để gây khổ đau cho người khác. Một Tần Cối của đất nước Trung Hoa, một Huỳnh Công Tấn của Việt Nam ngày xưa cả thầy đều là những người có tài có trí, nhưng sự thông minh của họ đã vượt khỏi lương tri mà từ đó lôi kéo họ đi vào ngõ tối của sự mưu mô thâm độc. Với tài trí ấy thay vì họ có thể làm ích nước lợi dân, phục vụ cho quốc gia dân tộc. Đàng này vì những ham hố lợi quyền đã ám thị nhân tâm khiến họ đang tay làm điều bất nghĩa. Nếu là một người hiền lành khờ dại họ sẽ không thể làm ra chuyện táng tận lương tâm như vậy để rồi muôn đời về sau mãi mãi bị mọi người nguyên rủa. Đó cũng là một cái họa không nhỏ của sự "thông minh"!

Có lần khi Đức Thầy còn ở Sài Gòn một học giả

cũng đã đến thắc mắc với Ngài vì lý do đó:

"Thưa ông Tư! Tôi đã có xem qua Sám Giảng của ông. Tôi rất lấy làm kính phục và muốn được qui y để trở thành một người tu hành của Đạo. Nhưng có điều ông lại đi xưng là Khùng Điên. Là một học giả như vậy làm sao tôi có thể qui y với ông Khùng cho được! Vậy kính xin một điều, ông hãy đổi danh xưng nào cao đẹp hơn để tôi có cơ hội có thể làm một người tín đồ của PGHH!"

Nghe thế, Ngài bèn mỉm cười, ôn tồn bảo với ông khách:

"Vậy à! Vậy ông hãy chọn giùm cho Tôi xem một danh xưng nào cho hợp nhe!"

Ông khách tỏ vẻ ngần ngại đứng yên, dường như ông không có khả năng tìm được. Vả lại đứng trước Đức Thầy là một vị Phật, tinh thần của ông không còn được tự chủ bình thường. Hồi lâu, Đức Thầy mới hỏi:

"Nếu vậy, bây giờ Tôi xin hỏi ông. Ông hãy cứ thành thật mà trả lời nhe!"

Ông khách dạ. Đức Thầy nói tiếp:

"Khùng Điên có nghĩa là gì, có phải là dại không?"

Ông khách dạ phải.

"Vậy thì ở đời những người mưu mô xảo quyệt, dùng đầu óc thông minh của mình bày mưu toan kế, bằng mọi cách để mang lại danh lợi uy quyền, giàu sang sung sướng về cho mình. Không màng đến khổ đau của ai, dù phải đâm trên xương máu của đồng bào mà sống. Những người như thế trong mắt người đời họ cho là khôn hay dại?"

Ông khách trả lời: "Thưa ông Tư! Họ cho là khôn." Đức Thầy hỏi tiếp:

"Thế thì Đức Thích Ca ngày xưa khi còn là Thái tử, Ngài không hưởng lấy ngai vàng, xa lìa vợ đẹp con thơ,

bỏ cả phú hữu tứ hải, xuất gia tìm Đạo, lên rừng tu hành khổ hạnh bao năm. Không màng đến sự khổ cực của xác thân, tâm ra Đạo cả để mang niềm vui đến cho mọi người. Ngài hành động như thế trong mắt người đời người ta cho Ngài là khôn hay dại?"

"Thưa ông Tư! Người ta cho đó là dại!"

Đức Thầy bèn mỉm cười, rồi nói: "Thế thì phải rồi! Khùng Điên nghĩa là dại. Tôi dại là Tôi theo Phật Thích Ca, như vậy ông có còn thắc mắc gì nữa?"

Ông khách tỏ vẻ hài lòng, thi lễ với Đức Thầy rồi từ giả lui bước ra đi.

Ấy là một bài học đích đáng cho những kẻ thông minh tài trí mà không có nhân tâm, đạo đức ở đời!

Sở dĩ xưng Khùng Điên là Ngài còn muốn dạy cho chúng ta một thêm bài học mà đã là một người tu hành thì bao giờ chúng ta cũng phải xem đây là một sự giáo huấn không thể thiếu trong cuộc đời. Đạo lý của sự "Điên Khùng" là Đạo lý của sự lùi mình, khiêm hạ. Đức Tôn Sư chúng ta là một vị Phật thế mà Ngài lại tự xưng mình là một người khùng điên, là một đẳng cấp người thấp thỏi nhất trong xã hội. Còn chúng ta là những người đệ tử, thông minh tài trí mình có được bao nhiêu đã vội cho mình là cao là thượng, không xem ai ra gì. Khi ngã mạn đầy sanh thì trong mắt của chúng ta mọi người đều trở nên thấp thỏi. Thậm chí có những lúc có người còn vỗ ngực xưng tên muốn làm thầy thiên hạ trên đời. Ấu đây là một chuyện đáng buồn, đáng tiếc!

Ông bà mình há chẳng thường nói: "Hữu xạ tự nhiên hương, hà tất đương phong lập." (Có xạ tự nhiên thơm, đâu cần phải nhờ có gió). Qua những bài học vô giá trong cuộc đời đó mà có khi chỉ một câu một chữ người xưa đã phải mua được bằng biết bao đau thương

và nước mắt. Thậm chí có khi phải đánh đổi bằng cả xương máu của mình. Ngày nay các Ngài đã để lại những kinh nghiệm quý báu này cho ta. Chúng ta phải biết trân trọng. Có thất bại mới đánh đổi được những ý nghĩa giá trị của thành công. Có lùi mình ra sau thì mới có thể tiến mình ra phía trước. Ấy là nguyên tắc sống ở đời. Càng biết khếp mình nhỏ bé chừng nào mình sẽ càng được mọi người kính yêu chừng nấy. Nếu quả thật mình là một nhân tài thì bất tất cần phải ba hoa. Hãy chiêm nghiệm kỹ càng những bài học Đạo lý sau đây mà Đức Tôn Sư ta từng dạy:

***"Đã tu hành đừng có bôn chôn,
Tưởng hay giỏi khoe khoang tài cán.
Người hiểu rành mới càng thêm chán,
Chỉ bằng ta bỏ lối trở trêu."***

Hơn nữa, trong cuộc đời hành đạo nếu biết khếp mình khiêm hạ chúng ta sẽ càng tăng trưởng được phước đức vô biên. Khi ta chỉ thấy mình nhỏ bé như hạt cải cũng là lúc cao ngạo trong lòng mình dẹp tan đi, bản ngã vô minh bị thu nhỏ lại, lòng từ bi lớn hơn. Bao nhiêu ý vị đạo mầu như những hoa trái ngọt ngào sẽ nở ra, tỏa sắc đưa hương rào rạt. Như thế mình mới có thể tiến gần đến con đường đạo hạnh cao siêu, bước đi được những bước chân nhẹ nhàng an lạc, bỏ lại sau lưng bao nỗi trở ngại phiền ưu trong cõi đời này. Do vậy mà khi xưng Khùng Điền là Ngài dạy cho chúng ta đức tánh khiêm hạ, bao giờ cũng phải xem mình nhỏ bé, thấp thỏi hơn mọi người!

Ta cứ tưởng thành Phật là sẽ tuyệt vời cao siêu đứng trên muôn ngàn thiên hạ. Đó là một ý nghĩ lầm! Con đường thành Phật là con đường vươn tới vô ngã vị tha bởi vì tất cả chúng sinh đều có Phật tính tương đồng bình đẳng. Không có người cao hay kẻ thấp. Bất

nhã trí đều vốn sẵn đầy đủ nơi mọi người chúng ta. Sở dĩ chúng sanh chưa được tiến hóa ngang bằng với Phật Tiên là vì họ chưa phát minh ra được.

Thường Bất Khinh Bồ Tát là một người tu hạnh từ bi khiêm hạ. Dù cho đi tới đâu, trước mặt của Ngài là ai, là một đối tượng nào Ngài cũng một lòng tu tập hạnh khiêm cung không bao giờ có một ý nghĩ xem thường họ. Gặp ai Ngài cũng xá lễ mà nói một câu rằng: "A Di Đà Phật! Tôi chẳng dám khinh Ngài! Ngài có tính Phật, rồi đây Ngài sẽ thành Phật."

Vả lại Ngài là người đã đạt tới cảnh giới đạo hạnh cao sâu. Tự xưng mình là Khùng Điên là Ngài muốn cho chúng ta biết rằng nơi đây không còn chỗ để chúng ta phân biệt Ngài là trí ngu hay phạm thánh. Đó là tinh thần Vô Ngã trong đạo Phật. Khùng Điên là Phật Thánh, Phật Thánh cũng là Khùng Điên. Dẫu cho người thấp thỏi đến đâu một khi có cơ hội tâm khai thì họ cũng sẽ trở thành Phật Thánh. Đức Phật chưa từng thấy mình là người cao cả hơn chúng sanh bao giờ!

Cũng vì lẽ ấy mà chúng ta không lấy làm lạ khi trong đạo Phật vẫn thường hay xuất hiện những vị cao Tăng có những hành động lạ thường như thế. Một Tề Điên Tăng mà ai cũng cho là một người điên khùng của thời nhà Tống, chớ kỳ thật nơi tâm hồn sâu thẳm bên trong Ngài là một bậc liễu đạo. Thị hiện làm một người điên điên khùng khùng như thế là Ngài muốn đánh đổ mọi sự cố chấp về hình tướng bên ngoài của mọi người đồng thời biểu hiện lên một đạo lý cao siêu là các Ngài đã hoàn toàn thanh tịnh tự tại trong mọi hoàn cảnh. Cho nên Điên Khùng nơi đây chính là một Đạo lý Phá Chấp:

***"Ta Khùng mà chẳng có con,
Cũng không có tánh giận hờn bá gia."***

Nếu ở thế gian những người mắc phải bệnh khùng điên là những người không còn biết ham muốn điều gì trong cuộc đời, thì nơi đây các Ngài muốn cho chúng ta biết rằng tâm trần của các Ngài đã hoàn toàn giữ sạch, không còn tồn tại dù chỉ là một sự mong cầu danh vị hay tài sắc nhỏ bé nào trong cõi thế gian. Bởi mọi vật trong cuộc đời đối với các Ngài như đám phù vân trước gió. Nào có nghĩa lý gì dù là một người bình thường, một người Điên đại hay một người vĩ đại cao siêu. Tất cả cũng chỉ là gió thoảng mây trôi, mọi việc rồi cũng sẽ trở về với hư vô bào ảnh. Ấy là cái nghĩa của Đạo lý diệu mầu mà qua hai danh từ Khùng Điên đó còn là một thông điệp của Trí Huệ!

Nếu khi trí tuệ chiếu kiến được rằng vạn pháp trong đời đều có từ những nhân duyên giả tạm thì cho dù là địa vị chí tôn như vua chúa trong đời cũng chẳng có nghĩa lý chi. Thế thì bất tất Ngài phải xưng hô một danh từ nào khác mà chúng ta cho là tôn quý!

Với lại sự Điên Khùng đó nào phải đâu là một sự đờ đẫn mất hết cả trí khôn như bao nhiêu người mắc phải bệnh đó trong cuộc đời, dụng ý chẳng qua là vì tấm lòng từ bi thương xót chúng sanh giữa buổi đời nguon hạ mà bắt gặp trong ý nghĩa của tình thương ấy ta thấy hình ảnh Ngài đẹp lên trong tấm lòng lúc nào lo lắng cho đến những nỗi đau buồn của chúng sanh:

***"Điên Khùng này chẳng có nói xàm,
Nói những chuyện từ bi bác ái."***

Cũng vì không hiểu được cõi đời là mộng huyễn vô thường rồi chúng ta sanh tâm cố chấp, mê đắm trong sáu nẻo luân hồi không biết ngày nào ra, như nút thắt bị xiết chặt lại đi không còn đầu dây để tháo mở. Nào danh lợi, cảm tình, rồi uy quyền phú quý mà con người đã cùng nhau xâu xé, giành giật oán thù nhau,

gây nên một bê bối phong trần cùng nhau oan trái, tất cả cũng chỉ vì hai chữ mê si. Đó là một điều đau lòng nhất một khi các Ngài nhắc nhở đến những câu:

***"Khấp thế giới binh lương cộ túc,
Quyết tranh giành quyền lợi xé xâu nhau.
Thấy nhọn sanh tuôn giọt máu đào,
Lòng bác ái động tình rơi nước mắt."***

(TRAO LỜI CÙNG ÔNG TÁO)

Cần phải có một sự trấn tĩnh và dừng lại, nếu nhân loại sẽ chỉ biết lao vào sự tranh cạnh bởi đầu óc quá thông minh, có thể sẽ gây nên một thảm họa. Từ những cuộc chiến tranh, những tàn dư của các chất hóa học, những khai thác không ngừng lại của môi trường, các chất khí thải vào tầng khí quyển... đã làm thay đổi hệ sinh thái của quả địa cầu. Cái nóng lên của toàn cầu đã gây ra cho chúng ta biết bao thiên tai hoạn họa. Chiến tranh, chết chóc, đói khát... mỗi ngày đều xảy ra không ngừng trên mặt đất. Là những người biết lo lắng cho tương lai nhân loại chúng ta không thể không nghĩ đến điều này! Đó là một cái nghĩ xa của một người "Khùng Diên" như Ngài:

***"Diên mà ca hát việc đời,
Với việc hiện thời khổ não Âu châu."***

Đức Phật là một người có lòng từ bi cao thượng, tình thương của Ngài bao giờ cũng hướng đến cho chúng sinh. Nếu ngày nào chúng sinh còn khổ đau thì ngày đó Ngài không thể yên vui được:

***"Các chư Phật không khi nào rảnh,
Tâm từ bi vẫn nhớ chúng sanh."***

(KỆ DÂN CỦA NGƯỜI KHÙNG)

Có một lần nạn Đức Thầy đã nói với ông Út, bà Út:

"Người ta ai cũng bảo Tôi khùng! Mà đúng vậy làm sao Tôi không khùng cho được. Bây giờ Tôi sẽ nói

chuyện tôi phát Khùng. Rồi đây bắt đầu cho thế chiến từ Âu sang Á, nhân sanh phải sống trong cảnh màn trời chiếu đất, khốn khổ lắm than. Chiến tranh chết chóc, thây phơi như núi máu chảy thành sông, con xa cha, vợ xa chồng...bao nỗi khóc than, đau thương ly tán! Tôi biết trước mà sao không khùng cho được!"

Qua đây chúng ta lại thấy thêm một tình thương vĩ đại của Ngài. Thì ra Ngài phải khùng vì lo cho bá tánh chúng sanh. Trước ngọn pháo châm ngòi sắp nổ tung khắp nơi của trận đê nhị thế chiến. Là một con người bình thường như chúng ta nếu phải đối diện với cảnh núi xương sông máu chắc hẳn chúng ta không thể nào diễn tả được sự thê thảm trong lòng. Huống chi Ngài là một người vốn có tấm tình thương bao la khắp cả thì càng phải tê tái và đau xót biết bao nhiêu khi phải biết rõ sự tình. Cho nên có những lúc quá thương tâm không thể đè nén lại trong lòng mà Ngài phải bật lên những tiếng nấc:

***"Thương quá sức bắt cuồng tâm não,
Quyết cứu đời dùng Đạo phổ thông."***

Từ đó Ngài đã phải bắt Khùng cũng bởi vì cõi lòng quá thương yêu chúng sinh. Những lời lẽ thắm thiết bật ra từ nét chữ một của câu thơ "Thương quá sức bắt cuồng tâm não" như đã dồn nén hết cả tâm can của Ngài vào đó. Từ những sự thương yêu, lo lắng, ưu tư trong lòng dâng cao lên rồi lại được dồn nén lại tạo thành một sức sống của tình thương mãnh liệt chảy lên cuộn cuộn trong Ngài như một dòng nước phun trào, lao mình cuộn cuộn giữa dòng cuốn phăng đi tất cả. Đó là một sức mạnh to lớn của tình thương, một tình thương sẵn sàng dấn thân trước bao gian nguy, bất chấp và vượt qua mọi chướng duyên trên bước đường đi tới. Chỉ có một tình thương người "Khùng" mới đạt

đến mức độ "bất cường tâm não" như thế cũng bởi vì Ngài đã "thương quá sức" vì nỗi khổ của sanh linh!

Từ bi không phải là một tình thương chết mà một người có từ bi có thể đứng đưng không hề xót đau trước nỗi khổ của mọi người. Trái lại nó còn là một thứ tình thương rộng sâu vô lượng mà người mang lấy tình thương này vào có thể cảm nhận được từng nỗi đau sâu thẳm bên trong tâm hồn của mỗi chúng sanh. Nó là một thứ tình thương đứt ruột của một người mẹ. Tình thương ấy bao giờ cũng luôn có mặt, sẵn sàng san sẻ và chấp nhận gánh chịu mọi thương đau cho con dù cho phải đánh đổi bằng sự hy sinh tất cả tâm hồn và cả đến sự sống của chính mình, không hối tiếc cũng không bao giờ thốt lên một lời chối bỏ. Người ta đã nói: "Tình thương càng rộng lớn ra bao nhiêu sẽ mang theo những ưu tư nặng nề thêm nhiều chùng nấy." Cho nên nơi đây chúng ta mới có thể hiểu được tấm lòng thương yêu chúng sanh thiết tha, sâu nặng, vô bờ bến của Ngài mà trong hai từ Khùng Điên ấy đã và đang chứa đựng bên trong bao đau thương trĩu nặng vì đời.

Thế có phải chăng qua danh xưng Khùng Điên ấy đã chuyên chở bao điều Đạo lý cao sâu, từ những nhân cách sống trong đời, trong Đạo, những ý nghĩa của tinh thần Trí Tuệ, Vô Ngã, Từ Bi, những đức tính cao vời của sự ly trần Giải Thoát...tất cả đã được gói ghém, thể hiện, trình bày một cách sâu sắc, tuyệt vời ở Ngài. Đó là những bài học vô cùng hữu ích, giá trị trong đời, là những pháp tu quan yếu, cơ bản được rút tĩa từ những Giáo lý Đức Thế Tôn mà Ngài đã chuyên đến cho chúng ta qua những hành động tự xưng "Điên Khùng" ấy như là một bài thuyết pháp vô cùng thực tế, hấp dẫn và sinh động. Nếu bình tâm suy nghĩ, lắng nghe Ngài nói chúng ta sẽ lãnh hội được điều này:

**"Khùng toán biết âm dương kết liễu.
Khùng Đạo Đức khùng câu tuyệt diệu,
Khùng huyền cơ khùng Đạo Thích Ca."**

Có ai đã từng một thuở đi vào khu vườn đạo lý của người xưa như là những vườn hoa tuyệt sắc của những pho tàng kinh sử, điển tích cổ kim đã được ghi chép lại cho đời. Có những sự kiện, những giai thoại, những cái hay, cái dở...mà đôi lúc gieo vào lòng ta những ấn tượng khó quên dù là những ấn tượng xấu hay là những ấn tượng đẹp.

Có một lần trên đường hành quân đánh vào Lưu Bị tái chiếm Bao Trung, Tào Tháo đã ghé vào một mái nhà tranh thăm lại người bạn cũ là Thái Bá Ung. Lúc ấy Bá Ung nhân có việc đã đi vắng chỉ còn lại người con gái là Thái Bá Diễm ở nhà. Nhân lúc làm lễ trước bàn thờ tang trong gia đình, Tào Tháo cùng các quần thần đã lao xao bàn bạc khi trông thấy những nét chữ được Bá Ung tôn trí trên bàn thờ. Đó là 8 chữ sắc sảo 黃絹幼婦外孫齋白 (**Hoàng, Quyển, Áu, Phụ, Ngoại, Tôn, Tê, Cữu**). Không một người nào hiểu được ý nghĩa bên trong là gì. Chỉ có Âu Dương Tu lãnh ngộ được thâm ý của người xưa, bèn giải:

"Chữ Hoàng 黃 là màu vàng, chuyển ngữ thành chữ sắc 色. Chữ Quyển 絹 là tơ lụa chuyển ngữ thành chữ ty 絲 (tơ tằm). Hai chữ Sắc và Ty ghép lại thành một chữ **Tuyệt** 絕.

Chữ Áu 幼 là con trẻ chuyển thành chữ Tử 子, chữ Phụ 婦 là người vợ chuyển ngữ thành chữ Nữ 女, là người con gái. Hai chữ Nữ, Tử ghép nhau thành chữ **Hảo** 好.

Chữ Ngoại 外 là ngoài, dòng họ bên mẹ nên chuyển ngữ thành chữ Nữ 女. Tôn 孫 là cháu, là người

nhỏ nên chuyển ngữ thành chữ Thiếu 少. Thiếu, Nữ hai chữ hợp nhau thành chữ **Diệu** 妙.

Tê Cữu 齏 臼 là cái cối giã hành, là vật chịu đựng những vị cay nên chuyển ngữ thành Thụ Tân 受 辛, tức là chịu cay. Hai chữ Thụ, Tân kết hợp thành chữ **Từ** 辭."

Như vậy là **Tuyệt Hảo Diệu Từ** 絕好妙辭 đó là thâm ý của người xưa. Hỏi ra mới biết câu chuyện này được xảy ra từ thời vua Hiếu Đế. Do thần đồng văn chương Hàm Đăng Thuần khi ấy chỉ mới 14 tuổi đã vâng lệnh vua viết 8 câu thơ tuyệt bút ký tặng mộ bia cho một người con chí hiếu là Tào Nga đã dám nhảy sông tự vẫn tìm cha mà khi chết vẫn còn đội xác cha dưới nước.

Một bậc tiền bối bác lãm thơ văn, nhân khi viếng mộ người con chí hiếu này, đọc được những vần thơ trên bia. Thán phục trước bài tuyệt bút văn chương, ông đã tặng cho Hàm Đăng Thuần 8 chữ ấy.

Qua đây chúng ta mới thấy thêm được cái tài tuyệt vời của người Khùng trong những chữ "khùng câu tuyệt diệu" của Ngài. Ngài đã khùng với những lời đạo đức cao siêu, khùng với những câu văn chương tuyệt vời như thế ấy, để rồi mỗi khi hạ bút, nhích môi Ngài đã chuyên chở biết bao nhiêu giá trị Đạo lý màu diệu đến cho khắp cả chúng sinh mà nếu có dịp quá bước vào vườn hoa Đạo pháp nơi pho tàng Thi Văn Giáo Lý của Đức Thầy chúng ta sẽ được trải nghiệm, thực tế và cúi đầu bái phục trước những gì mà Ngài đã thốt:

**"Miệng nhích môi đây văn tao nhã,
Hạ bút thần thơ đã đề khai."**

Cái khùng như thế thử hỏi trên khắp thế gian này có được mấy ai!./

Chúc Mừng Năm Mới

Tìm hiểu về Bài thơ chiết tự của Ông HUỖNH HIỆP HÒA

NGUYỄN VĂN HIỆP

Lúc trước, mỗi khi cầm quyển Sám Giảng và Thi Văn Giáo Lý của Đức Thầy, đọc đến bài HÁN THI của Ông HUỖNH HIỆP HÒA xướng, nhứt là phần chú thích bên dưới trang sách (1) *Nếu chiết tự 6 câu đầu của bài này thì chúng ta thấy mấy chữ sau đây: Trạng Trình, Cử Đa, Đề Thám. Ông Huỳnh Hiệp Hòa muốn hỏi coi Đức Thầy có phải là một trong 3 ông đã kể trên đây chăng?* là lòng tôi cảm thấy buồn tủi cho sự dốt nát của chính mình.

Bởi vì, toàn bộ bài thơ đều là chữ Hán-Việt khi đọc lên đã là khó hiểu rồi, mà tác giả lại còn dùng cách chiết tự để thử tài Đức Thầy, thì thật là rắc rối lớn. Đó cũng chẳng qua là do sự kém hiểu biết của mình. Tôi rất lo buồn không biết đến bao giờ mình mới hiểu được ý nghĩa của những bài HÁN THI này để biết được tâm tư, tình cảm và luôn cả ý chỉ của Đức Thầy đã gói gắm trong những tác phẩm quý báu này? Không biết có bậc tiền bối hay quý cao đồ nào đã ra công chú giải các bài HÁN THI này chưa? Nếu không thì hàng hậu tấn như chúng tôi làm sao mà hiểu được Giáo lý siêu mầu của Đức Thầy ẩn tàng rất nhiều trong những bài HÁN THI đó ??? Đó là những câu hỏi cứ lẩn quẩn bên chúng tôi từ bấy lâu nay, nếu không muốn nói là gần suốt cuộc đời người.

Mấy năm gần đây, may mắn đọc được quyển TỪ ĐIỂN ĐẶC DỤNG do Ông Nguyễn Văn Chon biên soạn. Trong quyển sách này, ông Chon đã chú giải hầu hết những bài HÁN THI mà soạn giả gọi là “**Những bài THI HÁN của Đức Huỳnh Giáo Chủ sáng tác và đáp họa với các bậc túc nho (1939-1947)**”.

Chúng tôi nhận thấy đây là một công trình rất có giá trị, cần được phổ biến rộng rãi, nhứt là cho những ai hằng quan tâm nghiên cứu Giáo Lý PGHH mà đã từ lâu gặp trở ngại vì những bài HÁN THI này.

Sau đây, căn cứ vào Tài liệu biên khảo của Ông Nguyễn Văn Chon, chúng tôi xin trình bày lại nội dung và ý nghĩa bài thơ xướng của Ông Huỳnh Hiệp Hòa (người làng Bình Thủy, tỉnh Long Xuyên), đặc biệt về vấn đề chiết tự:

**“Phiến ngôn đại chấn điểm nam cương,
Khẩu tụng Văn vương vị bốc tường.
Dữ thiện ngôn ngôn tung nhứt nhị,
Hành nhơn tịch tịch muội tâm lương.
Mã lai thủ thị danh thương pháp,
Thủy kiệt chơnghâm tủy khổ trường.
Thi vấn hồi âm tri bửu hiệu,
Tứ minh tam vị hiển văn chương.”**

(Tr.282 – SGTVTB 2004)

- Chiết tự câu “Phiến ngôn đại chấn điểm nam cương”: Chữ Phiến (片) thêm chữ đại (大) và chữ điểm (tức là một chấm.) thành ra chữ TRẠNG (狀)

- Chiết tự câu “Khẩu tụng Văn Vương vị bốc tường”: Chữ Khẩu (口) trên và chữ Vương (王) dưới. Thành ra chữ TRÌNH (呈)

Hai câu: Phiến ngôn đại chiến điểm nam cương,
Khẩu tụng Văn Vương vị bốc tường.

Chiết tự ra thành TRẠNG TRÌNH. (狀 呈) Ý của ông Hòa hỏi Đức Thầy có phải là ông Trọng Trình hay không?

- Chiết tự câu: “Dữ thiện ngôn ngôn tung nhưt nhị”. Chữ Dữ (與), cùng nét Tung, nét sổ xuống một gạch, cộng với chữ Nhị (二), hai gạch ngang, thành chữ CỬ (舉)

- Chiết tự câu “Hành nhơn tịch tịch muội tâm lương”. Hai chữ Tịch (夕) cộng lại thành chữ ĐA (多)

Hai câu: Dữ thiện ngôn ngôn tung nhưt nhị,
Hành nhơn tịch tịch muội tâm lương.

Chiết tự ra thành CỬ ĐA (舉 多). Ý của ông Hòa hỏi Đức Thầy có liên hệ gì với ông Cử Đa hay không?

- Chiết tự câu “Mã lai thủ thị danh thương pháp”. Chữ Thủ (手) đi với chữ Thị (是) là chữ ĐỀ (提)

- Chiết tự câu “Thủy kiệt chưởng thâm tủy khổ trường”. Chữ Thâm (深) mất nước (水) còn lại chữ thâm (không còn bộ Thủy). Chữ Chưởng (掌) và chữ Thủ (手) đều chỉ về bàn tay, cánh tay. Bỏ bộ Thủy thay chữ Thủ, thành ra chữ THÁM (探)

Hai câu: Mã lai thủ thị danh thương pháp,
Thủy kiệt chưởng thâm tủy khổ trường.

Chiết tự thành ĐỀ THÁM (提 探). Ý ông Hòa muốn hỏi Đức Thầy, có liên quan gì với ông Đề Thám hay không?

--- oOo ---

Xin tóm lược đại ý từng câu của bài HÁN THI trên đây như sau:

1)- Một lời nói ra làm cho mọi sự được an lành, khắp nơi đều yên ổn,

2)- Mặc dù chưa nói ra nhưng ông Hòa đã biết Đức Thầy có danh tiếng và ngôi vị như vua Văn Vương thuở trước.

3)- Cùng với việc làm lành, đối với Ngài trên đời có một không hai.

4)- Nghĩa đen: Người đi trong đêm tối. Nghĩa rộng: Ý nói tuy có lòng lành mà vẫn còn nơi tối tăm, tâm lành chưa được mở rộng.

5)- Ngựa đã đến, tay cầm thương lên tuấn mã, trong bụng sẵn có binh thư đồ trận. (Ý nói vốn là một danh tướng tài ba xuất chúng.)

6)- Nghĩa đen: Gặp lúc nước cạn, dùng bàn tay tìm nước. (Ý nói khi gặp cơn hoạn nạn thì ra tay gánh vác, dìu dắt ra khỏi chỗ ầy).

7)- Dùng bài thi để xin hỏi cho biết quý tánh tôn danh.

8)- Ba ông: Trạng Trình, Cử Đa và Đề Thám mà Ngài có nhắc đến trong văn thơ.

Đại ý toàn bài:

Ông HÒA cho rằng: Đức Huỳnh Giáo Chủ khai Đạo, tiếng tăm vang dội miền Nam Việt Nam. Vậy Ngài có liên hệ gì với ba ông: Trạng Trình, Cử Đa và Đề Thám, mà ông đã nói trong văn thơ?

Sau đây là bài thơ của Ông Nguyễn văn Chon lược dịch từ bài HÁN THI trên:

Một lời chấn động cả miền Nam,
Chưa nói nhưng tôi hiểu rõ ràng.
Việc thiện của Ngài như có một,
Điều lành dân thứ khó gìn kham.
Trận tiền thương ngựa đều dành sẵn,
Cứ chúng ra tay diệt khổ nàn.
Thi hỏi hiệu danh xin đáp lại,
Một trong ba vị ở thi văn.

Và bài lược dịch theo lối Chiết tự:
Phiến chằm đại bên **TRẠNG** hữu tình,
Dưới vương, trên khẩu hợp nên **TRÌNH**.
Sau tung, trước dữ thành nên **CỬ**,
Hai tịch là **ĐA** chữ lập thành.
Thủ thị tay **ĐỀ** tên bảng hổ,
Thủ thâm mắt thủy **THẨM** là danh.
Làm thơ xin hỏi tôn danh hiệu,
Ba vị văn chương hiển hiện rành.

Bài HÁN THI của Ông Huỳnh Hiệp Hòa xướng,
được Đức Thầy đáp họa như sau:

*“Hồi đầu điểm đạo chuyển phong cương,
Háo thắng bi ly đạo khổ tường.
Tề tướng cam phong an diện nhị,
Hàn nhơn thọ khóa tác tâm lương.
Thiên tôn mật sát nhơn gian pháp,
Phật lý di khai đại hội trường.
Tam bá ngoại niên chơn bút hiệu,
Hàn lâm nhứt đẩu vịnh thiên chương.”*

(Tr.282 – SGTVTB 2004)

(Đại ý: Đức Thầy khuyên ông Huỳnh Hiệp Hòa hãy sớm quày đầu hướng thiện, nếu còn tranh hơn thua cao thấp sẽ không gần được Đạo. Ngài cho biết có sự mạng vâng lệnh Phật Tổ lâm phạm khai Đạo, lập hội Long Hoa, chọn người hiền đức. Trên ba trăm năm Ngài là quan Đại học sĩ, đứng đầu một triều vua, có sáng tác một ngàn bài thơ).

Bài đáp họa của Đức Thầy cũng được Ông Nguyễn Văn Chơn lược dịch bằng bài thơ theo thể Đường luật như sau:

Hãy quay tìm Đạo ở phương Nam,
Tranh luận đạo xa khá rõ ràng.

Tề Tướng hai bề an ổn được,
Hàn Nhơn một mặt khó gìn kham.
Nhơn gian Phật giáo Thiên tôn vị,
Thích đạo hoằng khai đại hội trường.
Ta đã ba trăm năm có lẽ,
Làm quan sáng tác ngàn bài văn.

Mặc dù Đức Thầy không trực tiếp trả lời cho biết Ngài là ai trong ba vị kể trên nhưng qua hai câu kết (7 và 8), Ngài đã tiết lộ cho chúng ta biết giữa Ngài và cụ Trạng Trình có sự liên hệ vô cùng mật thiết.

Được biết, cụ Trạng Trình tộc danh là Nguyễn Bình Khiêm sanh năm Tân Hợi (1491), mất ngày 28 tháng 11, năm Ất Dậu (1585). Nguyên quán làng Cổ Am, huyện Vĩnh Lại, tỉnh Hải Dương (Bắc Việt). Ngài có hiệu tự là Bạch Vân Cư Sĩ, trong sự nghiệp văn chương, Ngài đã trước tác một ngàn bài thơ, gồm nhiều thể loại. Tên tác phẩm là “Bạch Vân Thi Tập” và “Bạch Vân Quốc Ngữ Thi”.

Nếu tính vào thời điểm Đức Thầy khai đạo, ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão (1939) và năm mất của cụ Trạng Trình (1585), chúng ta sẽ thấy:
(1939 – 1585 = 354 năm)

Do đó, Đức Thầy đã xác nhận: **“Tam bá ngoại niên chơn bút hiệu.”** (Ngoài ba trăm năm mới chính là tên hiệu của Ngài). Ngoài ra, Đức Thầy cũng tiết lộ Ngài có liên hệ với cụ Trạng Trình: **“Trình mô ngộ kim khuê cổ địa”** (Ta là Trạng Trình ở làng Cổ Am) trong bài “Đáp họa” với bài Hán Thi của Ông Chín Diệm Nguyễn Kỳ Trân và trong bài “Đề chơn đất Bắc”, Ngài có nói rõ:

**“Vân vân bạch bạch thức sinh thân,
Cổ quán thôn hương nhứt dị nhân.
Tiên sinh hậu kiếp phò Lê chúa,**

Hậu truyền độ chúng cảm hoài ân.”

(Đại ý: Giữa Đức Huỳnh Giáo Chủ và cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm có sự liên hệ mật thiết: Cùng tôn thờ Lê Chúa và vì dân mà phục vụ, vì nước mà dám quên mình. Đức ân đó đáng được hậu thế ghi nhớ).

Chính vì những chi tiết xác đáng này mà Đồng đạo Trần Phú Hữu (hiện đang giữ chức vụ Phó Hội Trưởng BTS.TUHN/GH/PGHH) quả quyết Cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đã tái sinh làm con của Đức Ông và Đức Bà ở làng Hòa Hảo và cũng chính Cụ Trạng Trình là một trong ba ông TỐ theo sát xác phàm của Đức Thầy, như trong câu Sấm Giảng:

***“Khùng thời ba TỐ một THẦY,
Giảng dạy đầy đầy rõ việc Thiên cơ.”***

(Quyển 1, Khuyên người đời tu niệm)

Xin cảm ơn Ông Nguyễn Văn Chơn, cảm ơn công trình nghiên cứu, chú giải những bài HÁN THI của Đức Thầy đã cho chúng tôi hiểu được phần nào ý nghĩa của những tác phẩm này và nhưt là hiểu biết sự chiết tự trong chữ Hán qua bài HÁN THI của Ông Huỳnh Hiệp Hòa, mà từ lâu cứ ôm ấp sự buồn bực trong lòng tưởng không bao giờ được giải tỏa.

Nhân dịp này, chúng tôi xin phép được trình bày về vấn đề CHIẾT TỰ để mong có sự nhận thức rộng rãi hơn về giá trị của bài thơ Chiết tự này.

Theo một số Tự điển hiện hành, ý nghĩa chữ Chiết tự được giải thích như sau:

- Chiết Tự (chữ Hán) là 折字

Chiết: Bẻ gãy. **Tự:** chữ, ý nói chữ Nho (tức chữ Hán).

Chiết tự là phân tách một chữ Nho ra làm nhiều thành phần, giải thích ý nghĩa của mỗi thành phần, và sau rốt giải thích ý nghĩa của toàn chữ.

Đây là điểm đặc biệt của chữ Nho, vì khởi đầu chữ Nho là loại chữ tượng hình.

- Chiết tự:

1.-Phân tích chữ Hán ra từng nét, từng bộ, căn cứ vào nghĩa của chúng mà đoán định lành dữ hay sự việc nào đó;

2.- Dựa theo nghĩa của các thành tố cấu tạo mà giải nghĩa của từ hoặc tổ hợp từ.

- Chiết tự là phân tách một chữ Nho (chữ Hán) ra làm nhiều thành phần, giải thích ý nghĩa của mỗi thành phần, và sau rốt giải thích ý nghĩa của toàn chữ.

Qua một số định nghĩa trên, sau đây là một vài trường hợp tiêu biểu việc sử dụng Chiết tự:

■ Chữ ĐẠI

大 do chữ Nhon 人 và chữ Nhứt 一 hiệp lại.

Nhon là người, viết hai nét tượng trưng Âm Dương. Do đó chữ Đại là Âm Dương hiệp Nhứt, mà Âm Dương hiệp nhứt thì phát khởi Càn Khôn, hóa sanh vạn vật.

■ Chữ ĐẠO:

Viết chữ Đạo 道 bắt đầu bằng 2 phết 丿 tượng trưng Âm Dương, gạch dưới một gạch 艹 là chữ Nhứt tượng trưng Âm Dương hiệp nhứt. Kế bên dưới là chữ Tự 自 nghĩa là chính mình, tự tri tự giác, tự giải thoát...

Trên và dưới ráp lại thành chữ Thủ 首 nghĩa là đứng đầu, là trên hết, là nguồn gốc của vạn vật. Bên hông có bộ xước tức là chữ Tẩu 辶 nghĩa là chạy, tức là vận chuyển biến hóa.

Vậy trong chữ Đạo 道 có hàm ý Âm Dương, động tịnh, động thì sinh hóa, tịnh thì vô hình vô ảnh.

■ **Chữ DƯƠNG 陽** gồm 2 phần: Bên trái là bộ Phụ 阝 là núi đất, bên phải có chữ Nhật 日 là mặt trời đứng trên đường ngang, ý nói mặt trời đã mọc lên khỏi đường chân trời, bên dưới là chữ Vật 勿 (ý chỉ vạn vật), hình giống các tia sáng rọi xuống.

Do đó, chữ Dương 陽 có nghĩa là phía có ánh sáng mặt trời chiếu vào, nên sáng sủa.

■ **Chữ ÂM 陰** bên trái có bộ Phụ 阝 là núi đất, bên phải, phía trên là chữ Kim 今 có hình như cái nóc nhà, bên dưới chữ Vân 云, ý nói bị che khuất nên tối tăm.

Do đó Âm 陰 là chỉ phía mặt trời bị che khuất.

Phía có mặt trời chiếu vào thì sáng sủa ấm áp, cây cối phát triển; còn phía ánh sáng mặt trời bị che khuất thì tối tăm, lạnh lẽo, cây cối không phát triển.

Trong nền Văn Học Việt Nam, ai cũng biết Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc. Qua những bài thơ chữ Hán, ông là bậc thầy về chữ Hán. Ông cũng là bậc thầy về chữ Nôm, qua các bài Văn tế thập loại chúng sinh mà đỉnh cao là Truyện Kiều bất hủ.

Ngoài ra, Ông cũng chơi chữ, cũng chiết tự trong các tác phẩm của mình. Trong Truyện Kiều, Ông đã chơi chữ qua hình thức chiết tự khi chàng Sở Khanh đưa cho nàng Kiều một bức tiên mai:

“...Mở xem một bức tiên mai,

Rành rành “tích việt” có hai chữ đề. »

Chỉ với hai chữ « tích việt » thì dù cho biết qua Hán tự cũng không thể nào giải thích được hai chữ này mang ý nghĩa gì. Tuy nhiên, Thúy Kiều đã giải bài toán này một cách dễ dàng:

Lấy trong ý tứ mà suy,
Ngày hai mươi mốt, tuất thì phải chẳng...
Bởi vì, chữ tích 昔 trong Tích việt 昔越 vốn
trong chữ Hán được cấu tạo từ các chữ Tráp 𠂔, nhất
一, nhật 日 có nghĩa là ngày hai mươi mốt.

Chữ Việt 越 gồm có các chữ Tuất 戌 (ngày Tuất
hoặc giờ Tuất) và Tẩu 走 (chạy), có nghĩa là vào giờ
Tuất, chạy trốn...”

Kính mong được sự đóng góp của chư Quý
Đồng đạo khắp nơi để việc nghiên cứu và học hỏi Giáo
lý PGHH đạt được nhiều thành quả tốt đẹp.

Trân trọng kính chào.

- NGUYỄN VĂN HIỆP -

“Tết rồi tết nữa, tết liền tay,
Năm cuối mỗi năm cũng tết hoài.
Làm cho dân sự vui nha nhóp,
Chơi giỡn ba ngày rước xuân lai.

Lòng ta cảm thấy nỗi u buồn,
Suy xét việc đời lụy muốn tuôn.
Chào xuân chẳng thấy xuân mừng nói,
Mê mệt tâm can trí bắt cuồng.”

Đức Huỳnh Giáo Chủ
(Trích từ bài “Cám cảnh dân nghèo”
– Tr.263 SGTVTB 2014)

Chúc Mừng Năm Mới

Tìm hiểu về ÁC MỘNG và QUANG MINH



Khuyến Thiện

tức Quyển 5 được Đức Thầy sáng tác vào năm Tân Tỵ (1941) lúc Ngài bị người Pháp an trí tại nhà thương Chợ Quán (Sài Gòn), gồm có 776 câu, đoạn đầu và đoạn chót viết bằng lối thơ Lục bát, đoạn giữa viết bằng

lối Thất ngôn, xuất bản lần đầu năm 1942.

Khuyến là khuyên lơn chỉ bảo. Ý dùng lời nói dung hòa êm dịu khuyên nhủ khiến cho mọi người nghe theo. **Thiện** là việc lành, việc phải và tốt đẹp, có lợi ích cho mọi người. Nghĩa chung là ý dung lời giáo pháp khuyên nhắc mọi người trở lại con đường lành, làm việc từ thiện, tránh xa những điều hung ác.

Nội dung, Đức Thầy kể sơ lược Lịch sử của Đức Phật Thích Ca; kế tiếp, Ngài phân tích tám nỗi khổ (bát khổ) và năm điều uế trước (ngũ trước) của mỗi chúng sanh trong cõi Ta bà. Đồng thời, Ngài cũng chỉ rõ tám điều vui cùng mọi sự thanh khiết ở cõi Cực lạc của Đức Phật A Di Đà. Để rồi, Ngài khuyến khích mọi người nên trì hành môn Tịnh Độ, hầu được vãng sanh về đó. Tiếp theo, Ngài dạy chúng ta chừa 10 điều ác (thập ác) và tu 10 điều lành (thập thiện).

Trong đoạn nói về Ác Tà Dâm, ác thứ năm trong thập ác, tức là tội thông dâm với vợ con hoặc chồng của người khác, Đức Thầy cho biết tội ác này lan diễn khắp hạng người, làm đảo lộn nền luân thường Đạo lý, gây biết bao cảnh huống đau thương, làm sự nghiệp tiêu tan hoặc bị tiếng đời chán chê, phỉ nhổ...Cuối cùng, Ngài khuyên chúng ta nên:

***“Niệm Phật mà gây lấy thiện duyên,
Cho đẹp mặt Tổ tiên nòi giống.”***

Và kết quả của sự tu hành, ăn chay, niệm Phật là:

***Thờ Phật Đạo tỉnh cơn ÁC MỘNG,
Thoát mê đồ thường phóng QUANG MINH.”***

Nhận thấy đây là một vấn đề có liên quan đến đời sống tâm linh của người Phật tử. Vì vậy, chúng ta cần tìm hiểu cho rõ ràng và suy ngẫm để có thể áp dụng trên bước đường hành Đạo.

Trước hết, chúng ta thử tìm hiểu về “Phật Đạo”.

Theo sự hiểu biết cạn cợt của chúng tôi thì “Phật Đạo” chính là con đường mà Đức Phật đã đi để tầm ra tứ khổ, để đạt thành chánh quả và đã đi để hoằng dương Chánh pháp của Ngài đến khắp nơi, khắp mọi loài trong vạn vật. Điều này, Đức Thầy có chỉ dạy rõ ràng trong bài “Lời Khuyên Bốn Đạo”: “...các trò tuy lòng mộ Đạo, chớ chưa rành nẻo bước đường đi...Vậy qui y đầu Phật là nương nhờ cửa Phật và làm y theo lời Phật dạy. Phật tử thiện cách nào ta phải từ thiện theo cách nấy. Phật tu cách nào đắc Đạo rồi dạy ta, ta cũng làm theo cách nấy...”

Được biết, Đạo Phật được tôn thờ cách đây hơn 2.550 năm, những ai đã thờ Phật, ít ra cũng được an tâm và tư tại hay là bất động như như. Đức Thầy cũng có nói rõ về Phật trong Ân TAM BẢO:...***“Phật là đấng toàn thiện, toàn mỹ, bác ái vô cùng, quyết cứu***

vớt sanh linh qua khỏi vòng trầm luân khổ hải”.

Sau đây là tìm hiểu về chữ ÁC MỘNG.

Trước hết là chữ ÁC.

ÁC: Xấu, độc, dữ. Trái với Thiện.

Có mười việc Ác mà bực tu học nên tránh: 1. Sát sanh, 2. Du đạo, 3. Dâm loạn, 4. Lưỡng thiệt (đâm thọc), 5. Ác khẩu, 6. Vọng ngữ, 7. Ý ngữ (nói thêu dệt vì dâm), 8. Tật tham, 9. Sân nhuế, 10. Si mê (Tà kiến).

Tuy cái Ác có mười tội, nhưng đều do nơi ba Nghiệp nầy mà ra, đó là: Thân, Ngữ, Ý, nhứt là Ý. Vậy người tu học phải coi chừng cái Tâm Ý, lo cải sửa cho nó trở nên lành.

Trong Vô Lượng Thọ Kinh có nói rằng: Kẻ Ác mà làm Ác thì chính nó đi từ cái khổ nầy vào cái khổ khác (Nó càng sống triền miên trong vòng khổ luy).

Trong Tứ Thập Nhị Chương Kinh có nói rằng: Kẻ Ác nghe chuyện thiện thì tức tối mà chọc phá. Vậy mình phải nên nín đi, đừng có giận trách. Kẻ ấy đem lại điều Ác, thì tự nó làm Ác cho nó mà thôi.

Lại trong Địa Tạng Kinh, phẩm thứ Năm: Chớ khinh khi việc Ác nhỏ mà cho là vô tội. Chừng chết rồi sẽ có quả báo, dầu nhỏ nhẹ như mả lông, sợi tóc cũng phải chịu lấy. Cha con là nghĩa chí thân, mỗi người đi mỗi ngã. Dầu có gặp nhau, cũng không ai chịu thế cho ai được. (Trích trong Phật Học Từ Điển)

Trong Sám Giảng Thi Văn, khi LUẬN VỀ TAM NGHIỆP, Đức Thầy có dạy như sau: “Mỗi người đều có ba nghiệp chương sau đây:

Thân nghiệp: (tội lỗi do xác thân gây nên);

Khẩu nghiệp: (tội lỗi do miệng lưỡi gây nên);

Ý nghiệp: (tội lỗi do ý tưởng gây nên).

Ba nghiệp chương ấy khiến con người phạm mười điều Ác kể ra dưới đây:

Thân nghiệp sanh 3 điều Ác:

- 1) Sát sanh
- 2) Đạo tặc
- 3) Tà dâm

Khẩu nghiệp sanh 4 điều Ác:

- 1) Lưỡng thiệt
- 2) Ý ngôn
- 3) Ác khẩu
- 4) Vọng ngữ

Ý nghiệp sanh 3 điều Ác:

- 1) Tham lam
- 2) Sân nộ
- 3) Mê si

Ngoài ra, Đức Thầy còn chỉ rõ Thiện Ác, Chánh

Tà:

***“Tích thiện thì thường có phúc dư,
Bằng tích Ác họa ương đeo đẫm.”***

.....

***“Ác trừ xong hiện ra thiện nghiệp,
Lóng nguồn chơn Phật tiếp dẫn cho.
Trồng cây lành vị quả thơm tho,
Tuy không thấy mà sau chẳng mất.”***

(Quyển 5 - Khuyến Thiện)

Tiếp theo là tìm hiểu về chữ MỘNG.

MỘNG: Giác chiêm bao; những điều mà người ta cảm giác, hoặc những cảnh mà người ta thấy trong khi ngủ. Tiếng tử dụ để gọi sự không thật.

Đối với những người đang ngủ mê, cảnh mộng, họ cho là thật, họ sợ. Nhưng chừng tỉnh ra, họ cho là giả. Đối với những kẻ mê, họ cho cảnh trần là thật, họ lăn lộn ở trong vui, buồn, sướng, khổ, họ trải qua hết. Nhưng nếu họ tỉnh ngộ, họ bèn cho là giả dối, không thật. Kết luận: Cuộc đời chỉ là một cảnh MỘNG

mà thôi !.

Các nhà chơn tu đạo Phật nhận rằng cuộc đời là Mộng, các Pháp đều là Mộng, nên dứt tham lam, dứt hờn giận, dứt si mê.

Sau đây là ý nghĩa câu: MỘNG ẢO BÀO ẢNH (tức là Giác chiêm bao, trò biến hóa, bọt nước, bóng), trong Kim Cang Kinh:

*Nhứt thiết hữu vi pháp,
Như mộng, ảo, bào, ảnh.*

(Bao nhiêu những pháp nhận nhìn;
Thấy đều mộng, ảo, bọt, hình có chi.)

Giác chiêm bao không có cái thật thể; *trò biến hóa* theo như duyên mà có, không có cái tự tánh; *bọt nước* vừa động đã tan, chỉ trong chốc lát thôi; *bóng* thì nương theo hình, vốn chẳng thật. Mộng, ảo, bào, ảnh đều là những sự giả dối, chẳng thiệt, chỉ thoáng qua thôi. Tức là cuộc đời, các pháp thế gian mà nhà tu học không nên trứu mến.

Vô Lượng Thọ Kinh có chép:

*Giác liễu nhứt thiết pháp,
Du như mộng, ảo, hưởng.*

(Pháp nào cũng hiểu hết liền.

Dường như mộng, ảo dật truyền đến ngay.)

Tóm tắt, ÁC MỘNG là điềm chiêm bao hung dữ, xấu xa. Ý nói kiếp sống con người trong cõi đời đã ngắn ngủi, lại còn đầy dẫy sự ác khổ, đê hèn.

Cho nên, cổ nhân từng bảo:

*“Một mai vô thường đến,
Mới biết người trong mơ.
Muôn việc không đem được,
Duy có nghiệp đùm đeo.”*

Vừa qua chúng ta tạm hiểu về ÁC MỘNG. Tiếp theo, chúng ta cũng nên tìm hiểu thêm về QUANG

MINH.

QUANG MINH: Ánh sáng, chất sáng, nghĩa là cái thể sáng soi tỏ. Hào quang, lẫn ánh sáng, những tia từ nơi một thể sáng xẹt ra. Tự nó sáng, gọi là quang; tự nó soi vật khác, gọi là minh.

Có hai thứ Quang Minh:

1.- Trí quang minh hay trí quang: ánh sáng của trí huệ.

2.- Thân quang minh hay thân quang: ánh sáng của thân thể.

Quang minh có hai công dụng: 1)- Soi chỗ tối. 2)- Hiện ra pháp.

Ánh sáng từ nơi giữa trán tỏa ra của chư Phật, Bồ tát trong con nhập định, ấy là trí quang minh.

Ánh sáng của Thánh chúng (Phật, Bồ tát, Duyên giác, La hán...), từ trong thân xuất hiện, lúc nào cũng có do sáu căn trong sạch mà chiếu ra, ấy là thân quang minh. Trí quang minh cũng còn gọi là phóng quang.

Ánh quang minh này chiếu vô lượng vô biên các thể giới mười phương, chiếu suốt ngang các chất: đất, nước, lửa, gió; chiếu ngang các chất hắc ám mịt mù như núi Thiết vi. Ánh quang minh này độ tất cả muôn loài.

Thân quang minh cũng gọi là thường quang. Dầu đi, đứng, nằm, ngồi, xuất định, nhập định, lúc nào ánh quang minh này cũng bao bọc chung quanh nhà tu đắc Đạo. Ai lại gần nhà thành Đạo, nhà trong sạch, nhờ ánh quang minh ấy mà lấy làm khoan khoái, nhẹ nhàng, hoan lạc.

Lại có ba thứ quang minh: 1. Ngoại quang minh, 2. Pháp quang minh, 3. Thân quang minh.

- Ngoại quang minh là ánh sáng ở ngoài, tức là ánh sáng của: mặt trời, mặt trăng, các thứ hỏa, các thứ

châu. Có thể trừ sự tối.

- Pháp quang minh là ánh sáng của Đạo lý, của diệu pháp, trừ được ngu si, mờ ám, nghi hoặc.

- Thân quang minh là ánh sáng trong mình của Phật, Bồ tát, chư Thánh, chư Thiên chiếu ra, trừ sự tối, chúng tỏ trí huệ, phước đức thanh tịnh.

Nói chung, QUANG MINH có thể được hiểu là cái tướng của trí tuệ, vì nó năng soi chỗ tối và hiện ra các pháp.

Vừa qua chúng ta đã học được lời dạy của Đức Thầy về ÁC MỘNG và phóng QUANG MINH nằm trong đoạn nói về Ác Tà Dâm và Ngài khuyên dạy chúng ta nên:

***“Thờ Phật Đạo tinh cơn Ác mộng,
Thoát mê đồ thường phóng quang minh.”***

Đại ý, nhằm ngăn ngừa tội ác Tà Dâm, Đức Thầy khuyên chúng ta nên nhận rõ kiếp sống của con người chẳng khác nào như giấc chiêm bao đầy ác hung và đau khổ (Ác Mộng) để sớm lo thức tỉnh tu thân, phụng hành theo Phật pháp và vun trồng giống thiện. Nhất là phải chuyên tâm niệm Phật cho đến khi “Nhứt tâm bất loạn” để tiêu trừ lòng tham muốn của dục tình (Tà Dâm), tinh cơn Ác mộng.

Đến khi diệt trừ được tà dâm, người tu sẽ đạt được kết quả là không còn luân chuyển trong sáu nẻo luân hồi (thoát mê đồ) và nhất là Trí quang minh tự tánh sẽ phát khai (phóng Quang minh) đắc thành Đạo quả./.

**Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!
Nam Mô A Di Đà Phật!**

TRƯƠNG VĂN THẠO



*Tìm hiểu
ý nghĩa
Mâm Ngũ
Quả
trong
ngày Tết
Việt Nam*

HUỲNH CHI sưu tầm

Mâm ngũ quả là một mâm trái cây gồm năm loại khác nhau như: Dừa, Đu đủ, Xoài, Sung, Mãng cầu, thường có trong ngày Tết Nguyên Đán của người Việt, thông thường là chưng trên bàn thờ Tổ tiên hoặc trên bàn tiếp khách. Các loại trái cây được bày lên thể hiện nguyện ước của gia chủ qua tên gọi, màu sắc và cách sắp xếp của chúng.

Mâm ngũ quả hiện nay đã thay đổi rất nhiều, mang ý nghĩa trang trí cho không gian Xuân nhiều hơn là ý nghĩa tâm linh như ngày trước..

Gọi ngũ quả, tức là năm loại quả. Cách trang trí mâm ngũ quả ở hai miền Nam Bắc Việt Nam cũng khác nhau. Trong Nam, mâm ngũ quả gồm năm loại: Dừa, Đu đủ, Xoài, Sung, Mãng cầu. Ngoài Bắc, mâm ngũ quả thường có: Chuối, Bưởi, Cam, Quýt, Phật thủ hoặc Hồng Xiêm.

Ngày nay, do du nhập một số loại quả của nước ngoài như: Lê, Táo, Nho...nên mâm ngũ quả không

còn là năm loại quả như trước đây nữa. Người ta bày thêm vào đó có khi lên tới bảy, tám loại quả, cốt cho mâm ngũ quả to, đẹp, trang trọng hơn, nhưng vẫn mang ý nghĩa nguyện cầu, mong ước.

Đây còn là việc làm thể hiện tấm lòng thành kính của con cháu đối với Cửu huyền Thất tổ và những người đã khuất. Mâm ngũ quả cùng với bánh chưng hoặc bánh tét là lễ vật để cúng Ông bà, Tổ tiên trong mấy ngày Tết. Đồng thời, cầu nguyện Ông bà, Tổ tiên phù hộ cho con cháu bước sang năm mới mọi sự tốt lành, an khang, thịnh vượng.

Từng loại trái cây mang ý nghĩa riêng: Mãng cầu là cầu chúc, Đu đủ là đầy đủ, Dừa là vừa hoặc thừa thãi, Xoài là xài (tiêu pha trong đời sống). Sung là sung sướng (tinh thần vui vẻ, hạnh phúc)...

Trên bàn thờ ngày Tết có mâm ngũ quả còn tặng thêm vẻ đẹp, trang trọng vào dịp đầu năm mới.

Nguồn gốc mâm Ngũ Quả

Trong kinh Vu-lan-bồn (*Ullambana Sutra*) do Phật thuyết cho Mục-Kiền-Liên về cách cứu mẹ ông khỏi kiếp ngạ quỷ có nhắc đến việc chuẩn bị mâm ngũ quả dưới hình thức "trái cây năm màu" để cúng dường chư Tăng, mà theo quan niệm nhà Phật trái cây 5 màu tượng trưng cho ngũ căn: Tín, Tấn, Niệm, Định và Huệ. Sau đây là bài *Diễn ca kinh Vu-lan-bồn*:

"Rằm tháng bảy là ngày Tự Tứ,
Mười phương Tăng đều dự lễ này.
Phải toan sắm sửa chớ chầy,
Thức ăn trăm món **trái cây năm màu**.
Lại phải sắm giường nằm nệm lót,
Cùng thau bồn đèn đuốc nhang dầu.
Món ăn tinh sạch bấu mầu,
Đựng trong bình bát vọng cầu kính dâng."

Ý nghĩa của Mâm Ngũ Quả

Ngũ là số 5, là biểu tượng chung của sự sống. Ngũ quả chỉ sự tập trung đầy đủ các loại trái cây trong đất trời dùng để thờ cúng. Trong sách Chiêm thư, người ta thường nhìn Ngũ Quả để dự đoán sự được hay mất của các mùa vụ lương thực trong năm. Lâu dần, sự xác tín biến thành tập tục, "ngũ quả" có thể tượng trưng cho sự cầu thị được mùa của người nông dân.

Chọn 5 thứ quả theo quan niệm người xưa là ngũ hành ứng với mệnh của con người. Chọn số lẻ tượng trưng cho sự phát triển, sinh sôi nảy nở.

Ngũ, con số 5 là con số chỉ trung tâm. Người ta tìm thấy nó ở ngã giữa Lạc thư. Tự dạng chữ "ngũ" (五) nguyên thể có hình chữ thập của bốn nguyên tố, cộng với điểm trung tâm. Sau này, hai vạch song song được chêm vào đáy, tức trời và đất mà giữa chúng, âm và dương tạo nên năm nguyên tố tương tác sinh khắc của vạn vật, gọi là ngũ hành. Theo quan niệm cổ đại phổ biến trong khu vực chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, thường cho rằng các quy luật phổ biến đều gộp vào con số 5. Trong Đại từ điển, "ngũ" có đến mười hai (12) nghĩa và một ngàn một trăm bốn mươi tám (1.148) từ kép ghép với nó. Phổ biến, chúng ta có ngũ phương (5 hướng là Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung ương), ngũ hành, ngũ sắc, ngũ vị, ngũ âm, ngũ đoàn, ngũ tạng, ngũ giác, ngũ kim, ngũ quan, ngũ luân, ngũ thường, ngũ giới, ngũ uẩn, ngũ nguyện, ngũ cốc,... Như vậy, số 5 là biểu hiện chung của sự sống và ở đây "ngũ quả" tự nó biểu trưng một tập thành được coi là đầy đủ của loại lễ vật dâng cúng là quả...

Quả là trái cây - biểu tượng cho sự sung túc, dồi dào qua cấu tạo của nó. Vì quả thường chứa nhiều

hạt được đồng nhất với quả trứng vũ trụ, biểu tượng cho mọi nguồn gốc, mọi sự khởi nguyên; biểu trưng quả (với hạt bên trong của nó) biểu thị cho sự phồn thực, sinh sôi và khao khát sự bất tử - hiểu theo nghĩa là sự nối truyền dòng giống miên viễn, sự sinh sôi trường tồn tái sinh bất tận của sự sống. Theo chiều hướng này, quả bao gồm cả ý nghĩa biểu trưng vượt lên trên nhịp điệu sinh tồn của vạn vật: sự xen kẽ luân hồi của sự sống và cái chết; giữa cuộc sống dưới đất (của hạt giống) và cuộc sống dương thế...

Quả biểu tượng cho sự sung túc qua cấu tạo của nó: bên trong chứa hạt tượng trưng cho Sao, quả bao lấy là Vũ trụ, ý nghĩa là sự sinh sôi trường tồn tái sinh bất tận của sự sống.

Ngoài ra, mỗi loại quả có ý nghĩa riêng qua màu sắc, hình dáng, cấu tạo, hương vị, và cách đọc tên của nó:

Màu sắc

Màu sắc của mâm ngũ quả thường hay tuân theo ngũ hành. Các loại quả dùng thường mang các sắc màu theo quan niệm là có tính may mắn: Đỏ (may mắn phú quý), Vàng (sung túc), ...

Hình dáng, cấu tạo, hương vị:

Thường là cách hình dáng và cấu tạo có tính chất gọi tả điều tốt lành. Ví dụ: Lựu: có nhiều hạt, tượng trưng cho con cháu đầy đàn, Bưởi và dưa hấu: căng tròn, mát lạnh trong ruột, hứa hẹn sự ngọt ngào, may mắn trong cuộc sống. Hương vị trái cây thường phải ngọt, thơm và không đắng, cay.

Cách đọc tên

Cách đọc tên theo kiểu gần âm. Ví dụ: "dừa" hay "dưa" gần âm với "vừa"; đu đủ là "đủ", xoài gần âm với "xài" (tiếng Nam, có nghĩa là "dùng"), măng

cầu là "cầu", sung là "sung túc". Một mâm ngũ quả miền Nam có: măng cầu, dứa, đu đủ, xoài, sung đọc thành "cầu vừa đủ xài sung" hay "cầu sung vừa đủ xài" và họ thường kiêng kỵ chung trái có tên mang ý nghĩa xấu (kể cả khi đọc trại) như Chuối - chúí nhủi, Cam - cam chịu, Lê - lê lét, sầu riêng, bom (táo)... và không chọn trái có vị đắng, cay.

Ý nghĩa của một vài loại quả thường được bày trên mâm ngũ quả:

- Lê (hay mật phụ), ngọt thanh ngụ ý việc gì cũng trơn tru, suôn sẻ.

- Lưu nhiều hạt, tượng trưng cho con đàn cháu đống.

- Đào thể hiện sự thăng tiến.

- Phật thủ giống như bàn tay của Phật, chở che cho con người.

- Táo (loại trái to màu đỏ tươi) có nghĩa là phú quý.

- Hồng, quít rực lên màu sắc mạnh mẽ, tượng trưng cho sự thành đạt.

- Thanh long – ý rồng mây gặp hội.

- Bưởi, dưa hấu: căng tròn, mát lạnh, hứa hẹn sự ngọt ngào, may mắn.

- Nải chuối như bàn tay lật ngửa, hứng lấy nắng sương đọng thành quả ngọt và che chở, bảo bọc.

- Quả trứng gà có hình trái đào tiên – lộc trời.

- Dừa có âm tương tự như là “vừa,” có nghĩa là không thiếu.

- Sung gắn với biểu tượng sung mãn về sức khỏe hay tiền bạc.

- Đu đủ mang đến sự đầy đủ thịnh vượng.

- Xoài có âm na ná như là “xài”, để cầu mong cho tiêu xài không thiếu thốn.

Ý nghĩa của ngũ quả trong ngũ hành

Cũng như các thành phần khác trong không gian cư trú, cây cối chịu tác động của môi trường và thích ứng với môi trường thông qua biểu hiện hình thể như cao thấp, to nhỏ, cứng mềm... Nếu khéo chọn sao cho hài hòa âm dương, ngũ hành thì không những đem lại thẩm mỹ cao mà còn thúc đẩy sinh khí, hưng vượng cho nơi cư ngụ trong dịp Xuân về.

Xuất phát từ quan niệm về chuộng số lẻ của văn hóa phương Đông, về bộ ngũ hoàn hảo (ngũ hành, ngũ vị, ngũ sắc...), về sự đầy đủ (như bàn tay 5 ngón)... mà mâm trái cây dâng cúng Tổ tiên và chung ngày Tết của người Việt được gọi là mâm ngũ quả, dù hiện nay không chỉ có 5 loại trái cây mà đến cả trên chục loại! Và tùy theo vùng miền mà số lượng và loại trái chung cũng khác nhau.

Ví dụ như theo âm tiết Nam bộ thì mâm ngũ quả nên có *cầu vừa đủ xài sung túc* (bao gồm măng cầu, dưa, đu đủ, xoài và sung hoặc chùm nho), nhưng lại không chung nải chuối (sợ bị “chúi” cả năm) hay trái cam (sợ “quít làm cam chịu”) như là ở miền Bắc (vốn chung khá nhiều loại quả, miễn sao tươi tắn đẹp mắt là được).

Xét về mặt âm dương ngũ hành thì một mâm ngũ quả hài hòa nên có các yếu tố bổ sung, hỗ trợ cho nhau, như bản chất cuộc sống trong tự nhiên và xã hội đòi hỏi như vậy. Cần cân đối giữa những trái cây có màu xanh hay màu nhạt, dịu mát tượng trưng cho Âm, với các trái màu nóng như đỏ cam, vàng rực... tượng trưng cho Dương.

Người Việt cũng thiên nhiều về hai hành Thổ (sinh kim, tiền tài) và Mộc (phát triển, nảy lộc, bám rễ lâu bền) nên mâm ngũ quả chủ yếu là các trái có vị

ngọt (thuộc Thổ) như lê, dưa hấu, đu đủ, xoài... và những trái có vị chua (thuộc Mộc) như bưởi, cam.

Cách trình bày trong mâm ngũ quả

Do điều kiện ở các khu vực sinh sống của người Việt có khác biệt nên có nhiều cách bày mâm ngũ quả khác nhau. Mâm ngũ quả của người miền Bắc thường gồm: chuối, bưởi, đào, hồng, quýt hay chuối, ổi, bưởi, quýt, lê. Có thể thay thế bằng cam, táo, lê, lê-ki-ma,... Chuối xanh cong lên ôm lấy bưởi mang ý nghĩa đùm bọc. Nói chung, người miền Bắc không có phong tục khất khe về mâm ngũ quả và hầu như tất cả các loại quả đều có thể bày được, miễn là nhiều màu sắc.

Mâm ngũ quả người miền Nam gồm măng cầu Xiêm, dưa (hay dưa), đu đủ, xoài, sung, với ngụ ý "*cầu sung (túc) vừa đủ xài*". Đôi khi thêm trái dưa (người miền Nam gọi là "thơm") và thường là phải có một cặp dưa hấu để riêng bên cạnh. Khác với người Bắc là gia đình người miền Nam thường kiêng kỵ chung trái có tên mang ý nghĩa xấu nên mâm trái cây của họ không có Chuối (vì âm chuối đọc như "chúi nhủi", ngụ ý thất bại), Cam ("quýt làm cam chịu"), Lê ("lê lét"), Táo (người Nam gọi là "bom"), Lựu ("lựu đạn") và không có cả Sầu riêng, dù người Nam bình thường rất thích ăn Sầu riêng, và không chọn trái có vị đắng, cay.

Đôi khi mâm ngũ quả cũng được sử dụng trong Mâm Quả Ngày Cưới của người Việt. Vào ngày tổ chức lễ cưới nhà trai sẽ mang những Lễ Vật sang nhà gái để xin rước cô dâu về. Mâm ngũ quả của ngày cưới sẽ còn được chuẩn bị kỹ càng hơn nữa vì còn mang nhiều ý nghĩa thiêng liêng để ngầm mang lại điều lành cho đôi trẻ.

Tựu trung, các loại trái cây sau thường dùng để bày mâm ngũ quả:

Miền Bắc

Lê

Lựu

Đào

Mai

Phật thủ

Táo: táo tây, táo tàu

Hồng

Bưởi

Nải chuối

Na / Mãng cầu

Trứng gà (Lê ki ma)

Cam, Quýt

Miền Nam

Dưa hấu

Sung

Đu đủ

Xoài

Mãng cầu Xiêm

Thơm / Khóm (Dứa)

Dừa

Nho

Sa pô chê (Hong xiêm)

Thanh long

Ngũ Quả là những vị thuốc quý

Ngoài những ý nghĩa trên, ngũ quả còn có giá trị là những vị thuốc quý:

Trái Dừa:

Dùng trong phạm vi dân gian như: dùng nước trái dừa non uống cho đỡ khát, vì nước dừa có tính mát, tác dụng thanh nhiệt, lợi tiểu; gạo dừa đốt thành than uống trị ngộ độc thực phẩm. Dừa còn dùng trong công nghiệp chế biến xà phòng, là chất gây bọt và tẩy mạnh.

Trái Đu Đủ:

80% là nước, còn lại là chất đường và một số chất béo. Đu đủ chín được coi là món ăn bổ dưỡng sức khỏe, chữa bệnh táo bón, giúp tiêu hóa thức ăn (đặc biệt là tiêu chất thịt và trứng).

Trái Xoài:

Là một loại trái cây ăn rất ngon, có hương vị đặc trưng riêng, thành phần chủ yếu là chất bột, đường, vitamin C. Trong Đông y dùng trị các trường hợp chảy máu cam: ho ra máu, chảy máu dạ con, đường ruột;

dùng vỏ hoặc quả xoài nấu thành cao lỏng cho uống, vỏ thân già nhỏ xào với rượu đắp vào chỗ xương đau trị thấp khớp đau nhức; vỏ xoài nhai ngâm chữa đau răng; nhựa xoài kết hợp với bồ kết chữa ghẻ.

Trái Sung:

Trái chín ăn ngọt, có mùi thơm riêng, trẻ em rất thích. Trong dân gian dùng nhựa bôi lên mụn nhọt, làm mụn nhọt chóng tiêu tan. Trong bài thuốc cao dán mụn, thành phần nhựa Sung là chính. Dùng nhựa Sung đắp lên vết thương, vết thương mau tan máu bầm, máu tụ. Chị em phụ nữ bị sung tuyến vú hoặc tắt tia sữa, bôi nhựa Sung có kết quả tốt.

Nhựa sung phết giấy bản đắp hai huyết Thái dương và Ấn đường làm giảm đau đầu. Nhựa Sung + Mật Ong hòa nước uống trước khi ngủ làm nhẹ cơn hen suyễn.

Trái Na (mãng cầu): Chứa các chất đường và dinh dưỡng. Trái Na chín ăn rất ngọt, ngon, bổ, tính lạnh. Trong dân gian đã có câu: “Thứ nhất trái Na, thứ nhì trái Nhân, thứ ba trái Hồng”.

Lá Na là vị thuốc chữa sốt rét. Trái Na ké (chết khô trên cây) dùng chữa nứt kẽ vú rất hiệu nghiệm: thái nhỏ, sao vàng, tán bột trộn dầu mù u đắp lên vú mau lành. Hạt Na có độc, trong dân gian dùng diệt chấy, rận bằng cách giã dập nấu nước gội đầu, chấy rận sẽ chết.

Tóm lại, trong ba ngày Tết, nhà nào cũng nô nức chuẩn bị dọn dẹp, sắp xếp, hy vọng một năm mới An khang thịnh vượng, Vạn sự như ý. Để bày cúng tổ tiên, mọi nhà đều chung mâm ngũ quả, với mong muốn năm mới cuộc sống sung túc, đủ đầy, thịnh vượng hơn năm trước. Mỗi vùng, mỗi miền khác nhau, mâm ngũ quả cũng theo đó mà thay đổi. Tuy nhiên tất

cả đều thể hiện ước mong ước “An khang Thịnh vượng” là đặc trưng của người Việt.

Việc bày biện mâm ngũ quả trên bàn thờ của gia đình trong ngày Tết cũng là một nét văn hóa đặc sắc của người dân Việt Nam. Chính vì vậy dù sinh sống ở phương trời nào, người dân Việt vẫn không quên tục lệ này trong dịp **Tết Nguyên Đán** nhằm gìn giữ bản sắc dân tộc cho bản thân và cho con cháu./.



Mọi bài vở, thư từ, tin tức...Xin vui lòng liên lạc: TẬP SAN TINH TÂN theo địa chỉ:

TINH TAN Magazine

4141 11th Avenue

Sacramento, CA. 95817

USA.

Hoặc email: tapsantinhtan@yahoo.com

Niềm vui trong ngày ĐẠI LỄ ĐẢN SANH của Đức Thầy

Tuần trước, tôi nhận được tin yêu cầu viện trợ 20 chiếc áo choàng màu đà lễ cúng Phật dành cho các cháu độ tuổi từ 6 đến 12 và 30 xôi chuối hạt để tập Niệm Phật qua cách lần chuỗi. Tôi mừng lắm vì gần đến ngày Đại lễ Đản sanh của Đức Thầy mà tôi làm được việc lớn. Lòng tôi chợt nghe âm ba của tiếng niệm Phật dễ thương từ các cháu bé vọng về. Tôi vui mừng đến nỗi mặc kệ các em bé đó ở đâu, con ai, mà thương thì cứ thương, không cần đẹp xấu. Các em mới có chừng ấy tuổi mà biết kính Phật tu hành là đẹp đẽ hơn tôi, hồi còn ở cái tuổi đó tôi nào biết tu hành là gì. Làm sao các em mà xấu được chứ ạ!

Khi biết các em ở đảo Phú Quốc, tôi thầm cảm ơn Trời Đất xứ đảo duyên sinh những em bé còn là gót sen son thì đã mến mộ tu hành. Mặc áo choàng đà ngồi xếp bằng niệm Phật, dễ thương quá đi! Cổ tay đeo chuỗi hạt, ngón tay bấm lần chuỗi hạt, tôi hình dung, đẹp hơn cả bức tranh. Xứ tôi không xa vùng “Thánh Địa Hòa Hảo”, chỉ cách một dòng sông, nơi được tiếp nhận nguồn đạo Phật Giáo Hòa Hảo rất sớm qua những Ông cụ đầu tàu gương mẫu như Ông Lâm thơ Cưu (Chủ Cưu), Ông Lâm Thế Xương, Ông Nguyễn Văn Dứt (bác bảy Dứt), Ông Lê Văn Khuyên (bác hai Khuyên) đã gây giống duyên PGHH sang sông cho định cư trên đất “Cù Lao Ông Chưởng”, Tổng Định Hòa. Điều này phải chăng đã ứng hợp với “Kim Cổ Kỳ Quan” của Ông Ba Nguyễn Văn Thới:

*“Tổng Định Hòa người tới đây đây,
Thuyền chèo mát mái đến rày Kiến An”.*



Đám “măng non” ngoài hải đảo Phú Quốc mặc áo dài đang ngồi niệm Phật dưới chân dung của Đức Huỳnh Giáo Chủ.



Tổng Định Hòa người tới đây đầy theo tôi thì đã ứng hiện lâu rồi, cảnh đất chật người đông. Vì là cái nơi yên ổn, sông đồng ruộng lúa nước ngọt trúng mùa, cá tôm thừa thãi đến như con Quay, con Diều còn biết, chúng nói với nhau: “Cù lao Ông Chưởng thiếu gì cá tôm”. Đất lành chứa dựa người lành, những khi

“*Thuyền chèo mát mái đến rày Kiến An*” họ đến từ “bốn phương có giặc”, từ khi Ông Cha rời bỏ nước nhà qua Cam-Pu-Chia sinh sống thì con, cháu quày về, gốc gác không cần, cứ xuôi theo dòng nước Cửu Long, chia hai nhánh sông Tiền, sông Hậu mà gặp Tổng Định Hòa, Cù Lao Ông Chường liền quăng neo đậu bến, chuyện “dẩy dầy” người ta là cái chắc.

Các cụ chỉ cần sang sông là diện kiến được Đức Thầy, quy y học hỏi đạo pháp, nhờ thế mà Tổng Định Hòa, Cù Lao Ông Chường đạo pháp sớm khai thông. Năm 1944, Ông Trần Duy Nhứt (Thanh Sĩ) đã quy y Đức Thầy và được Đức Thầy nhận làm đệ tử. Khi Đức Thầy vắng mặt bởi sự mưu hại của Bửu Vinh năm 1947, từ đây tín đồ PGHH chứng kiến cái cảnh “***Thầy lạc tổ không ai chỉ bảo, như vịt con trôi dạt nhờ gà***”. Đạo đức lui dần bắt ngại, những người dần thân vì PGHH thấy phải có trách nhiệm bảo vệ sự phát triển tôn giáo, ông Thiện Duyên đưa ý kiến lên Thiếu tướng Nguyễn Giác Ngộ, yêu cầu Ông xin phép với Đức Ông cho Ông Trần Duy Nhứt đi thuyết giảng giáo lý PGHH để đê niềm tin ở lại trong lòng người tín đồ nếu không nó sẽ bay đi. Kết quả như ý ông Thiện Duyên, qua năm 1948 ông Thanh Sĩ đi thuyết giảng khắp nơi, hành trình này các cụ đặt tên là “Châu Thuyết”. Năm 1954, tại ngôi Tây An Cổ Tự có mở ra “Ban Hoằng Pháp”, ông Trần Duy Nhứt được bầu vào chức Giám Đốc điều hành, Giảng viên của trường gồm 3 ông: Thiện Duyên, Thiện Ngôn và Thiện Hạnh. Ban Hoằng Pháp với trách nhiệm đào tạo Giảng viên. Học viên nào tốt nghiệp trong khóa đào tạo này sẽ được Ban Hoằng Pháp bỏ đi truyền bá giáo lý. Ban Hoằng Pháp tổ chức liên tục hai khóa, khóa đầu khai giảng vào ngày rằm tháng giêng năm 1954, thời gian là 4 tháng, lại tiếp tục mở khóa

thứ nhì trong năm. Kết quả có 52 học viên thi đậu trong khóa đào tạo Giảng viên, giảng thuyết giáo lý Phật Giáo Hòa Hảo. Những vị có tiếng tăm làm nổi bật ý nghĩa hoàng pháp như ông Võ Như Sanh, ông Bùi văn Ưởng, ông Đặng Thành Tụ... Giảng viên Võ Như Sanh, Bùi văn Ưởng ngoài việc đi diễn thuyết còn viết ra nhiều tác phẩm có nội dung giáo lý sâu sắc, rất có giá trị trong nghiên cứu về triết học, lịch sử và tâm linh.

Ban Hoàng Pháp ở Tây An Cổ Tụ là một chuyến xe đầu tiên đi trong lịch sử truyền bá giáo lý PGHH. Dù mới mẻ, hành trình gặp nhiều khó khăn nhưng đủ mạnh. Rằm tháng 4 năm Bính Thân 1956, Ban HP cho ra đời Tạp chí “Giác Tiến” trong đó các vị Giảng viên của ban Hoàng Pháp làm Chủ bút qua các bài giảng và những bài đọc thêm rất có giá trị cho nghiên cứu, tư duy. Đồng thời, nổi bật hơn hết là những đề tài “Thuyết Pháp Ứng Khẩu” của ông Trần Duy Nhứt, đã được ban giảng viên của trường đề nghị, phân công viết tốc ký, những bài viết này lần lượt đưa vào Tạp chí Giác Tiến. Vì là chuyến xe đầu tiên, Tạp chí Giác Tiến có trách nhiệm đánh động lương tâm người tín đồ qua sự TU và HỌC giáo lý PGHH, quyết bảo vệ Chánh pháp của Đức Thầy khi Ngài vắng mặt bởi sự kỳ thị, độc đoán của phái vô thần.

Nhưng năm 1954 cũng đúng vào thời điểm Việt Nam qua khúc quanh lịch sử phải đem ra giải quyết chính sự ở Hiệp Định Geneve chia đôi đất nước của tổ tiên bởi sự tranh giành quyền lực của hai đứa con mang hai chủ nghĩa. Ban Hoàng Pháp quyết định qua năm 1955 sẽ cho mở khóa đào tạo giảng viên dài hạn nhưng giữa chừng vì thời thế đổi thay đến việc phải

đây đưa ông Thanh Sĩ vị Giám đốc điều hành Ban Hoàng Pháp phải mở chuyến Đông Du sang Nhật.

Từ đây, những học viên được trúng tuyển ở Khóa Đào tạo Giảng Viên của Ban Hoàng Pháp cũng đủ mạnh để vượt qua sóng gió của cái thời kỳ đen tối ở miền Nam từ sau Hiệp Định Geneve. Hết 9 năm cường bức bởi Đạo dụ số 10 của nhà Ngô, PGHH đã vượt lên để có tư cách pháp nhân thành lập Giáo Hội, bầu ra Ban Trị Sự. Những học viên của Ban Hoàng Pháp Tây An Cổ Tự đã được ngồi vào ban Phổ thông Giáo lý Trung ương như quý ông Đặng Thành Tựu, Bùi Văn Ưởng và các ban Phổ thông Giáo lý cấp tỉnh.

Nhĩ chuyện xưa ngẫm việc nay, làng Tổng Định Hòa, Cù lao Ông Chưởng vẫn còn đây, tín đồ rất là đông đúc, dân cư trong làng, tỷ lệ tín đồ PGHH có tới 90 phần trăm mà chuyện tu học so với năm xưa thì hiện giờ thiệt là kém cỏi. Hơi hám của Ban Hoàng Pháp Tây An Cổ Tự chỉ còn trong hồi ức của một số ít cụ già. Cái cảnh “Tre tàn mà Măng chưa mọc” là nỗi đau nhức nhối của những nhà làm công tác truyền bá, đau nhức thấu xương những tâm hồn có hoài bão chấn hưng học đường PGHH mà lại bất lực về sức khỏe và tài năng. Những cụ già lần lần chết, những học viên năm xưa còn chút đỉnh sức lực, uy tín đáng lẽ phải giựt dậy tiềm năng tu học của Ban Hoàng Pháp, của ban Phổ thông Giáo lý Trung ương PGHH, nhưng các vị ngại khó bởi sự o ép của quyền lực, sợ bị xui xẻo, đành nằm im mà chịu.

Lộ đồ đại thành công của các bậc tiền bối đáng lẽ phải được tiếp tục qua các thế hệ sau này, nâng cao vai trò giáo dục Phật Giáo Học Đường để tìm được măng mọc trước khi tre tàn. Nhưng sự tu học của các tín đồ hiện giờ phần đông đã đưa vào chương trình

Cầu nguyện, chỉ có rủ nhau đi cúng tuần, đám giỗ là sum sê hơn các sinh hoạt làm phát triển PGHH.

Đức Tôn Sư PGHH nói:

***“Đuốc Thiền Lâm phương đông chói ánh,
Đắt hồn người vượt khỏi sông mê.”***

Chính vì “Đuốc Thiền Lâm” có công năng dắt người qua khỏi biển mê sanh tử, tín đồ phải nên trân trọng công việc tu học và truyền bá cái giáo lý ***“Đắt hồn người vượt khỏi sông mê”*** bằng sự liên tiếp tu học và liên tiếp:

***“Khua giọng vàng đánh thức bốn phương.
Chấn Hưng Phật Giáo học đường,***

Dưới trên hòa thuận chọn đường quy nguyên.”

Thiết nghĩ, việc ***“chấn hưng Phật giáo học đường”*** phải được cho đi từ lớp trẻ, tuổi già chính là lúc cựa quậy với pháp môn Tịnh Độ cầu vãng sanh Cực Lạc ngay sau giờ phút lâm chung, kiếm đâu ra cái ngày dài mạnh khỏe để mà năng nỗ bộ máy tư duy, thăm dò độ nhạy cảm của tri thức, kiến thức Phật Học.

Tôi thấy sự bé tắc đáng sợ khi nhận ra Tây An Hoảng Pháp không tiếp diễn qua thế hệ thứ 2. Các chú, bác mang ý nghĩa Hoảng Pháp hòa nhập vào Ban Phổ Thông Giáo lý Trung ương PGHH, có mở nhiều khóa huấn luyện đào tạo kỹ năng cho các giảng viên truyền bá giáo lý, nhưng không đạt kết quả như Ban Hoảng Pháp ngày trước. Đến sau ngày 30/4/1975 Phật Giáo Hòa Hảo bị sụp đổ hoàn toàn bởi sự vận hành của một cơ chế chánh trị mới. Qua 24 năm Phật Giáo Hòa Hảo bị cường quyền dìm xuống, đến năm 1999 mới cho ngoi lên bằng cách đưa PGHH vào khung hình phạt về quyền tự do tôn giáo, không được làm gì, làm gì...

Mô hình truyền bá giáo lý từ nguyên thủy của Ban Hoảng Pháp, Ban Phổ Thông Giáo Lý Trung

Ương hiện giờ dường như đã mất phương hướng, chỉ còn sinh hoạt Từ Thiện và Cầu Nguyện lên vai về chủ tình hình.

Hôm nay, nghe tin ở xứ đảo xa có một đội ngũ các em bé tập tành theo đường Phật. Mong rằng có Ông Bà, Cô Chú giúp các cháu kèm vững đôi chân, giữ vững ý chí tu thân hành thiện. Tôi dám tin những măng non này sẽ được bảo vệ tốt, không bị ai bẻ ăn, chúng sẽ thành cây tre già, người già có nhiều kinh nghiệm và sức đóng góp hữu ích cho sự phát triển PGHH. Thật là diễm phúc và tôi thêm ước cái diễm phúc đó không chỉ là điều may mắn cho một nơi thôi, mà còn ở xứ Cù lao Ông Chưởng nữa chứ! để tôi có dịp ngắm xem các cháu mà mừng cho tương lai PGHH sau này.



Rất mong quý
đồng đạo lớn tuổi, có
năng khiếu tổ chức
nên đưa các em vào
đội ngũ măng non
Phật Giáo Hòa Hảo.
Đây là việc nên làm!

14/01/2015
Lê Minh Triết

NHỮNG GIAI THOẠI ĐẠO ĐỨC

1.- Căn bản ĐẠO ĐỨC



Ông Phan Bá Cầm tức Vương Kim

Vào năm Nhâm Ngọ (1942), khi Đức Huỳnh Giáo Chủ bị an trí tại Bạc Liêu, kẻ có duyên lành này (tức Ô. Phan Bá Cầm), được hân hạnh yết kiến Ngài.

Vốn nặng lòng với thế sự, thấy nước nhà lúc bấy giờ đang quần quai dưới ách đô hộ của ngoại bang, tôi có hỏi Ngài rằng:

- Ngài nghĩ thế nào đối với vận mạng

nước nhà? Ngài có thể an nhiên lo việc tu hành trước cảnh quốc phá gia vong chǎng? Thuyết bất đề kháng (bất bạo động) của Thánh Gǎng-đi đối với nền thống trị của Anh ở Ấn Độ há chǎng tỏ ra bất lực đǎy ư?

Không đǎp ngay câu hỏi, Đức Huỳnh Giáo Chủ, trước hết cho biết rằng Ngài không đồng quan niệm cho rằng Đòi với Đạo không liên quan nhau hay người tu hành thì không còn trách nhiệm gì đối với nhơn quần xã hội. Vả chǎng con người sanh ra ở đời, theo Ngài, ai cũng mang lấy Tứ trọng ân, mà trong bốn cái ơn lớn ấy có ân đối với đất nước và chúng sanh, thì thiết tưởng không có người tu hành nào phủ nhận rằng đời sống của mình không nhờ đến đồng bào và nhơn loại. Đoạn Ngài nói tiếp:

- Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, tôi chưa có thể làm gì khác hơn là đào luyện cho tín đồ của tôi thấm nhuần đạo lý trước đã. Và đây là chương trình mà hiện tôi đang thi hành.

Trước hết, tôi thân nhận tín đồ cho thật đông, qui tụ họ vào một phạm vi bao bọc bởi lớp hàng rào cao đến không còn thấy gì cả, rồi đem đạo lý của Đức Phật giáo hóa họ. Ngày nào nhận thấy họ hiểu biết và làm theo lời Phật dạy, tôi sẽ cắt bớt cái hàng rào ấy xuống cho họ thấy một phần nào cảnh vật bên ngoài. Rồi tùy trình độ giác ngộ của họ mà tôi cắt bớt cái hàng rào ấy xuống mãi, cho đến khi nhỏ hết lên mà người tín đồ của tôi vẫn không bước ra khỏi phạm vi cấm rào thì chừng đó tôi cùng tín đồ tôi mới tham gia vào việc cứu dân giúp nước.

Với tỷ dụ cái hàng rào trên đây, Đức Huỳnh Giáo Chủ cho ta thấy rõ quan niệm của Ngài về việc giáo hóa chúng sanh. Theo Ngài, phàm muốn làm việc gì, cần phải đứng trên căn bản đạo đức. Cái hàng rào ấy, tức là giới luật ngăn giữ con người ở trong phạm vi đạo đức. Nếu ai cũng đứng trong vòng đạo đức mà hoạt động thì không bao giờ làm lỗi. Bằng vượt ra ngoài hàng rào, “lọt ngoài khơi”, ngoài vòng của đạo đức thì hẳn “hết hò khoan” như Đức Huỳnh Giáo Chủ đã nói.

2.- THỬ THÁCH

Cũng trong lần yết kiến ấy, kẻ có duyên lành này (tức Ô. Phan Bá Cầm), có hỏi Ngài rằng:

- Ngài nghĩ thế nào về thế giới đại đồng mà Nga đã cao rao?

Ngài có đáp:

- Chủ nghĩa đại đồng thì thế nào cũng thực hiện, nhưng thế giới đại đồng của Nga thì không khi nào thực hiện.

- Tại sao vậy?

- Vì Nga chủ trương vô thần.

- Vậy theo Ngài thế giới đại đồng nào sẽ thực hiện?

- Thế giới đại đồng hữu thần.

- Ngài nghĩ thế nào về chủ trương của Nga?

- Không bao giờ thành công.

- Nhưng sao Nga thực hiện được cuộc cách mạng vô sản và mỗi ngày mỗi bành trướng thế lực?

- Tôi có thể cho ông biết trước rằng: thế lực của phái vô thần rồi đây càng ngày càng mạnh thêm, cho đến giờ phút cuối cùng của cơ thiên định.

- Như vậy làm sao phái hữu thần chịu đựng nổi?

- Có như vậy mới biết rõ ai hữu thần, ai vô thần.

Ví bằng bên chánh mà mạnh thì còn ai đại gì chạy theo tà. Dầu ở thời kỳ nào cũng vậy, phái tà vẫn mạnh hơn phái chánh. Có vậy mới thử thách, coi ai là người thật tâm theo chánh. Đó là cơ lọc lừa của Phật Thánh Tiên.

Thật vậy, có truân chuyên, có khổ sở, có khảo đảo mà người tu hành không bỏ đạo thì mới rõ được lòng trung trinh của họ. Ví bằng tu hành mà dễ dàng, sung sướng, thì chắc hẳn ai cũng muốn tu. Và như vậy, thì không còn phân biệt được người hiền với kẻ ác.

3.- CÓ THỂ ĐÌNH SỰ TRẢ QUẢ

Khi mới ra đời mở đạo, Đức Huỳnh Giáo Chủ dùng huyền diệu cứu độ bệnh nơn. Nhiều người mang bệnh đã lâu, chạy đủ thuốc mà không hết; Đức Huỳnh Giáo Chủ chỉ cho uống nước lá hay lá xoài, lá mít, bông trang...mà hết bệnh một cách thần diệu.

Một hôm có người đến hỏi Ngài rằng: Ngài có nhận những người mang bệnh là do nghiệp quả chăng?

Đức Huỳnh Giáo Chủ đáp: Phải, người đau hầu hết là vì căn quả.

Người ấy hỏi tiếp: Ngài nhận đau là do căn quả mà nay Ngài dùng huyền diệu độ họ hết bệnh, chẳng hóa ra Ngài cướp quyền Tạo hóa mà sửa luật nhân quả đó sao?

Đức Huỳnh Giáo Chủ đáp: Không! Tôi đâu có quyền sửa luật nhân quả.

- Vậy sao Ngài lại cứu người hết bệnh?

Ngài ôn tồn đại khái nói rằng: Sở dĩ tôi cứu người khỏi bệnh là vì:

- Hoặc giả, nghiệp quả của người bệnh sắp mãn thì họ lại gặp tôi. Vì nghiệp của họ đã mãn nên chi khi họ vừa uống nước lã của tôi thì họ hết bệnh.

- Hoặc giả, nghiệp của họ chưa mãn, nhưng tôi cầu xin Đức Ngọc Đế đình chỉ sự trả quả của họ lại, để tôi cứu độ họ khỏi bệnh, cho họ cảm lấy ân đức đó mà qui đầu hướng thiện, ăn năn cải sửa tu hành. Nếu họ thật tâm làm lành lánh dữ, thì công đức của họ gây tạo sẽ đền bù dần dần nghiệp quả của họ. Ví bằng họ không ăn năn cải hối mà cứ tiếp tục gây thêm nghiệp ác thì chừng đó chẳng những họ phải trả nghiệp mới mà còn phải trả luôn những nghiệp cũ.

Cũng như một tội nhân ra trước tòa án, nhờ Luật sư xin cho họ hưởng án treo. Hưởng án treo chớ chưa phải là hết tội. Nếu họ không tái phạm thì trong một thời gian, cái án treo đó hết còn hiệu lực; bằng trái lại, nếu họ tái phạm thì chừng đó họ phải đền tội mới luôn cả án treo nữa.

Như thế đủ thấy ngay như Đức Phật còn không cứu độ được dòng họ của mình khi quả nghiệp đã mù.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng nhìn nhận không sửa được nghiệp quả, chỉ có thể xin đình đãi lại mà thôi.

Người đã tu hành, biết luật nhân quả thì không bao giờ tin được những kẻ khoe khoang: hễ ai theo mình thì sẽ hết tội.

Phàm hễ ai làm tội thì trước sau gì cũng phải trả, đúng như Đức Huỳnh Giáo Chủ đã viết:

***“Luật nhân quả thật là cao viễn,
Suốt cổ kim chẳng lọt một ai.”***

4.- MẢNH ÁO CÓ NGỌC

Một chàng trẻ tuổi kia, một hôm đến thăm người bạn thân đang làm quan ở một nơi nọ. Gặp nhau rất mừng rỡ, người bạn thiết tiệc hậu đãi như một khách quý. Chén tạc chén thù, chàng tuổi trẻ lỡ uống quá độ nên say như, nằm vật ra ngủ mê mang như một xác chết.

Từ lâu đã có ý muốn giúp bạn nhưng chưa dám tỏ ra vì e bạn từ chối. Nay thừa dịp bạn ngủ say, vị quan kia mới nghĩ ra một cách giúp khéo léo là đem một viên ngọc quý kết vào vạt áo của bạn, tưởng chừng làm như thế thì sau này dầu bạn có nhận ra cũng không bỏ ngỡ.

Hôm sau, khi tỉnh rượu, chàng tuổi trẻ từ tạ lên đường, đi cầu thực nơi phương xa. Trải qua ngày này tháng nọ, chàng chẳng biết trong mình sẵn có ngọc quý nên cam tâm lê la rày đây mai đó làm thuê làm mướn, thật là trăm phần vất vả.

Về sau, cơ hội đưa đến cho chàng gặp lại bạn cũ. Thấy chàng vẫn sống cơ hàn như trước, người bạn thân không khỏi ngạc nhiên mà trách rằng: Sao bạn lại khờ khạo như thế. Bạn chẳng biết rằng: hôm ngày yến

âm ấy, tôi đã kết vào vạt áo của bạn một viên ngọc quý. Sao bạn chẳng lấy đó mà dùng để đổi cùng khốn nghèo nàn như vậy.

Chùng đó, chàng trẻ tuổi mới biết trong áo mình có ngọc. Thế mà bấy lâu không nhận ra, mãi chịu thiếu thốn đi cầu thực ở đâu đâu.

(Phỏng theo Kinh Pháp Hoa)

Trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật có nói rằng: Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh; nghĩa là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Phật tánh mà Đức Phật nói đây, tức là bản tâm diệu minh chơn giác, một màu thanh tịnh, trường tồn bất biến, với Thánh không thêm, với Phàm không bớt.

Mỗi chúng sanh đều có cái bản tâm diệu giác ấy, nhưng vì vọng tưởng điên đảo cho nên cứ chạy theo các vọng trần mà thành ra mê mờ chơn trí, lẫn lộn mãi trong sáu nẻo luân trầm, sánh chẳng khác chi người có ngọc trong vạt áo mà chẳng hay lại đi tìm ngọc ở đâu đâu, hay kẻ đang cỡi trâu mà lại tưởng mình đã mất trâu nên nhọc công đi tìm kiếm.

Sở dĩ chúng sanh chưa bỏ phàm nhập thánh là vì chưa nhận ra ở nơi mình đã sẵn có Phật tánh, chứa đủ muôn diệu. Địa ngục cũng ở nơi đó mà Niết Bàn Cực Lạc cũng ở nơi đó. Chỉ có khác nhau ở chỗ giác với mê mà thôi. Giác thì thành Phật, còn mê thì thành chúng sanh.

Nhìn lại giới tu hành hiện nay, những người sẵn có ngọc lại đi tìm ngọc, chẳng phải là ít. Kia biết bao nhiêu người hữu duyên gặp mình sư chỉ dạy, lại được giáo pháp chánh chơn, thế mà chẳng tự biết, tâm trí mãi vọng động, mong cầu ở đâu đâu. Hễ thấy ai tỏ ra điều chi bất thường trong hành động hay lời nói, hoặc có phép thuật chi quái dị thì họ đổ xô kéo đến. Bởi quá

mong cầu sắc tướng bên ngoài nên tâm linh một ngày một mờ ám, thấy nguy nhận chơn, thấy tà nhận chánh, dong ruổi mãi trên con đường mê tín dị đoan.

Thật là đáng tiếc cho những người ấy, nào có khác chàng tuổi trẻ kia có ngọc quý trong mình mà không biết. (Trích từ Tạp chí GIÁC TIỀN)

- THIỆN DUYÊN -

5.- BẮN LÙI NHƯ TÔM

Tôm là loại động vật không máu dưới nước, vỏ mỏng cứng, mình cong có nhiều đốt, sáu chân hai râu, đuôi chẻ ba, đi tới thì chậm, bắn lùi rất nhanh lẹ.

Bởi hiện tình có số người tu, đáng lẽ càng ngày càng tinh tấn, đặng này họ cứ chần chờ giải đãi nên Đức Thầy ví như loài tôm hay bắn lùi.

Ngài cũng hằng khuyên:

“Ít ai giữ đặng chí bền,

Tu theo nước lớn, ròng bèn thả trôi.”

(Khuyên người giàu lòng Phước Thiện)

Xưa, lúc Đức Phật còn trụ thế, một hôm Ngài cùng các đệ tử đi ngang qua một cánh đồng có một người nông phu đang cày ruộng. Anh thấy Phật có vầng hào quang sáng rỡ, oai nghi đoan chánh, lòng anh rất hân hoan, toan đến lễ Phật xin quy y, nhưng chực nhớ chuyện cày cấy chưa xong bèn tự nhủ:

“Thôi để khi khác, bao giờ cày cấy gieo giống xong, rảnh rang ta sẽ đến nơi Phật xin quy y cũng chẳng muộn”. Nghĩ thế rồi anh tiếp tục việc đồng áng.

Phật biết rõ ý niệm của anh nông phu kia nên mỉm cười. A Nan liền lễ Phật hỏi duyên cớ. Phật đáp:

- Các ông có thấy người đó chẳng ? Anh đã trải qua 91 kiếp, gặp cả thầy 7 vị Phật ra đời. Mỗi lần gặp

Phật, anh đều hoan hỷ toan đến quy y lễ bái, nhưng nghĩ lại việc mùa màng chưa xong bèn thôi, rồi cứ mãi chần chờ lầy lắt.. Đến nay gặp ta vừa hoan hỷ đến quy y rồi cũng thôi niệm, tự hẹn khi khác. Cứ như thế mà biết bao lần sanh tử chuyển luân, việc cày cấy vẫn chưa xong và cũng vẫn chưa được quy y Tam Bảo.

Anh nông phu nghe Phật nói tiền nghiệp giải đãi của mình, giật mình kinh sợ tự hối, buông cày đến lễ Phật cầu xin thọ giới quy y.

Xuyên qua mẩu chuyện trên, nhận thấy đời nay cũng có lắm người chần chờ giải đãi như thế nên Đức Thầy hằng khuyên:

***“Chẳng chịu tu mãi còn lục đục,
Lo giàu nghèo lo cũng chẳng rành.”***

(Giác Mê Tâm Kệ, Q.4)

6.- THAM SÂN

Tham lam và sân hận, hai điều trong ý nghiệp, nhưng chữ tham sân ở đây còn có nghĩa chỉ người ham sân si gây gỗ. Người tu hành mà còn chứa chấp lòng sân hận thì không bao giờ kết quả.

Kinh Phật có câu: *“Nhứt niệm Sân Tâm chi hỏa, năng thiêu vạn khoảnh Công Đức chi sơn”*. (Một đóm lửa sân hận dấy lên, nó sẽ đốt cháy cả rừng núi công đức của mình).

Khi xưa, ông Uất Đầu Lâm Phát đang ngồi Thiền định dựa bờ suối, bên cạnh rừng cây, bỗng các loài chim từ đâu bay đến kêu hót vang rừng, còn cá dưới suối thì ăn móng đập đuôi làm tâm ông tán loạn, không Thiền định được. Ông liền nổi sân thốt ra lời vi phạm ác khẩu: *“Ta thề sẽ làm con chồn bay (phi ly) để ăn thịt hết loài chim cá này, mới nghe cho”*. Thời gian sau Ông bị quả báo y như lời thề đó.

Lại thêm một trường hợp nữa là vua A Kỳ Đạt. Ông suốt đời lo tu hành, với công phước ấy đáng lẽ khi bỏ xác, vua được lên thiên đường, nhưng vì chưa dứt được lòng sân hận, lúc gần lâm chung, người hầu vô ý làm rớt cây quạt trúng mặt vua. Vua giận dữ rồi tắt thở, linh hồn bị “Cận Tử Nghiệp” dẫn đi đầu thai vào loài rắn, sau nhờ một vị sa môn hóa độ, vua mới được sanh thiên.

Xét theo đây, nếu người tu còn tham sân ắt gặp nhiều chướng ngại, khó mong thành quả. Trong Kinh Di Giáo, Phật có dạy: “Lòng nóng giận còn hơn ngọn lửa, các người khá nên đề phòng, chớ để nó xâm nhập vào Tâm. Con giặc cướp giựt công đức không gì hơn nóng giận. (Sân tâm thậm ư mãnh hỏa, thường phòng hộ, vô linh đắc nhập, kiếp công đức tặc, vô quá sân nhuế).

Đức Thầy nay cũng dạy:

***“Chữ gây gỗ là sân hỷ diệt,
Cho nó đừng thấp thoáng trong lòng.”***

7.- HAM TIỀN BỊ XÍCH XIỀNG TRÓI THÂN

Ý nói người quá tham lam tiền của, lo tính hành động tội lỗi thì sớm muộn gì cũng vướng cảnh thống khổ, như người tội trong lao ngục luôn bị gông xiềng trói buộc.

Đức Thầy thường cảnh giác:

***“Tham chi giả tạm của tiền,
Như chim vào lưới xích xiềng trói thân.”***

(Hoài Cổ)

Lúc Đức Phật còn trụ thế, một hôm Ngài cùng đại chúng đang tiến hành trên lộ lớn, bỗng nhiên Ngài dừng lại và dắt đoàn người rẽ vào con đường nhỏ. Thấy thế, ông A Nan liền bạch hỏi nguyên do?

Phật bảo: “Ở trước kia có oán tặc đón đường, chốc nữa đây sẽ có ba Phạm Chí đến đó bị tai hại không tránh được. Các ngươi hãy đi nhanh, rời khỏi nơi đây !”

Sau mấy phút ba người Phạm Chí đi tới, đồng xí được một cái túi đầy ắp vàng bạc nằm dựa bệ đường. Ba người mừng rỡ cùng nhau bàn tính: Giờ Trời đã trưa, bụng lại đói, vậy hai người ở lại giữ vàng còn một người xuống chợ mua thức ăn về, cùng nhau ăn uống rồi sẽ lên đường. Phân công xong, người đi chợ vừa đi vừa nghĩ: “Số vàng này ta chỉ chia được một phần ba thì uổng quá, chi bằng mua độc dược thuốc hai đũa nó để mình ta trọn hưởng”. Khi đến chợ Phạm Chí này ăn uống no say rồi mua thuốc độc tẩm vào thức ăn xách về.

Còn hai Phạm Chí ở lại cũng sanh lòng tham, cùng nhau liệu kế giết người đi chợ để đoạt luôn phần của y. Phạm Chí đi chợ xách thức ăn về vừa tới, bất ngờ bị hai người kia hạ sát, thi hành xong thủ đoạn, họ ném thây người ấy vào bụi rậm rồi lấy thức ăn trong xách ra dùng, lát sau thuốc độc thấm vào hai người đều nhào lăn ra chết cả.

Mẫu chuyện kể trên, cho ta thấy người đời ham tiền còn phải bị tiền của trói buộc vào khổ tử; huống lại kẻ tu hành đã đem thân vào núi non am cốc nếu còn tham tiền bạc của bá gia dưng cúng, như các Tăng Ni ở miền Bảy Núi mà Đức Thầy đã đề cập trong đoạn giảng (trong Quyển 1) thì biết bao giờ họ gặp được Phật Tiên.

8.- LÀM DOAN

Làm doan là làm duyên. Ý nói người thi hành việc lành, việc phải thì chẳng những được hưởng hạnh

phúc ở hiện tại, mà còn được gieo duyên lành, để tương lai hoàn thành ngôi Phật quả.

Xưa kia, tại nước Xá Vệ có vợ chồng ông Trưởng Giả, sanh được người con gái nét hạnh phi thường, đặt tên là Thúc Ly. Điều lạ khi mới sanh, cô đã có sẵn bộ y phục trắng mịn che thân. Cô càng lớn, y phục ấy càng lớn theo.

Đến tuổi cập kê, cha mẹ định gả chồng, nên sắm đủ đồ trang sức. Cô không đồng ý, cầu xin cha mẹ, cho cô đến gặp Phật để xuất gia. Cha mẹ rất nuông chiều nên đưa cô đi, sau khi yết kiến Phật, Ngài liền thân nhận Thúc Ly vào hàng Tỳ Kheo Ni, bỗng nhiên y phục của cô đang mặc, biến thành pháp y (tức y phục nhà tu). Cô luôn tinh tấn tu hành, ít lâu được chứng quả A La Hán. Ông A Nan lấy làm lạ, bạch hỏi Phật, do phước duyên gì, Thúc Ly Tỳ Kheo được như thế ?

Phật liền giảng cho A Nan và đại chúng nghe: Thuở quá khứ, lúc Đức Phật Tỳ Bà Thi trụ thế. Có một nhà vua mở đại hội bố thí và cúng dường Phật, cùng chư Tăng để cầu nghe Pháp. Các Tỳ Kheo đi khắp nơi, tuyên truyền công quả bố thí và nhận thực phẩm về hội.

Bấy giờ có hai vợ chồng cô Đàn Nị Già, gia đình rất nghèo, cơm áo không đủ dùng, chỉ có tấm chăn rách, hề chồng đi làm thì vợ ở nhà đóng cửa lại, còn vợ đi ra thì chồng cũng phải như thế. Hôm nọ cô Đàn Nị Già được nghe Thầy Tỳ Kheo thuyết giảng về công hạnh bố thí trừ được lòng tham xěn v.v... Cô bèn bàn với chồng nên bố thí tấm chăn này, để giải thoát kiếp cùng khổ dầu chết cũng cam. Người chồng thuận ý, cô liền thỉnh Thầy Tỳ Kheo vào gần cửa để gọi tấm chăn về hội thí. Thầy Tỳ Kheo cảm động chú nguyện cho tín thí rồi lãnh chăn về.

Tại Pháp hội, Đức Phật gọi Tỳ Kheo, trao tâm chần ấy cho Ngài trước hết. Lúc đó nhà Vua và cả đại chúng đều có ý hiềm ty, vì sao Phật lại dùng cánh tay muôn phước, trang nghiêm thọ lãnh vật thô bản như thế ?

Phật biết rõ tâm lý chúng nhơn, bèn đưa chần ra bảo: *“Ta xem tất cả các món quý giá trong Đại hội cúng thí hôm nay, chưa bằng được vật này”*.

Phật liền thuật rõ vợ chồng Đàn Nị Già cam chịu lửa lò chết đói trong xá nhà để tròn hạnh bố thí. Đây là món vật khinh mà tình trọng. Nghe Phật nói, mọi người đều cảm động, Hoàng hậu tháo đồ trang sức vàng ngọc, cả Vua quan cũng đem y phục, tiền bạc góp lại gởi giúp vợ chồng Đàn Nị Già và bảo đến chỗ Phật nghe Pháp. Thuật đến đây, Phật Thích Ca bảo A Nan:

“Đàn Nị Già nghèo khổ xưa kia, nay là Thúc Ly Tỳ kheo vậy. Do lòng thanh tịnh bố thí nên trải qua 91 kiếp, sanh ra nơi nào đều có y phục tùy thân, không hề bị túng thiếu. Và do ngày trước nơi Pháp hội của Phật Tỳ Bà Thi, nghe Pháp phát nguyện tu giải thoát, nên nay được gặp ta và đắc Đạo quả A La Hán. Các ông nên tinh tấn tu Pháp bố thí ấy”.

Vậy danh từ *“Làm phước làm doan”* là Đức Thầy khuyên mọi người nên thi hành Pháp bố thí gieo duyên lành với Phật Pháp, hầu sau này được thành Đạo giải thoát. Như Ngài từng khuyên nhủ:

***“Khuyên người hữu phước giàu sang,
Mau mau làm phước làm doan cho rồi.”***

(Sám Giảng, Q.3)

-THIỆN TÂM-

(Trích từ quyển Sám Giảng Thi Văn
Toàn Bộ Chú Giải)

NHỮNG MẪU CHUYỆN CHUNG QUANH BÁC VẬT LANG VÀ HANG BÁC VẬT LANG

A. TIỂU SỬ

Bác Vật Lang tên thật **Lưu Văn Lang** là kỹ sư người bản xứ đầu tiên của Việt Nam và toàn cõi Đông Dương. Ông là một nhà trí thức nổi tiếng ở miền Nam vào đầu thế kỷ 20.



Kỹ sư Lưu Văn Lang

Ông sinh ngày 5 tháng 6 năm 1880 tại làng Tân Phú Đông, hạt Sa Đéc (nay thuộc thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp) trong một gia đình nghèo làm nghề thủ công phục vụ cho nông nghiệp nhưng có truyền thống hiếu học.

Thân sinh ông là cụ Lưu Văn Cúng, vốn là một người xuất thân Nho học. Vì vậy, ngay từ nhỏ, ông đã được học chữ Nho. Đến năm lên 10, ông bắt đầu học tiếng Pháp và chữ Quốc ngữ. Vốn có tư chất thông minh lại chăm chỉ, ông nhanh chóng trở thành một học sinh xuất sắc và giành được học bổng đặc cách vào học trường Chasseloup-Laubat tại Sài Gòn. Năm 17 tuổi, ông thi đậu Tú tài 2 của Pháp với số điểm xuất sắc, do đó nhận được học bổng sang Pháp học tại trường École Centrale de Paris (thời đó gọi là trường Bá Nghệ trung ương Pháp quốc) - nơi đào tạo kỹ sư lớn nhất tại Pháp thời bấy giờ. Năm 1904, ông tốt nghiệp hạng Ưu bằng Kỹ sư Bá nghệ (Ingénieur des Arts et Manufactures de L'École centrale de Paris), xếp hạng 8/250 sinh viên, trở thành

kỹ sư đầu tiên ở Đông Dương là người bản xứ.

Bác vật Lang là người trí thức đất Nam Kỳ. Sau khi tốt nghiệp, ông trở về nước và được nhà cầm quyền Pháp trọng dụng, cử ngay sang Vân Nam (Trung Hoa) để tham gia thiết kế và xây dựng tuyến đường sắt nối liền Đông Dương và Vân Nam.

Năm 1909, sau khi tuyến đường sắt hoàn thành, người Pháp đưa ông về Sài Gòn làm việc trong Sở Công chánh Đông Dương, giữ nhiều chức vụ quan trọng ở Sở Công chánh, thường xuống các tỉnh và Bạc Liêu theo dõi các công trình xây dựng. Ông không chỉ được người dân đương thời Nam Bộ kính trọng và gọi là "*quan Bác vật Lang*" mà còn được các kỹ sư Pháp kính nể.

Năm 1929, ông cùng với hai người Việt đứng ra sáng lập Việt Nam Ngân hàng tại Sài Gòn và giữ chức Chủ tịch. Ngoài ra, ông còn tham gia thành lập Hội Khai Trí Việt Đức ở Hà Nội và hội SAMIPIC ở Sài Gòn, giúp nhiều sinh viên nghèo học giỏi được đi du học và trở thành những nhà trí thức quan trọng. Từ năm 1943-1944, ông tích cực truyền bá chữ Quốc ngữ tại Sài Gòn và các tỉnh.

B. CÁC MẪU CHUYỆN VỀ BÁC VẬT LANG

I. Mẫu Chuyện Thứ Nhất: Bác Vật Lang sửa cầu Hàm Rồng.

Nhà văn vùng sông Hương núi Ngự là Võ Hương-An, tên thật Võ Văn Dật, cựu Thanh Tra Giám Sát Viện miền Trung trước năm 1975, hiện sinh sống tại San Jose, là tác giả của các tác phẩm sau đây: *Hué Của Một Thời*, *Lịch Sử Đà Nẵng*, *Từ Điển Nhà Nguyễn*, *Vua Khải Định*, *Trong Ngõ Ngách Sử Việt*.

Cho biết rằng chính Thân phụ của ông là cụ Võ

Văn Lang làm quan dưới cuối triều nhà Nguyễn đã từng giữ chức Nhất Đẳng Thị Vệ, kể lại cho ông nghe câu chuyện như sau:

Cầu Hàm Rồng là cây cầu sắt một nhịp, không có trụ móng ở giữa cầu, trên Quốc lộ 1, bắc qua sông Mã ở Thanh Hóa, do Pháp thiết kế và kiến tạo năm 1904 (bị VM phá sập năm 1946, không phải cầu hiện nay), dùng cho cả đường bộ và đường sắt. Sau khi cầu làm xong, cho lưu thông xe tàu và bộ hành thì xuất hiện khuyết điểm nghiêm trọng, ấy là cầu bị rung. Kỹ sư Pháp rà soát lại hồ sơ thiết kế và quá trình kiến tạo nhưng vẫn không tìm ra nguyên nhân. Cuối cùng phải mời Kỹ sư Lưu Văn Lang ra giúp. Sau khi khảo sát, ông ra lệnh siết chặt lại tất cả bù lon, và kết quả là cầu hết rung. Kỹ sư Pháp và chính quyền Pháp vô cùng thán phục.

II. Mẫu Chuyện Thứ Hai: Cầu Sập.

Đương thời, Cụ Lưu Văn Lang nổi tiếng giỏi nghề và rất đức độ nên được sự kính nể của các người Pháp lẫn người Việt. Đặc biệt, người miền Nam VN bấy giờ thường đồn đại nhiều giai thoại về "Bác vật Lang" hiểu thấu nhiều bí mật về "Thiên cơ", chẳng hạn như vùng đất nào sẽ sụp lở, chiếc cầu sắt nào sẽ hư và núi nào sẽ nứt...

Một giai thoại nổi tiếng đầu thế kỷ 20 tại Bạc Liêu, khi cầu Long Thạnh (do một kỹ sư Pháp trông coi) xây dựng sắp xong, ông lấy gậy gõ vào thành cầu rồi bảo với kỹ sư Pháp rằng một tháng nữa cầu sẽ sập. Viên kỹ sư Pháp hết sức phẫn nộ nhưng rồi vô cùng bái phục bởi cây cầu sập đúng thời gian như ông nói. Từ đó cầu Long Thạnh được gọi là cầu Sập. Do việc này, viên Tỉnh trưởng Bạc Liêu thời đó rất khâm phục nên đối đãi với ông rất hậu hỷ. Để đáp lại tình cảm đó,

ông xây tặng viên Tỉnh trưởng một chiếc đồng hồ mặt trời ngay trong dinh Tỉnh trưởng Bạc Liêu (nay là Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bạc Liêu, số 84 Hai Bà Trưng, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu).

Chiếc đồng hồ này xây bằng gạch tàu và xi măng cao khoảng 1m, rộng 0,8m, mặt quay về phía Đông ở trước sân dinh Tỉnh trưởng. Đồng hồ gồm 3 phần: Phần giữa hình chữ nhật đứng, nhô ra phía trước; hai mặt hai bên xây hình vuông bằng gạch tàu, mỗi mặt khắc 6 chữ số La Mã theo hình vòng cung, biểu thị số giờ. Ánh nắng chiếu xuống phần hình chữ nhật tạo ra vết sáng tối. Con số nào nằm giữa hai vết này là số giờ lúc ấy.

III. Mẫu Chuyện Thứ Ba: Chợ Tân Châu.

Chợ Tân Châu là một ngôi chợ Quận, nằm bên bờ hữu ngạn sông Tiền, cách biên giới Việt Miên vào khoảng 15 cây số, về hướng Đông Nam thuộc tỉnh Châu Đốc. Tuy là một chợ Quận nhưng rất là trù phú, không khác chi chợ Tỉnh, nhờ lượng hàng hóa qua lại từ đất Miên, nên dân chúng ở đây rất giàu có. Nhà lâu đầy dẫy, phố xá tấp nập. Một hôm Bác vật Lang nhân một chuyến đi công tác, ghé qua dinh Quận và thăm chợ Tân Châu. Rồi ông bảo với ông Quận trưởng: “Sau chợ này sẽ bị đò sập xuống sông hết.” Quả nhiên đến năm 1973-1974, tự nhiên đất bị sụp lở, lôi cả mấy dãy phố xuống sông hết. Ngay cả nhà ông Đốc Học, Tư Hoàn, Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát cũng nhào xuống sông. Hiện nay chợ Tân Châu bị nhào xuống sông gần hết phải dời đi chỗ khác.

IV. Mẫu Chuyện Thứ Tư: Kinh Xáng Vịnh Tre không thể ra tới biển.

Đây là lời các vị bô lão ở xã tôi và ông nội tôi kể lại cho tôi nghe. Vào năm 1937 Pháp khởi công cho

xáng đào kinh xáng Vịnh Tre. Dự định của Pháp là đào con kinh này từ bờ hữu ngạn sông Hậu Giang cho đến tận vùng biển Hà Tiên, chiều dài vào khoảng trên dưới 100 cây số, nhưng ông bác vật Lang bảo: “Con kinh này không thể đào ra đến biển được, chỉ đào chừng nửa đoạn rồi thôi.” Quả nhiên khi đến năm 1945 phong trào Việt Minh nổi dậy cướp xáng và đốt xáng, công việc đến đây phải ngưng vĩnh viễn. Làm cho các vị bô lão ở đây thán phục, mỗi khi nhắc đến Bác Vật Lang.

Theo nhận xét của tôi thì lời tiên đoán của ông Bác Vật Lang có hai lối giải thích. Thứ nhất là ông biết trước vì thời cuộc chánh trị thay đổi mà kinh xáng Vịnh Tre không hoàn tất được. Thứ hai là vì địa chất đất đá khi đào vòng qua dãy Thất Sơn thì gặp phải đá ngầm mà không thể hoàn tất được.

V. Mẫu Chuyện Thứ Năm: Đào cây dầu to gần bằng cái nong, nằm dưới đường lộ.

Một hôm ông Bác vật Lang ngồi xe trên đường từ Châu Đốc đến Long Xuyên (An Giang). Khi đến Mương Khai Lấp thuộc xã Vĩnh Thạnh Trung, quận Châu Phú, tỉnh Châu Đốc. Đột nhiên ông bảo tài xế dừng xe lại, rồi bước xuống xe dùng cây gậy gõ trên mặt đường vài cái, làm dấu rồi lên xe về thẳng Long Xuyên. Sau đó ông dùng điện thoại gọi lên Châu Đốc gặp Trưởng ty Công chánh bảo “cho người đến Mương Khai Lấp chỗ ông làm dấu đào lấy vật gì lên, nếu không sau này sẽ bị sụp.” Quả nhiên khi đào lên thấy thân cây dầu cổ thụ quá to chẳng biết ngã từ thuở nào cho đến bây giờ.

VI. Mẫu Chuyện Thứ Sáu: Bác Vật Lang xuống hang Tứ Chụp.

Dưới thời Pháp thuộc, hang chưa có tên. Sau năm 1975 người ta lập điện Ông Thê, hang này nằm

gần điện Ông thờ, đó là hang Bác vật Lang. Dưới thời Đệ nhất và Đệ nhị Cộng Hòa, trên bản đồ quân sự được gọi là hang Tứ Chụp. Vì trên máy bay nhìn xuống có bốn tảng đá lớn, chen vào nhau như muốn che lấp miệng hang nên gọi là Tứ Chụp chăng? Tôi là người sanh ra và lớn lên ở tỉnh Châu Đốc. Dưới thời Pháp thuộc và Đệ nhị Cộng Hòa, An Giang và Châu Đốc là hai tỉnh riêng biệt với nhau. Nhưng tôi chưa có lần nào đến tận núi ông Cẩm, còn gọi là Thiên Cẩm Sơn. Nhưng qua lời kể của các bạn tôi, họ làm việc ở phòng III, tức là phòng Hành quân của Tiểu Khu Châu Đốc thì Hang Tứ Chụp và núi ông Cẩm là nơi căn cứ hoạt động của cộng sản. Chính nơi đây cũng là sào huyệt của bọn chúng, đã từng xảy ra những trận chiến khốc liệt giữa quân đội VNCH và bọn chủ lực miền của cộng sản, từ cấp Tiểu đoàn đến cấp Trung đoàn suốt cả tuần lễ. Đôi khi hai bên phải đánh cận chiến để giành từng mớ đá. B.52 dội bom chẳng hề hấn gì. Cộng sản chui vào các ngõ ngách, hang động nên họ tổn thất ít. Nếu tôi không lầm thì hang Tứ Chụp trước năm 1975, sau khi được Biệt Động Quân chiếm giữ, được lệnh từ Quân Khu IV cho lấp miệng hang, sau khi cho nổ mìn và hơi ngạt vào hang. Trong những năm 1965 cho đến năm 1975 trên núi ông Cẩm không có người sinh sống, ngay cả chùa chiền, am cốc cũng không. Họ dọn xuống chân núi hay di cư đến các làng mạc khác để sinh sống và tránh họa chiến tranh.

Sau đây là mẩu chuyện về hang Bác Vật Lang do hai bạn Chí Nhân và Thanh Quốc kể lại, sau năm 1975 qua Internet. Nguyên văn như sau:

C. ĐÂY LÀ MỘT GIAI THOẠI VỀ HANG BÁC VẬT LANG.

Hang Bác Vật Lang còn gọi là hang Tứ Chụp

tại núi Cẩm ở Châu Đốc. Khi người Pháp thám sát các hang núi Cẩm, họ đã đưa Bác Vật Lang lên núi Cẩm và thòng dây thả ông xuống để thám sát lòng hang này. Trong hang rất tối, lạnh lẽo, thiếu dưỡng khí nên mọi thứ đèn đuốc đều khó cháy sáng. Sau gần một ngày xem xét ở dưới đó, ông trở lên mặt đất và từ đó ông không nói một lời nào... Từ đó, người địa phương gọi tên hang theo tên ông là hang Bác Vật Lang

1.-Thám hiểm hang Bác Vật Lang

Thất Sơn - vùng Bảy Núi thuộc tỉnh An Giang, bao gồm 2 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên. Vùng đồi núi trập trùng này từ xa xưa đã chứa đựng bao điều huyền bí, linh thiêng và có mặt nhiều loài thú dữ. Theo dòng thời gian, nhiều loài thú dữ lần lượt vắng bóng, nhiều điều huyền bí đã được giải mã, song nơi đây vẫn còn những hang động gắn liền với bao câu chuyện khiến người ta vừa kể vừa phải... rùng mình!

Chuyện kể rằng, sau khi thám hiểm hang sâu trở lên, Bác Vật Lang không còn nói năng gì nữa cho đến chết, khiến hang động ấy trở nên kỳ bí và được đặt theo tên ông.

Theo tài liệu ghi chép lại, hang Bác Vật Lang là hang sâu và bí ẩn nhất trong rất nhiều hang động trên núi Cẩm - An Giang. Mãi cho đến hôm nay, dưới hang này có gì, sâu bao nhiêu và dẫn đến đâu vẫn là điều kỳ bí khiến nhiều người tò mò muốn biết.

2. Người về từ lòng núi

Bác Vật Lang tên thật là Lưu Văn Lang, sinh năm 1880 ở làng Tân Phú Đông, hạt Sa Đéc (nay là thị xã Sa Đéc, Đồng Tháp). Ông là kỹ sư khoa học đầu tiên là người thuộc địa của Pháp ở Việt Nam và toàn cõi Đông Dương. Lưu Văn Lang rất giỏi về chuyên môn và theo lời đồn đại có khả năng tiên đoán những

điều sắp xảy ra, đoán biết thiên cơ... nên được gọi là quan Bác Vật hay Bác Vật Lang (tương đương nhà bác học lúc bấy giờ).

Bác Vật Lang được người Pháp kính nể. Có lần, một đoàn người Pháp tổ chức thám sát các hang trên núi Cẩm và ông đi cùng. Đến một hang sâu gần đỉnh núi, mọi người cột dây thừng vào con khỉ rồi thả xuống. Một lúc sau, khi dây đã được thả rất dài thì nhẹ hẳn. Mọi người kéo dây lên thì con khỉ biến mất. Dấu vết để lại cho thấy giống như có ai đó cởi dây trói ra vậy. Đoàn thám sát tiếp tục cột dây vào một con chó thả xuống hang sâu. Đi một lúc sợi dây cũng nhẹ tênh, kéo lên con chó biến mất và dấu vết để lại cũng giống như lần trước. Cả đoàn nhón nháo, hoang mang lo lắng không biết dưới hang sâu có ác thú hay điều gì kỳ bí nhưng không ai dám thân chinh xuống đó. Bác Vật Lang tự nguyện đi và cho mọi người cột dây vào người mình để thả xuống hang. Đi một lúc, mọi người cũng giật thót người khi sợi dây bị tháo bỏ mà Bác Vật Lang không thấy trở lại. Bóng đêm bao trùm, mọi người mệt mỏi tựa lưng vào vách đá, dán mắt vào miệng hang, hồi hộp...

Trời gần sáng, bất ngờ cả đoàn tỉnh giấc khi phát hiện Bác Vật Lang từ dưới hang sâu bò lên. Vậy là ông vẫn còn sống, nhưng chỉ ú ớ không nói một lời nào. Ông được đưa về bệnh viện ở Sài Gòn chữa trị, sức khỏe có phần bình phục nhưng cũng chẳng nói năng. Về sau có một đoàn đại diện Giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương tới thăm và hỏi ông đã thấy gì trong hang. Ông trả lời chậm rãi: “Ở dưới núi là một... mâm cơm... dọn sẵn. Trên núi là một... cái lồng bàn, giở ra là... ăn... Các ông rán... tu”. Đó là những câu nói cuối cùng của ông cho đến ngày nhắm mắt. Bác Vật Lang mất năm

1969 tại quê nhà, thọ 89 tuổi.

3. Đi hoài không giáp

Tuy nhiên, vị trí hang Bác Vật Lang trên núi Cấm đến hôm nay vẫn còn nhiều tranh cãi. Những bậc cao niên thì khẳng định hang Bác Vật Lang từng chui xuống nằm ở vồ Bò Hong trên đỉnh núi, bên một vách đá cheo leo, hiểm trở. Người muốn tiếp cận miệng hang phải nắm rễ những cây gừa cỏ thụ tuột xuống từ từ và thọt chân vào hang, hiện hang này đã bị lấp kín. Còn hang Bác Vật Lang hiện nay nằm bên trên điện Ông Thê là không chính xác.

Ông Năm Tân, nhà ở ấp Vồ Đầu, núi Cấm, những năm trước ngày giải phóng kể lại: “Su phụ tôi (một thầy tu) đã từng làm một chuyến thám hiểm hang Bác Vật Lang trên đỉnh Bò Hong. Su phụ tôi xuống hang cả ngày mà đi không giáp. Ông nói hang rất tối, rất rộng và có nhiều lối đi lắt. Thấy không thể thám hiểm được lâu vì không mang theo lương thực, ông đã trở lên”.

Chúng tôi trở lại vồ Bò Hong nhưng tìm mãi vẫn không thấy dấu vết của hang này theo lời kể, nên quyết định thám sát hang Bác Vật Lang gần điện Ông Thê. Ông Đinh Phi Vân, người sống nhiều năm và rành mọi ngõ ngách trên núi Cấm, dẫn đường cho chúng tôi. Theo quan sát và dựa vào sự mô tả theo các tài liệu ghi chép lại thì hang này cũng rất giống với hang Bác Vật Lang xưa. Miệng hang cũng nằm bên vách đá cheo leo, sừng sững. Đường xuống hang có sợi dây thừng rất to để người thám hiểm có thể từ từ thả người xuống và đu ngược trở lên, nếu cần. Mua cái hột quẹt và 6 cây nến to, chúng tôi bắt đầu chui vào hang núi. Từng người một đánh đu trên sợi dây thừng. Xuống độ gần 10m, cửa hang nhỏ lại vì có một tảng đá

chắn ngang. Chúng tôi phải mọp người chui qua tảng đá rồi mắt hút vào trong bóng tối. Người trong hang và người bên ngoài không còn nhìn rõ nhau nữa, tiếng nói cũng rất khó nghe.

Cuộc thám hiểm mới thật sự bắt đầu. Cảm giác của tôi rối bời, vừa hứng khởi vừa hoang mang bởi không biết phía trước mình, trong mảng tối ấy có thứ gì, lỗ đối mặt với măng xà thì làm sao tháo chạy? Bao nhiêu suy nghĩ, lo âu lẫn tò mò cứ vây lấy tôi. Cảm ngọn nến leo lét, tôi cố mở mắt đến hết cỡ để xác định vị trí, dò dẫm từng bước chân trong hang tối. Không khí dường như ngày càng ít lại, chúng tôi bắt đầu nghe mệt, hơi thở dồn dập và ngọn nến cứ tắt liên hồi.

Gần nửa ngày lẩn quẩn trong hang sâu, chỉ có bóng tối bao trùm và không khí ngột ngạt. Chúng tôi vẫn không phát hiện được gì vì tầm nhìn bị hạn chế, chỉ biết bên dưới hang có khá nhiều ngõ ngách, kẹt đá mà theo ông Vân thì cứ đi hoài vẫn còn lối, không sao đi giáp được. Sáu ngọn nến và cái hột quẹt mới mua đều đã cháy rụi, sạch hết ga. Chúng tôi không còn gì để soi đường đành phải nhắm hướng có luồng gió nhẹ, chút ánh sáng leo lét đi ra. Lần dò hồi lâu, chúng tôi trở lại được cửa hang, túm lấy sợi dây thừng, ngoi lên khỏi lòng đất đá.

D. KẾT LUẬN.

Ông Bác Vật Lang là một kỹ sư giỏi, một nhà trí thức có thực tài nhất là ngành chuyên môn của ông, ít người sánh kịp. Ông là một kỹ sư công chánh đầu tiên cho cả Đông Dương: Việt, Miên, Lào. Ông là một trong 10 người đỗ đầu trong kỳ thi tốt nghiệp bằng Kỹ sư ở Pháp. Ông là một tài năng, niềm hãnh diện cho Nam Kỳ và cho cả quốc gia dân tộc Việt Nam dưới thời Pháp thuộc. Những uy tín, tài năng của ông làm

cho người Pháp phải kính trọng, nể mặt.

Đến đây tôi cũng xin cảm ơn nhà văn đất Thần Kinh, miền sông Hương, núi Ngự là Võ Hương An tác giả của các tác phẩm: Huế Của Một Thời, Lịch Sử Đà Nẵng, Tự Điển Nhà Nguyễn, Vua Khải Định, Trong Ngõ Ngách Lịch Sử v.v. . . Đã cung cấp thêm những tài liệu và hình ảnh cần thiết cho bài viết này. Thành thật cảm ơn nhiều.

NGUYỄN HOÀI ÂN

Đề cho việc phát hành Tập san Tinh Tấn được liên tục, không bị gián đoạn vì thiếu ngân quỹ, yêu cầu Quý đồng đạo, Quý Ban Trị Sự và Ban Đại Diện địa phương vui lòng tài trợ ấn phí (chí phí trung bình là \$150.00 USD đối với mỗi Ban Trị Sự địa phương cho mỗi số báo phát hành).

Xin chọn 1 trong 2 cách viết Check hay Money Order ngay phía sau hàng chữ *Pay to order of* là:

PGHH

hoặc bằng tiếng Anh:

HOA HAO BUDDHIST CONGREGATION

Phần *Memo* chi phiếu, xin ghi: **Quỹ Tập san Tinh Tấn.**

Mọi chi phiếu gửi về Thủ Bồn BTS/TUHN xin theo địa chỉ sau đây:

PGHH

1263 CARDINAL ST.

TRACY, CA.95376

USA

Chân thành cảm ơn chư Quý vị



HỒI ỨC VỀ SINH HOẠT TÔN GIÁO

Chỉ còn một hôm nữa thôi là đến ngày Đại Lễ Kỷ niệm Đản Sinh Đức tôn sư Phật Giáo Hòa Hảo.

Nếu như vào thời điểm này trước ngày 30/4 năm 1975 thì không khí lễ tụng bùng lên với những Khán Đài, Công Tam Quan, Hoa Đăng Xa sắc màu lộng lẫy diễu hành trên đường làng với những tấm băng treo đề MỪNG ĐẠI LỄ, và các Ban Trị Sự địa phương bất cứ là địa phương nào cũng phải tề tựu đến “Hội Quán” cùng nhau săn sóc ngày Đại Lễ. “Độc Giảng Đường” thì có Ban Độc Giảng Viên trực thuộc ban Phổ Thông Giáo Lý đến phòng phóng thanh đọc Sấm Giảng Thi Văn Giáo Lý của Đức Thầy.

Những diễn cảnh êm đẹp đó bây giờ chỉ còn là hồi ức khôn nguôi đối với những tín đồ cao tuổi. Ngày 30/04/1975 tạo nên một biến cố chính trị đưa các tôn giáo đến bờ vực thẳm, trong đó PGHH có lẽ là chịu nặng nề hơn hết. Chỉ cần một tiếng ra lệnh là đã xô đổ các cơ sở của tôn giáo không gượng được.

Hôm đi trên đường xa, tôi chạm mắt một Độc Giảng Đường PGHH cũ kỹ tàn tạ bị bao bít rịt bởi nhà cửa và cây trồng. Kể từ năm 1975, tính theo thời gian thì thiếu chút nữa đã tròn 40 năm, những nơi này đã không được chăm sóc sửa chữa, hình dáng nghiêng xiêu, loang lổ thành những vệt lốm đốm, nền tường xi măng vỡ bê, nét sơn xanh sơn vàng trít mắt đã nhường chỗ cho một tấm hình đen xám. Thời gian có thể làm bào mòn những cơ sở tôn giáo nhưng không bào mòn lòng tôn trọng của tín đồ với Độc Giảng Đường mà vì cái biến cố ấy đã muốn tiêu diệt hoàn toàn các cơ sở và di tích văn hóa PGHH.

Người ta đã mở chiến dịch đập phá hoặc lấy xài của người khác đã đòi rồi mới sửa luật, sửa quá muộn màng... Thôi thì vậy cũng được đi, dù sao có cũng đỡ hơn không. Họ đã cho PGHH tái phục hoạt, cái nào lỗ hư hao mất mát thì bỏ qua, cái nào còn xót chưa xài, chưa mất thì hãy đem trả cho cố chủ. Để PGHH tái phục hoạt thì PGHH phải có lại tất cả những gì mà trước kia mình đã có mới đúng nghĩa. Có dịp đi đó đây tôi thấy một đôi nơi còn Độc Giảng Đường không bị tiêu diệt nhưng không được hoạt động và cấm sửa sang. Tôi ước phải chi nhà nước cho mình sửa chữa, tôn tạo thì khoảng cách giữa nhà nước và tín đồ có thể dần dần khép bớt lại; việc nhà nước bỏ ra hằng trăm đầu lương phát cho công an để đi rình mò những nhà hoạt động tôn giáo sợ họ tính chuyện đòi nợ mình, biểu hiện thái độ trấn áp là không phải cách hay.

Chắc gì nhà nước tính không sai! thà để phơi hình Độc Giảng Đường cũ kỹ xạm đen cho người tín đồ qua lại thấy đau lòng chịu không nổi mà đòi trả mạnh lên thì buộc cho cái tội **“kích động lòng thù hận”**. Tìm cơ buộc tội người làm cho mình *“nặng lòng lo”* khi quyền lực đã có trong tay. Dân không tin nhà nước làm vậy là đúng, nếu có người chười rửa nhà nước bắt lương đàn áp tôn giáo thì bắt bỏ vào tù, riết hết thành phần chống đối mới ăn ngon ngủ yên. Với chủ trương triệt tiêu tôn giáo của nhà đương quyền, tôi nghĩ không ai có thể chống cự nổi. Những Độc Giảng Đường còn sót lại, có lẽ do sự sắp xếp của các đảng vô hình sẽ làm chứng cứ để đến lúc nào đó tố cáo tội ác của biến cố chính trị sau năm 1975.

Xưa, ngay như xã Kiến An của chúng tôi có tới 15 ấp, tính từ doi lộ lở ngang sông Thánh Địa Hòa Hảo xuống tới Mương Ấp Sủ. Ban Trị Sự xã là riêng, còn

15 ấp trong xã, ấp nào cũng có thành lập Ban Trị Sự và cơ sở để tín đồ đến sinh hoạt giáo sự, bàn bạc cách làm phát triển PGHH địa phương nhà. Hội Quán nào cũng có theo một bên là phòng đọc giảng gọi là Độc Giảng Đường chuyên để phát thanh giáo lý PGHH, công việc này sẽ do ông Trưởng hoặc Phó ban Phổ Thông Giáo Lý đảm trách. Mỗi tháng 4 ngày cứ vào ngày 14, ngày rằm, hăm chín, ba mươi mấy ông này hợp tác với ban Độc giảng viên đến công tác Phật Sự.

Chỗ tôi ở hiện giờ, xưa là một cánh đồng vắng tanh không nhà, tôi phải từ gần chợ Thuận Giang vô làm rẫy. Vào đồng lúc sáng sớm là đã quên hôm nay là ngày rằm hay ba mươi nhưng sau này nhờ có Độc Giảng Đường thì quên không được.

Mỗi Độc Giảng Đường theo bản thiết kế từ trên đưa xuống, lớn nhỏ cao thấp là tùy vào túi tiền của địa phương nhưng kiểu mẫu thì gần giống nhau. Có những Độc Giảng Đường cao lớn, chiều cao có thể vượt khỏi các đọt cây già. Trên chót tháp Độc Giảng Đường có treo hai cái loa hình bông bí, cái day vô cái day ra. Tầng dưới là nơi đọc giảng phát lên loa với vận tốc âm thanh xa hai cây số còn nghe, bà con trong ấp dư sức mà học thuộc để lòng. Chỗ đất rẫy tôi làm, địa hình là khu tam giác, chịu nghe ba hướng phóng thanh của ba Độc Giảng Đường của ba Ban trị sự: Ấp Kiến Hòa Thượng, Ấp Kiến Bình, và một ấp của xã Mỹ Hội Đông giáp ấp Kiến Hòa Thượng xã Kiến An.

Hội Quán là nơi để Trị sự viên các ban ngành nhóm họp mỗi tháng hai lần, trình báo công tác đã làm xong, nhận công tác mới và hâm nóng đạo tình. Xét rằng hâm nóng đạo tình rất là hay, làm đạo mà cơm ai nấy ăn, nhà ai nấy ở, chết ai nấy chịu thì còn gì là đạo cả. Người tu nếu thiếu tiếp cận với bạn đồng hành, trên

đường về Tây Phương nếu chậm chạp quá cũng không hay, hoặc bị danh lợi tình, tham sân si níu đứng chững mãi cũng không biết, tu lâu tưởng đã đi xa thế tục, sắp tới Lạc bang. Nào ngờ đi lâu mà kiêu giậm chân tại chỗ, già sắp mất mạng mà chưa tới đất Phật, vẫn nằm chết trên đất chúng sanh.

Ngoài mỗi tháng họp hai lần lại có trường họp họp đột xuất. Ví như có căn nhà ai đó bị gió giông làm sập đổ hay tốc mái; một gia đình nghèo mà gặp lúc vớ đề, con đau đã hết sức xoay trở; hoặc bão lụt miền này xứ nọ... có yêu cầu khẩn thiết kêu gọi sự cứu trợ thì vị Hội Trưởng của Ban Trị Sự cho Thơ ký viết Thư mời họp cấp tốc, đưa ra vụ việc đáng thương để sau cùng đi đến quyết định lạc quyền hoặc có khi các Trị sự viên rút tiền nóng từ trong túi mình cứu trợ.

Gần 40 mươi năm qua vì gặp hoàn cảnh khó mà dẫu xưa không theo được, tiếng đọc giảng phát đi từ các loa phóng thanh đã không còn réo kêu người đời thức tỉnh. Người ta diễn lý Tự do tôn giáo và Tự do không tôn giáo tức ai tu được là tu không thì thôi, đi khuyên ai tu tức đã vi phạm vào quyền Tự do không tôn giáo của người đó. Nếu một nhà nước thật tâm thì hiến pháp để “Tự do tôn giáo” là đủ biết ai cũng có quyền tự do không tôn giáo, đâu cần phải để “quyền tự do không tôn giáo” chi cho dư, chỉ là giăng bẫy để bắt những tín đồ nặng lòng vì đạo muốn truyền bá đạo cứu đời.....

Hội Quán các nơi bị triệt hạ hoàn toàn chỉ trong một thời gian ngắn sau 1975, còn Độc Giảng Đường thì chậm hơn và cho đến thời điểm này cũng chưa bị tiêu diệt hết, vẫn còn sót lại một số ít nhưng không cho hoạt động. Ta thử hỏi, tại sao có sự đối đãi Độc Giảng Đường dễ hơn các Hội Quán?

Nhà đương quyền có chủ trương tiêu diệt PGHH là không chừa sót bất cứ tài sản hay chương trình gì, nhưng Hội Quán xưa ở vùng quê phần nhiều cất bằng gỗ còn Độc Giảng Đường luôn luôn được xây cất bằng bê tông cốt thép, chuyện phá dỡ khó hơn mà lợi thì không nhiều, do đó họ thiếu cương quyết. Ở một tầm nhìn khác, Hội Quán với đất đai rộng, không gian của Hội Quán lấy cất một hai hoặc năm ba cái nhà, chẳng hạn như Hội Quán của Ban Trị Sự tỉnh An Giang gồm có một Chánh điện, một Hội trường, một phòng khách, nhà nấu ăn... gian nào cũng khá rộng, chụp vô đây làm cơ sở là sướng rân, không thì lấy mà bán cho người ta cất nhà, biết bao nhiêu lợi mà kể.

PGHH cũng có một trường đại học gọi là “Viện Đại Học Hòa Hảo” tại thành phố Long Xuyên, An Giang. Còn nói về cơ sở của Ban Trị Sự Trung ương tại Thánh Địa Hòa Hảo và rất nhiều cơ sở khác mà cơ sở nào cũng lớn, đều bị lấy đi trong tích tắc. Riêng về Độc Giảng Đường chỉ có chiều cao, ít đất, đập bỏ ra thì khoảng đất ấy không làm được gì. Thêm nữa, nếu nói về mặt thiêng liêng, địa vị Hội Quán không cao hơn địa vị Độc Giảng Đường, vì Hội Quán người ta vô ý còn có thể đem chuyện thế sự ra bàn bạc hoặc nói chuyện vui chơi, trong khi Độc Giảng Đường chuyên môn phổ thông Chánh pháp PGHH. Phá Hội Quán người ta ớn hơi chứ cũng rần mà làm được việc còn biểu phá Độc Giảng Đường thì là việc nặng, giống như việc phá Chùa, người ta ớn thiệt, không dám đụng tay vào. Tôi nghe có một số kẻ hung ác, miệng mồm độc địa, phách lối hỗn xược với các đảng thiêng liêng đã bị trừng phạt. Chỉ địa phương nào có một vài tên ẩu tả, chẳng kể tội phước là gì và đầu óc họ cũng dính líu với nhà đương quyền mới dám làm càn.

Lễ này cũng như bao nhiêu lễ qua, từ năm 1975 đến 1999 khi nhà đương quyền còn hăng độ muốn tiêu diệt PGHH, tin đồ nào cũng ở miết tại nhà không dám rục rịch, điều này bỏ qua không tính. Tuy nhiên, từ năm 1999 đến giờ, nhà đương quyền đã lên tiếng cho PGHH tái phục hoạt. Nhưng **Phục hoạt mà không cho phục nguyên, phục quyền** Tự do Tôn giáo bằng những gì trước năm 1975 PGHH đã có và cho đến bây giờ, thì chữ **Phục hoạt** chẳng có giá trị gì. Chính cá nhân tôi vẫn bị cấm đi dự Lễ đạo ở bất cứ nơi nào.

Vài hôm lại đây, tôi thấy công an thấp thoáng trước đường nhà, có dấu hiệu cấm cản tôi đi lại hay không cho khách đến thăm. Tôi hết một đôi lần đi ra bị đương quyền ve vãn và chặn đuổi lại. Nhiều năm qua tôi không định đi mà đương quyền thì quen chuyện canh gác, mùa Lễ nào cũng tới trước vài ngày đặt trạm giữ để cố tình giải thích với nhân dân trong nước và quốc tế rằng: Tự do tôn giáo của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa là thế đấy./.

Kiều Lê (16/01/2015)



Trước năm 1975, PGHH có khoảng 468 Độc Giảng Đường khang trang như thế này. Nay còn đâu ?



TỊNH ĐỘ VĨNG SANH

(Phần II)

Đàm Liên Tịnh Giả

CÁC KINH TỊNH ĐỘ

Tịnh Độ là học phái thuộc Đại Thừa Phật Giáo và cũng là một pháp tu rất phổ cập nên các Kinh điển đều có chép. Nhưng đặc biệt hơn hết là Kinh “*Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ*” và “*Phật Thuyết A Di Đà Kinh*”. Ba Kinh này được coi là căn cốt của Tịnh Độ, các bậc cổ đức dùng làm cơ bản thành lập Liên Tông.

1. KINH VÔ LƯỢNG THỌ:

Kinh này Phật thuyết tại núi Kỳ Xà Quật gần thành Vương Xá (*Kinh đô nước Ma Già Đà trung Ấn Độ*).

Thánh hội Vô Lượng Thọ, thánh chúng tham dự gồm có một muôn hai ngàn người, trong đó toàn là những bậc thần thông tự tại.

Nội dung thời Kinh này đức Thích Tôn giảng nói đại hạnh, 48 lời đại nguyện của Ngài Pháp Tạng Tỳ Kheo, xác nhận Ngài Pháp Tạng đã thành Phật trải qua mười kiếp hiệu là Vô Lượng Thọ Phật (Phật A Di Đà) đồng thời đức Phật giảng nói về y báo, chánh báo, ba cõi vãng sanh ở hội liên trì Tây Phương Cực Lạc. Sau cùng đức Phật phú chúc cho Ngài A Nan, Ngài Di Lặc và các vị Bồ Tát bảo hộ và lưu thông.

2. KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ:

Kinh này đức Phật thuyết tại cung vua Tần Bà Ta La, thành Vương Xá.

Nội dung đức Như Lai chỉ dạy bà Hoàng Thái Hậu Vi Đề Hi và đại chúng tu ba món phước đức (1) và mười sáu phép quán (2) cầu sanh Cực Lạc thế giới. Kết thúc thời Kinh này đức Phật phú chúc cho Ngài A Nan, Mục Kiền Liên và Vi Đề Hi phụng trì và quảng bá.

3. - KINH A DI ĐÀ.

Kinh này đức Phật thuyết tại Kỳ Hoàn Tịnh Xá, vườn ông Cấp Cô Độc, nước Xá Vệ dưới sự tham dự

(1) Ba món phước đức: 1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, giữ lòng Từ Bi, không giết hại, tu 10 nghiệp lành. 2. Thọ trì tam quy, giữ vẹn các giới, đừng làm phạm oai nghi. 3. Phát lòng Bồ Đề, tin sâu lý nhân quả, đọc tụng Kinh Đại Thừa, khuyến tấn người tu hành.

(2) Mười sáu pháp quán là: 1. Nhứt Quán, 2. Thủy Quán, 3. Bảo Địa Quán, 4. Bảo Thọ Quán, 5. Bảo Trì Quán, 6. Tổng Tưởng Quán, 7. Hoa Tòa Quán, 8. Tượng Quán, 9. Phật Thân Quán, 10. Quán Thế Âm Quán, 11. Đại Thế Chí Quán, 12. Tự Vãng Sanh Quán, 13. Tạp Tưởng Quán, 14. Thượng Phẩm Sanh Quán, 15. Trung Phẩm Sanh Quán, 16. Hạ Phẩm Sanh Quán.

của hai ngàn năm trăm (2.500) vị tỳ kheo toàn là bậc đại A La Hán và các vị đại Bồ Tát, cùng vô lượng chư Thiên Nhưn đông đủ.

Nội dung đức Phật giới thiệu cõi Cực Lạc trang nghiêm, giảng nói công đức của đức Phật A Di Đà và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí Bồ Tát, để gây cho chúng sanh một đức tin vững chắc về Tịnh Độ. Đồng thời Ngài khuyên chấp trì danh hiệu của đức Phật A Di Đà, hồi hướng phát nguyện cầu sanh Cực Lạc thế giới. Sau cùng đức Phật cho biết trong sáu phương chư Phật đều tán thán Kinh này và khuyến tấn chúng sanh phụng hành Tịnh Độ.

Có người trọng **“Hoa Nghiêm”** mà không trọng Tịnh Độ, cho Tịnh Độ là quyền thuyết. Người ta không hiểu rằng **”ba Kinh Tịnh Độ”** là quyển thuộc của **“Hoa Nghiêm”**, bởi Kinh **”Hoa Nghiêm”** có nói về Tịnh Độ, đồng nghĩa với **“Tam Kinh”**. Nguồn suối Tịnh Độ tức đổ về biển pháp **“Hoa Nghiêm”** nên tu Tịnh Độ tuy không nói đến **“Hoa Nghiêm”**, nhưng cũng chính là tu Hoa Nghiêm vậy.

Ba Kinh Tịnh Độ phát xuất từ kim khẩu đức Phật, sau khi Phật diệt độ được các Ngài A Nan, Di Lặc, Văn Thù, cùng các vị đại Bồ Tát, đại tỳ kheo kiết tập tại núi Thiết Vi, các Kinh điển khác cũng kiết tập trong lúc ấy và đồng thời được truyền bá khắp trong nhân gian.

ẢNH HƯỞNG TỊNH ĐỘ

Ảnh hưởng của Tịnh Độ Tông thật mạnh và bền, dù đã trải qua mấy ngàn năm mà vẫn còn sáng tỏ. Từ khi đức Phật khai thị đến nay, ảnh hưởng của Tịnh Độ ta có thể chia làm ba thời kỳ.

1. THỜI KỲ ĐỨC PHẬT

Pháp môn Tịnh Độ rộng rãi bao la, cao thâm vô tận ví như trời che đất chở, độ khắp chúng hữu tình lợi độn, cạn sâu đồng vào *"Như Lai Tri Kiến"*. Một pháp môn thường được gọi là đặc thắng hơn hết, nên đức Như Lai vừa giới thiệu thì được mọi người trong các giới hưởng ứng nhiệt liệt. Các thắng hội Tịnh Độ, ngoài hai trăm năm mươi (250) vị tỳ kheo mộ pháp, còn có đến vô lượng Bồ Tát, vô lượng trời người tham dự và tất cả đều được khai ngộ vào hàng Thánh quả, hoặc vãng sanh.

Ba thời pháp đặc biệt Phật thuyết tại núi Kỳ Xà Quật, cung vua Tần Bà Ta La và Kỳ Hoàn Tịnh Xá gây được ảnh hưởng vô lượng chúng sanh. Các thời giảng khác được chép rải rác trong các Kinh, đức Phật nhiếp độ chúng sanh cũng chẳng ít.

- Kinh Bửu Tích - Đức Bổn Sư nói với phụ vương của Ngài: *"Tất cả chúng sanh đều là Phật. Phụ vương nên niệm Tây Phương thế giới A Di Đà Phật thường siêng tinh tấn tu sẽ được thành Phật"*. Bây giờ phụ vương của Ngài cùng bảy vạn người dòng họ Thích, nghe Phật giảng tin hiểu vui mừng ngộ vô sanh nhẫn. Đức Phật mỉm cười mà nói Kệ

rằng:

***“Họ Thích có trí quyết định
Thế nên ở nơi Phật pháp
Quyết định tin, tâm an trụ
Sau khi bỏ thân người đây,
Được sanh về nước An Lạc (Cực Lạc)
Gần gũi Phật A Di Đà
Chúng vô úy thành Bồ Đề”.***

- Kinh Hoa Nghiêm – Ngài Thiện Tài đồng tử đi tham học năm mươi ba vị thiện tri thức đã chứng đặng địa vị Đẳng Giác Bồ Tát. Bây giờ Ngài Phổ Hiền Bồ Tát khuyên Thiện Tài và các vị Bồ Tát hồi hướng phát nguyện vãng sanh về cảnh giới Cực Lạc, để được mau thành Phật. Liên đó, Thiện Tài cùng với bốn mươi một vị Bồ Tát hồi hướng phát nguyện vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà.

- Thập Trụ Đoạn Kết Kinh - Bây giờ trong pháp hội có bốn ức chúng, tự biết rằng chết đây sanh kia, đây dựa không dứt, chính ái dục là nguồn cội của sanh tử nên muốn sanh về cõi không ái dục. Đức Phật Thích Ca bảo: ***“Cách đây về Tây Phương có Phật hiệu là Vô Lượng Thọ, cõi ấy thanh tịnh không có dâm, nộ, si; Liên Hoa hóa sanh không có bào thai của mẹ, các ông nên cầu sanh”.*** Khi ấy, bốn ức trong chúng hội nghe Phật dạy đồng phát tâm hồi hướng cầu sanh về cõi Cực Lạc của đức Phật Vô Lượng Thọ.

Chư Bồ Tát như Phổ Hiền, Văn Thù, Di Lặc

v.v... đều hướng về Tịnh Độ và hoằng truyền pháp môn này trong đại chúng.

Tóm lại, trong suốt bốn mươi chín năm đức Như Lai hoằng pháp lợi sanh, pháp môn Tịnh Độ được thính chúng lưu ý hơn hết và ảnh hưởng mạnh nhất.

2. THỜI KỲ SAU PHẬT

Ta đã hiểu ảnh hưởng của Tịnh Độ trong thời kỳ đức Phật trụ thế được ưu thắng như đã trình bày. Bây giờ ta thử tìm xem sau khi Phật nhập diệt, ảnh hưởng của Tịnh Độ ra sao? Có ai tiếp nối hoằng dương pháp môn siêu thượng này chăng?

Theo các tài liệu căn bản của Liên Tông. Sau khi đức Như Lai diệt độ, pháp môn Tịnh Độ càng lúc càng được thịnh hành hơn thời đức Phật còn trụ thế. Bởi lẽ, khi đã xa cách đấng cứu thế, các môn đệ quá đổi đau xót, nhớ nhung Ngài! Người ta tự nghĩ rằng phẩm cách của một bậc giác ngộ vĩ đại như đức Thích Tôn, chẳng lẽ phải mất đi mau lẹ thế! Từ tâm tưởng ấy, rồi người ta ước ao gặp lại Ngài, người ta tin rằng Ngài bao giờ cũng còn mãi mãi với họ, và giáo pháp của Ngài sẽ là ánh sáng đưa họ đến gặp lại Ngài. Bây giờ trong các giới Phật tử người ta dồn hết năng lực cho việc tu chứng, ngày đêm thành khẩn tịnh niệm, tha thiết cầu sanh, hầu được diện kiến đấng chí tôn mà họ hằng trông nhớ. Vì lúc bình nhật đức Phật đã long trọng tuyên bố với họ, Ngài đã từng an trụ trong cõi Cực Lạc từ lâu kiếp đến nay.

Mặc khác các vị Bồ Tát, các vị Tổ Sư nối tiếp nhau cực lực hoằng truyền giáo pháp của đức Phật trong đại chúng. Đạo Phật xuất phát từ Ấn Độ, rồi từ đây ánh đạo vàng được lan tỏa khắp mọi nơi. Từ những miền Tây Bá Lợi Á lạnh lẽo xa xôi tới các nước văn minh tân tiến, khắp cả hoàn cầu không đâu chẳng thấm nhuần ít nhiều giáo lý cao siêu của đức Phật. Đầu tiên Ngài Ma Ha Ca Diếp thừa kế đức Phật cầm đầu giáo hội hoằng pháp lợi sanh, Ngài là vị tổ sư. Sau Ca Diếp, Ngài A Nan lập ngôi tổ thứ nhì. Rồi từ đó tổ tổ tương truyền đến Ngài Bồ Đề Đạt Ma là tổ thứ hai mươi tám của Tây Thiên Trúc (Ấn Độ). Trong hai mươi tám vị tổ Ấn Độ nối truyền chánh pháp Như Lai, có những vị nhiệt liệt tán dương, hoằng truyền lập được công lao kỳ đặc đối với pháp môn Tịnh Độ như:

A) Tổ thứ 12 là Ngài Mã Minh Bồ Tát tạo ra bộ **“Đại Thừa Khởi Tín Luận”** để kiến lập các môn phương tiện vãng sanh Tịnh Độ bất thối.

B) Tổ thứ 14 là Long Thọ Bồ Tát tạo ra bộ **“Hoa Nghiêm Trụ Trì Bà Sa Luận”** thuật rõ cái bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, để khuyên chúng sanh hãy cầu vãng sanh về nước Cực Lạc. Ngài lại tạo quyển **“Thập Nhị Lẽ Luận”** giúp về hành nghi vãng sanh.

C) Tổ thứ 21 là Ngài Thiên Thân Bồ Tát tạo ra sách **“Tịnh Độ Luận”** mở bày môn ngũ niệm chỉ rõ nghĩa Tam Kinh. Đây là bộ sách trọng yếu kiến lập cơ sở cho Tịnh Độ Tông.

Ngài Mã Minh, Ngài Long Thọ, Ngài Thiên Thân toàn là bậc Bồ Tát bên Tây Vực, mà cũng đều là tổ của Tịnh Độ Tông cả. Ngoài các vị Bồ Tát trên đây còn có vô số các vị Bồ Tát khác truyền bá Tịnh Độ, có vị tùy duyên nên lập Tông khác nhưng kết cuộc cũng đem về một nẻo Tịnh Độ viên đốn, một phương tiện đặc biệt cho chúng sanh nương tựa, để sớm được vào địa vị Như Lai. Bởi chúng sanh tam giới, Thánh quả ba đường muốn mau thành Chánh Giác, cũng phải nương tựa pháp môn này.

Từ đây Tịnh Độ bắt đầu chuyển mạch tỏa khắp mọi nơi, sự ảnh hưởng nói trên càng lúc càng thêm lớn mạnh. Trong các nước khắp địa cầu, nơi nào cũng có ảnh hưởng pháp môn Tịnh Độ, đặc biệt hơn hết là ở Trung Hoa, bởi dân tộc này có rất nhiều bậc Thánh tăng xuất hiện, phần lớn các Ngài truyền bá về Tịnh Độ Tông. Chư tổ từ khi biệt lập Liên Tông, sự tổ chức truyền bá được chặt chẽ và ảnh hưởng cũng có phần sâu rộng hơn.

Khởi đầu là Ngài Huệ Viễn Đại Sư đời Đông Tấn(thế kỷ thứ 7), Đại Sư cu hội 123 vị tăng tục thành lập hội **Bạch Liên Xã** tại núi Lô Sơn, tỉnh Giang Tây, thiết nguyện đồng tu tịnh nghiệp. Trong hội **Bạch Liên Xã** có rất nhiều người được kết quả vãng sanh, ấn chứng tỏ tường, khiến những kẻ đồng hội cùng các giới Phật tử đương thời càng thêm phấn khởi đức tin về Tịnh Độ.

Đồng thời với công hạnh diễn giải Phật pháp Tịnh Độ Tông. Huệ Viễn còn sáng tác tập “**Lô Sơn**”

truyền bá, để cho chúng sanh được thừa hưởng pháp vị cao siêu của Phật. Chính Ngài là vị sơ tổ Tịnh Độ Tông Trung Quốc, nhờ Ngài mà Tịnh Độ Tông xứ này rất được hưng thịnh và gây ảnh hưởng rất lớn cho các nước chung quanh.

Thừa kế Ngài Huệ Viễn là Ngài Thiện Đạo Đại Sư, rồi đến Thừa Viễn Đại Sư, Pháp Chiếu Đại Sư, Thiếu Khương Đại Sư, Vĩnh Minh Đại Sư, Tĩnh Thường Đại Sư, Liên Trì Đại Sư, Ngẫu Ích Đại Sư, Triệu Lưu Đại Sư, Tĩnh Am Đại Sư, Triệt Ngộ Đại Sư, Ấn Quang Đại Sư.

Ngài Ấn Quang là tổ thứ 13 của Liên Tông, từ đây về sau không thấy sử chép chư sư kế truyền.

Từ Huệ Viễn đến Ấn Quang, các vị Đại Sư này luân lưu tiếp nối, cực lực truyền bá Tịnh Độ, làm cho Liên Tông Trung Quốc được phát triển thật mạnh và bền trải qua nhiều thế kỷ.

Ngoài các vị Tổ Sư ấy, Trung Hoa có rất nhiều Đại Sư danh đức như: Đạo An Pháp Sư, Đàm Loan Đại Sư, Đạo Xước Đại Sư, Hoài Cảm Đại Sư, Tuần Thức Đại Sư, Từ Giác Đại Sư, Từ Chiếu Đại Sư, Hữu Nghiêm Đại Sư, Ưu Đàm Đại Sư, Thiên Như Đại Sư, Diệu Hiệp Đại Sư, Không Cốc Đại Sư, Tông Bổn Đại Sư, Từ Bá Đại Sư, Hám Sơn Đại Sư, Đạo Khái Đại Sư, Ngộ Khai Đại Sư, Diệu Không Đại Sư, Hoàng Nhứt Đại Sư.

Các Đại Sư này tuy không phải là Tổ kế truyền Liên Tông, nhưng quý Ngài là trụ cột của tòa lâu đài Tịnh Độ, chính do sự truyền bá của các Ngài

mà Tịnh Độ Trung Hoa vô cùng rực rỡ.

Mười ba vị tổ sư có truyền tông cùng các Đại Sư vừa kê cứu, song song với công hạnh diễn giảng Phật pháp cho tăng, ni cùng đại chúng, các Ngài còn tạo ra nhiều bộ luận rất quý giá để lưu truyền Tịnh Độ.

Sự hưng thịnh của Tịnh Độ bấy giờ làm cho các giáo môn khác lần lần chuyển hướng, những tu viện tu tập công án được thay vào bằng trì tụng hồng danh, các sơn tăng “*Chỉ Quán*” cũng thiết nguyện vãng sanh; Luật, Mật v.v... cũng đồng qui hướng Tịnh Độ.

Nhật Bản ảnh hưởng Tịnh Độ cũng rất mạnh, Tông này ở đây được coi là thời Tông. Khoảng thế kỷ thứ 12, Tịnh Độ được lập Tông tại nước Nhật, người có công đầu tiên là Pháp Nhiên Đại Sư, từ đây Tịnh Độ xứ này truyền bá một cách qui cũ, nhờ đó mà sự phát đạt của Tịnh Độ ở đất phù tang hết sức mạnh mẽ. Bạch Ẩn, một thiền sư đầu tiên của phái Lâm Tế đất Nhật, Ngài phải dùng tiền mướn đệ tử mình niệm Phật cầu sanh. Nhật biến thượng nhưn cũng là một thiền sư nổi tiếng về tu công án ở Nhật, lúc sắp thị tịch Ngài dạy môn đệ của Ngài đem tất cả các sách của Ngài sáng tác nói về thiền đốt hết. Ngài bảo với môn đệ: “*Cái đáng được lưu lại hậu thế, chỉ có vắn vụn sáu chữ NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT và chỉ có bao nhiêu đó thôi...!*”

Các thiền sư cự phách còn phải qui hướng theo Tịnh Độ, thì đủ biết Tịnh Độ ở Nhật ảnh hưởng sâu

rộng là như thế nào.

Dân tộc Việt Nam tiếp nhận nguồn chánh pháp Phật Đà rất sớm, từ cuối thế kỷ thứ hai sau Tây Lịch được các sứ giả truyền sang. Rồi từ đây đất nước ta liên tiếp nhận thêm giáo pháp của đức Như Lai hoặc Ấn, hoặc Hoa mang đến. Tịnh Độ cũng được ảnh hưởng đồng thời như các giáo môn khác, nhưng vì Tịnh Độ ở Việt Nam không có thành lập Tông phái riêng nên Tịnh Độ đất nước ta không có được sắc thái đặc biệt như Tịnh Độ Trung Hoa. Tuy Tịnh Độ Việt Nam không được khởi sắc như Tịnh Độ Tàu, nhưng ảnh hưởng cũng rất sâu rộng, có thể nói trong các giới Phật tử ở đây đa số là cầu sanh Lạc Quốc.

Thiền Lâm Tế được coi là ảnh hưởng mạnh nhất ở Việt Nam, đến Liễu Quán (thế kỷ thứ 18) thiền còn giữ dạng sắc thái của mình, từ Liễu Quán về sau thiền Lâm Tế hoàn toàn đồng hóa Tịnh Độ. Hình thức truyền phái thì Thiền Lâm Tế, nhưng sự tu tập hầu hết đều hành trì Tịnh Độ vãng sanh.

3.- THỜI KỲ CẬN ĐẠI

Cứ như thế Tịnh Độ càng lúc càng được phát triển mạnh hơn, trong thời cận đại Tịnh Độ coi như đứng vào hàng độc tôn, đã đến lúc các giáo môn khác phải nhường đất cho Tịnh Độ trồng tủa. Từ thế kỷ 19, tại Việt Nam bởi ảnh hưởng Tông phái Bửu Sơn Kỳ Hương do Phật Thầy Tây An khai sáng mà Tịnh Độ ở đây lại thêm lớn mạnh. Rồi đến thế kỷ 20, thêm một luồng tư tưởng Tịnh Độ thật mạnh bồi thêm, làm cho Tịnh Độ đất nước ta vô cùng hưng

thịnh. Luồng tư tưởng Tịnh Độ thật mạnh chúng tôi nói đó, chính là khối quần chúng Phật Giáo Hòa Hảo non năm triệu người do đức Huỳnh Giáo Chủ khai sáng.

Cũng như các bậc cứu thế, đức Huỳnh Giáo Chủ chỉ vì chúng sanh Ngài lâm phạm để đem ánh Đạo vàng truyền khai cho các chúng hữu tình, hầu giác ngộ trần gian đồng sang về bốn giác. Như đã nói:

***“Ta thừa vừng sắc lệnh Thế Tôn,
Khấp hạ giải truyền khai Đạo pháp.”***

(Diệu Pháp Quang Minh)

Hoặc:

***“Dù nhơn sanh khởi chốn mê lầm,
Bờ giác ngạn kiên tâm lần bước tới.”***

Hoàn mãn hạnh nguyện của Đức Giáo Chủ là bao giờ không còn một chúng sanh trầm luân trong biển khổ, đến chừng đó thì Ngài mới yên vui nơi cõi Tịnh. Như đã nói:

***“Bể trầm luân khô cạn sáu đàng,
Tặng sĩ mới trở về nơi thanh tịnh.”***

(Trao Lời Cùng Ông Táo)

Là cổ Phật lâm phạm, đức Kim Sơn Giáo Chủ vốn đã mật khải được cơ cảm chúng sanh, Ngài đưa ra pháp môn rất phù hợp với thời tiết, vừa giới thiệu là được mọi người hưởng ứng nhiệt liệt. Từ khai đạo (1939) đến vắng mặt (1947) chỉ trong thời gian ấy, Ngài qui nạp con số tín đồ hai triệu, rồi lần đến non năm triệu người. Phương pháp mà đức Kim Sơn dùng

cảm hóa như sanh được thích ứng, con số tín đồ của Ngài vĩ đại như ngày hôm nay, chính là Tịnh Độ vắng sanh vậy. Trong “Kệ Dân” Ngài viết:

***“Nghe Diên dạy sau này thời thanh,
Đây chỉ đường Cực Lạc vắng sanh.”***

Và “***Sám Giảng Khuyên Người Đòi Tu Niệm***” cũng bảo:

***“Có người tu niệm đáng thương,
Diên mới chỉ đường Tịnh Độ vắng sanh.”***

Bởi “***Tùy phong hóa dân sanh phù hợp***” nên trong Giáo Lý Phật Giáo Hòa Hảo, Đức Giáo Chủ đưa ra có nhiều phương tiện pháp, nhưng chung qui cũng chỉ hướng về một nẻo vắng sanh Cực Lạc mà thôi. Các hạnh như Bố Thí, Trì Giới, Hành Thiện, Quán Tưởng... chính là tăng thượng duyên, tức trợ hạnh cho Tịnh Độ vắng sanh, Tịnh Độ vắng sanh là chánh hạnh tu hành.

Theo Đức Giáo Chủ, thời cùng mạt này chỉ có môn Tịnh Độ mới cứu được chúng sanh rất ráo. Như đã viết:

***“Môn Tịnh Độ là phương cứu cánh,
Rán phụng hành kẻ phụ Phật xưa.”***

Hầu hết trong tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo đều có một khuynh hướng Tịnh Độ, dù cho tu pháp nào cũng hồi hướng cầu sanh Lạc Quốc. Khi đọc các bài nguyện trong hai thời khóa lễ sớm và chiều, hoặc bầy Kinh siêu độ ta sẽ thấy đều này tỏ rõ.

Chẳng hạn khi người tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo cầu nguyện cho một người chết, tức phải đọc

bài nguyện này: “*Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật*”(3 lần) và “*Nam Mô A Di Đà Phật*”(3 lần) vái: “*Phật Tổ, Phật Thầy, nay mình thành tâm cầu nguyện cho tên.....(tên người chết) nhờ ơn đức Phật Từ Bi cứu độ vong linh được thoát chốn mê đồ, vãng sanh miền Cực Lạc!*”.

Tóm lại, khối tín đồ mấy triệu của Phật Giáo Hòa Hảo thuần tu Tịnh Độ, gây ảnh hưởng mà Tịnh Độ ở nước ta được đứng vào hàng độc nhất trong hiện tại.

Nhìn chung ta thấy, la bàn thế giới trong buổi cùng cơ tận pháp của lịch sử nhân loại, Tịnh Độ đang có một trách nhiệm giải thoát chúng sanh rất quan trọng, vì chỉ có một phương tiện này đưa chúng sanh đến Phật quả, ngoài ra thì không còn một con đường nào khác cả!

Huỳnh Phật Sư đã trao cho thế hệ chúng ta một con đường duy nhất, một pháp tu đặc biệt mau được giải thoát thành Phật là, chuyên tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc Quốc của Đức Phật A Di Đà.

CHƯƠNG HAI **CỰC LẠC THẾ GIỚI**

*Lời Phật thuyết ta xin nhắc lại,
Ta Bà khổ, Ta Bà lắm khổ.
Có bao người xét cho tốt chỗ,
Tịnh Độ vui, Tịnh Độ nhàn vui.
Cảnh thanh minh sen báu nặc mùi,*

Nào ai rõ cái vui triệt đáo.

Lời của Kim Sơn Phật

(Khuyến Thiện)

1

DANH HIỆU BỔN QUỐC

Bổn Quốc của đức Phật A Di Đà có nhiều danh hiệu: Cực Lạc, Liên Bang, Thanh Lương, An Dưỡng Quốc. Riêng về danh hiệu Tịnh Độ hay Cực Lạc thường được thông dụng hơn hết. Ở đây ta cần hiểu hai danh hiệu thường dùng ấy.

1. Sao gọi là Tịnh Độ?

Tịnh là thanh tịnh, là trong sạch, là không ô nhiễm. Tịnh tức là đối lại tạp, nhiễm. Độ nghĩa là cõi nước, thế giới địa phương.

Nói chung, Tịnh Độ nghĩa là cõi nước trong sạch, thanh tịnh, vui đẹp và thường còn của đức Phật A Di Đà.

Cõi Tịnh Độ của đức Phật A Di Đà, lẽ tất phải có những yếu tố siêu thoát về chánh báo và y báo như sau:

A.- Về Chánh Báo

- 1.- An Lạc vô biên, không bị khổ nạn.
- 2.- Thọ mạng dài lâu đồng với chư Phật.
- 3.- Thân tướng đẹp đẽ đủ các oai nghi.
- 4.- Tinh thần bình đẳng, không phân nhân ngã.
- 5.- Tâm tánh hòa nhã đời sống cao thượng.
- 6.- Đạo tâm phấn khởi, chẳng niệm thối lui.
- 7.- Liên Hoa hóa sanh, không thân dâm dục.

8.- Sức khỏe đồng nhau, không phân già trẻ, mạnh yếu.

9.- Thường sống thanh tịnh, chẳng bị trước nhiệm.

10.- Trí tuệ sáng suốt, khỏi vướng vô minh.

11.- Vô sanh bất thối, dứt nẻo luân hồi.

12.- Thần thông tự tại, không bị ràng buộc.

B.- VỀ Y BÁO

1.- Mặt đất bằng phẳng toàn bằng châu ngọc trong sáng, không có gò nong, khe rạch, thung lũng, trước như.

2.- Thường được an hòa, không bị thiên tai, thủy ách.

3.- Cảnh thường quang đấng, không đợi có mặt trăng, mặt trời như cõi Ta Bà mới đặng ánh sáng.

4.- Đồ dùng luôn luôn mới, đẹp theo ý, không bị hư dơ.

5.- Cảnh vật xinh tươi, cây hoa xinh xắn, lầu gác mỹ lệ, khỏi phải nhọc công xây cất mà cảnh ấy tự hiện.

6.- Khí hậu mát mẽ điều hòa, không bị oi bức.

7.- Âm nhạc nhiệm mầu thường diễn tiếng pháp.

8.- Không có ác đạo, trừ Phật tự hiện các loài chim, để hằng diễn ra tiếng pháp vi diệu.

9.- Hồ nước trong thơm, ngon ngọt, cạn sâu theo ý muốn.

10.- Cảnh vật thù thắng tăng trưởng đạo tâm.

11.- Bảy báu tự thành tựu khỏi phải nhọc công

tạo tác.

12.- Bồ Đề tâm thường phấn khởi, trần lao phiền não chẳng còn.

13.- Không có nạn đói rách vì vật y thực tự hiện.

14.- Thường sống trong Chánh Giác, không bị tà ma, hoặc ngoại đạo nhiều hại.

Nhân dân cùng cảnh giới vui đẹp và trang nghiêm như thế nên gọi là Tịnh Độ.

Tịnh Độ vốn cõi giải thoát yên vui bất nhị, nhưng vì trình độ của chúng sanh có rộng hẹp, cạn sâu chẳng đồng, nên cổ đức mới phương tiện phân có nhiều cõi.

Nếu nhìn từ thô đến tế, ta có thể chia làm bốn cõi Tịnh Độ như sau:

1.- Thường Tịch Quang Tịnh Độ:

Thường nghĩa là không bị tan biến hư hoại, bản chất như như, tức là Pháp Thân của Phật. **Tịch** nghĩa là vắng lặng thanh tịnh, không sanh phiền não thuộc kiến tư hoặc, tức là đức giải thoát của Phật, **Quang** nghĩa là trí giác linh minh suốt thông lý sự vạn hữu, không bị vô minh hoặc và trần sa hoặc làm mờ ám, tức là Trí Bát Nhã của Phật.

Thường Tịch Quang thuộc cõi thượng thượng Tịnh Độ, cảnh giới này là nơi Pháp Thân Phật an trụ, cảnh giới **Thường Tịch Quang** nếu nói là thân thì Pháp Thân, còn nói là độ thì **Thường Tịch Quang Tịnh Độ**.

Hành giả trong lúc tu nhân nếu niệm Phật đến khi được nhất tâm dung thông lý sự, diệt tận bốn lớp

kiến hoặc, tư hoặc, vô minh hoặc, và trần sa hoặc, Định Huệ dung nhiếp, khi vãng sanh sẽ an trụ vào cảnh giới này.

2.- *Thật Bảo Trang Nghiêm Tịnh Độ:*

Đây là cảnh giới trang nghiêm chơn thật bởi chư Bồ Tát tích lũy công đức nhiều kiếp tu nhân tạo thành, nên gọi là **Thật Bảo Trang Nghiêm Tịnh Độ** cảnh giới Tịnh Độ này là chỗ của Báo Thân Phật an trụ. Hành giả tạo nhân niệm Phật cùng hành các hạnh đại thừa, nhờ công đức ấy nên cảm đặng cảnh giới trang nghiêm quý báu, nên gọi là **Thật Bảo Trang Nghiêm Tịnh Độ**. Theo Đại Thừa Phật Giáo, thì đây là cõi của từ Thập Địa cho đến Đẳng Giác Bồ Tát.

Lúc tu nhân, hành giả niệm Phật được nhất tâm lý sự, diệt được kiến hoặc, tư hoặc, trần sa hoặc, và phần nào vô minh hoặc, thì sẽ được vãng sanh vào cảnh giới **Thật Bảo Trang Nghiêm** này.

3.- *Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ*

Phương Tiện nghĩa là chưa rốt ráo, **Hữu Dư** nghĩa là còn sót hoặc nghiệp, đây là cảnh giới của hàng nhị thừa. Các vị trong quả Thanh Văn, Duyên Giác tuy đã diệt được kiến hoặc, tư hoặc vượt trên ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, nhưng còn dư lại hai lớp hoặc nữa là vô minh hoặc và trần sa hoặc nên gọi là **Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ**.

Hành giả niệm Phật được nhất tâm phần sự, diệt được hai hoặc của kiến tư, tức được vãng sanh vào cảnh giới **Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ**.

4.- Phàm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ

Phàm là nói chúng sanh trong bảy thú vừa được vãng sanh về đây, chúng sanh bên Cực Lạc gọi là **Thượng Thiện Nhơn, Thánh** tức là nói Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật. **Đồng Cư** nghĩa là cùng chung ở. Nếu nói là Tịnh Độ hay Cực Lạc và cõi ấy do đức Phật A Di Đà trang nghiêm bằng công đức, thì đâu thể nói có phàm ở trong đó, nhưng đây là ước lượng theo thế gian nên nói có phàm. Thực ra dấu cho chúng sanh trong ác đạo đi nữa, khi mà được vãng sanh về cõi Tịnh Độ đồng cư này, thì địa vị của kẻ ấy đồng với Bồ Tát Đệ Bát Địa trong cõi chúng ta đang ở.

Đây là cảnh giới đặc biệt thậm thâm, vi diệu bởi đức Phật A Di Đà dùng công đức trang nghiêm, để nhiếp hóa chúng sanh trong pháp giới. Lúc tu nhân nếu hành giả khởi một niềm tin Tịnh Độ cho thật vững chắc, phát nguyện vãng sanh tha thiết rồi cứ chuyên niệm hồng danh sáu chữ **Nam Mô A Di Đà Phật**, lúc mệnh chung không mất chánh niệm, tức sẽ được đức Từ Phụ Di Đà tiếp dẫn vãng sanh về cõi **Phàm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ** này.

2.- THẾ NÀO LÀ CỰC LẠC?

Cực Lạc nói cho đủ là **Cực Lạc Quốc** nghĩa là cõi nước thuần vui, không có khổ ác, cực kỳ xinh đẹp vượt trên các cõi trời. Cảnh giới vui đẹp ấy do đức Vô Lượng Quang Như Lai trang nghiêm bằng công đức.

Để định nghĩa cho cảnh giới Cực Lạc trong kỳ

viên đại hội, đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật nói với Ngài Xá Lợi Phất: “*Cõi đó vì sao gọi là Cực Lạc?*”, rồi đức Phật tự giải thích: “*Vì chúng sanh trong cõi ấy không khổ, chỉ hưởng thuần những sự vui, nên gọi là Cực Lạc*”.

Nếu là cõi Cực Lạc, tức phải có đủ những điều an lạc thanh tịnh. Theo sự phân tách các điều vui đẹp ở cõi Cực Lạc, có chia làm hai loại: Tam lạc và Bát lạc.

A.- Tam lạc:

1. Lạc trung lạc: Thân và độ đều thù thắng; thân nhẹ nhàng tươi đẹp, cõi xinh lịch, vật chất tinh thần đều được khương kiện.

2. Bất biến hoại lạc: Thân mạng thường còn, tuổi thọ như Phật, cõi nước không bị tiêu diệt.

3. Bất động trí lạc: Định Huệ dung nhiếp, chánh trí bất động..

B.- Bát lạc:

1. Sanh lạc: Liên Hoa hóa sanh xinh đẹp, thanh tịnh, không như thai bào thế gian toàn là nhơ nhớp.

2. Vô lão lạc: Thân mãi trẻ trung tươi tắn, không như trần tục lưng mỏi, gối dưng.

3. Vô bệnh lạc: Thường hằng khỏe mạnh, không như Ta Bà đau ốm, mãi rên than!

4. Vô tử lạc: Thọ mạng vô cùng, không như cõi tạm đầu xanh chôn chật đất.

5. Toại nguyện lạc: Y thực... các việc tự hiện tùy tiện dùng, không như trần tục chạy lo cơ khổ quá!

6. Vô ái biệt ly lạc: Thường làm bạn lành với

Bồ Tát, cùng là hải chúng ở Tây Phương, không như bạn ác chồn Ta Bà choảng, hại lẫn nhau, khổ sâu liên tiếp mãi!...

7. Vô oán tắng hội lạc: Bình đẳng Thượng Thiện Nhơn, tâm đầu cùng ý hiệp, không như người trần tục ghét nhau gặp mãi khổ lụy nhiều.

8. Vô ngũ ám thanh lạc: Thân tâm thường an trụ, thanh tịnh mãi chẳng rời, không như trần thế giàu nghèo lo mãi cũng chẳng xong.

Đầy đủ các sự vui như thế, nên gọi là Cực Lạc.

Không khổ nào bằng khổ sanh tử, không vui nào bằng vui giải thoát. Cái vui giải thoát ở Cực Lạc ấy mới vui dài lâu, hãy nên nhàm chán khổ sanh tử Ta Bà, cầu vãng sanh để được hưởng cái vui triệt đáo!

Chính thế, nên đức Kim Sơn Giáo Chủ ân cần dạy chúng:

***“Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc Quốc,
Hưởng công niệm Phật rất yên lành.”***

(Xin xem tiếp phần III trên Tinh Tấn số 26)





XUÂN THƠ HƯƠNG

Xuân này đến nữa đã bao xuân
Đất tổ già từ nhớ bẽ bàng
Anh em khờ dại bơi lem mặt
Tứ tán quê người đón xuân sang.

Từ chung dòng máu phải phân ly
Muôn triệu người rời nước ra đi
Đã bốn mươi năm trời ảm đạm
Quê hương nào có đổi thay gì.

Nhân loại tiến nhanh như ngựa phi
Nước nhà cố giữ mãi tư duy
Lỗi thời dày đọa người đồng chủng
“Trí tuệ đỉnh cao” nghĩ quá kỳ !

Sân hận xưa ôm chỉ bặt lòng
Người ơi, an lạc đáng cầu mong
Nhân quyền đời sống dân đặt trước
Đất nước mạnh giàu việc thiết cần.

Át Mùi năm mới đang quay về
Áp bức mong sao dứt nặng nề
Dân Việt sống vui trên Đất Mẹ
Thoát vòng giặc Bắc mãi lăm le.

**Tập sống bao dung cứu giúp nhau
Tình thương ban rải mắt chi đâu
Hương về Tổ quốc xin cầu nguyện
Tự do hạnh phúc sớm quày đầu.**

TRẠCH THIỆN



ĐÓN GIAO THỪA

**Mùa Đông ăn hiệp mùa Xuân:
Tết nơi đất khách ngoài sân tuyết đầy.
Giao thừa âm độ đêm nay,
Nhớ về tổ ấm giờ này quê hương,
Cũng bày bánh mứt trà thơm,
Cũng đủ hoa trái cũng nhang cũng đèn.
Cả nhà chay lạt tháng giêng,
Bớt cảnh giết hại lưu liên đọa đày;
Rượu nồng tuyệt dứt lâu nay,
Dâng hoa cúng Phật nguyện xây nghiệp lành,
Trí-Bi trở lại cội nguồn,
Tìm ra khỏi cảnh sầu vương nặng nề.
Năm dê đáo hạn quay về,
Chúc nguồn an lạc tràn quê hương nhà.**

TRẠCH THIỆN

XUÂN VỀ

**Xuân về, tết đến chúc vài câu,
Chúc cả thế gian bớt thảm sầu.
Già trẻ gái trai đồng niệm Phật,
Chúc lành trăm họ tỏ huyền sâu.**

**Thân tâm trí huệ trau hằng bữa,
Đức hạnh, từ bi sửa mỗi ngày.
Đến lúc xuôi tay lìa cõi tạm,
Hồn về lạc cảnh chốn thiên nhai.**

**Hai chữ lợi danh khổ dài dài,
Giải thoát khổ này được mới hay.
Ôm chữ hơn thua gây oán hận,
Sao bằng tha thứ giữ hòa hài.**

**Chúc lành tâm sự chốn riêng tư,
Xuân mới thành lòng chúc bạn ư.
Trí, đức tùy duyên tiêu vạn sự,
Mùi thiền đáo ngạn hỷ phong dư.**

Trúc Phương: Nguyễn Hoài Ân

CHÚC TẾT

**Tết đến xuân sang chúc mấy lời,
Câu cho đồng đạo khắp nơi nơi.
Thân tâm an lạc gìn nguồn cội,
Trung, hiếu vẹn toàn giữ phận tôi.**

**Lời vàng Thầy dạy ta ghi nhớ,
Tiếng ngọc nằm lòng chớ bỏ lơ.**

Trì niệm Di Đà dù sớm tối,
Ra, vào, đi, đứng dầu nằm, ngồi.
Cúng lạy mỗi ngày trưa, sáng, tối,
Chay trường mỗi bữa rán lên ngôi.
Tu hành phải chịu nhồi công quả,
Ai ghét, ai thương cũng mặc người.

Hành theo Sám giảng lời Thầy dạy,
Cố gắng làm y sẽ đạt thành.
Trí huệ hành trình gìn giữ giới,
Tám điều răn cấm nhớ ghi lời.

Lường gạt, gian, tham nên trút bỏ,
Lọc lừa, mưu mẹo chớ dùng ham.
Rượu chè, cờ bạc gây nghèo khó,
Nhịn nhục, trau tâm dẹp tánh phàm.

Nay Thầy tạm vắng vài ba bữa,
Ít nữa ngày sau sẽ trở về.
Dù dất tít đồ qua bể khổ,
Hết mê, đến giác, ngộ gần kề.

Át Mùi hoa nở gió xuân lay,
Cảnh cảnh Xuân sang viết ít bài.
Cầu nguyện nhà nhà vui hạnh phúc,
Chúc người may mắn phước trùng lai.

Cầu chi được nấy hưng gia đạo,
Con cháu học hành chúng giới ngoan.
Sức khỏe dồi dào tăng tuổi thọ,
Đa niên, trường kỷ thọ Nam San.

Phương Trúc: Nguyễn Hoài Ân

Ghi Chú: Vài ba ngày trên thiên đình, bằng trăm năm dưới trần gian



NGƯỠNG VỌNG

Ất Mùi xuân mới tới gần đây,
Ngưỡng vọng thừa ơn của Đức
Thầy.

Cứu vớt quần sanh rời bể khổ,
Nương nhờ oai Phật diệt trần ai.
Thuyền từ đưa chúng qua bờ giác,
Bát nhã chở người thoát cõi say.
Ngánh lại trần gian đầy tội lỗi,
Non Bồng kiến Phật phước trùng lai.

Phương Trúc: Nguyễn Hoài Ân



NHỚ NGOẠI

Tiếng hát nghiêng nghiêng giữa bóng chiều,
Ru cành hoa ngủ bến cô liêu.
Đong đưa sắc tím buồn thơ dại,
Bến ngoại ngày xưa, vắng cánh diều !

Mỗi lần tết đến về thăm ngoại,
Trông dáng ngoại gầy lên khăng khiu.
Tóc gội thời gian thêm bạc mái,
Răng long mấy cái rụng về chiều.

Thân già hiu quạnh bên chõng tre,
Nhác trông đàn cháu mới quay về.
Tay trầu tay gậy vừa khắp khềnh,
Ôm cháu bên lòng vui hả hê.

Mái tranh xơ xác nghèo một xó,
Áo vá cơm rau sống hẩm hiu.
Để ống tiền tiêu ngày các củm,
Cho cháu lì xì vui Tết nghèo.

Ông trầu của ngoại nay còn đó,
Mà ngoại đi rồi theo gió mây.
Mộ vắng buồn sương nằm hiu quạnh,
Bỏ cháu lại đời bao đắng cay.

Nhà ai tiếng nói cười bên cạnh,
Có ngoại đỡ đàn vui sớm mai.
Thèm kiếm tình thân trong ngấn lệ,
Ôm lấy tàn hương xót tháng ngày.

Nắng chiều rũ bóng bên cảnh vắng,
Gió cuốn bằng lăng lả tả rơi.
Còn biết tìm đâu vòng tay ngoại,
Buồn lên mây tới cả bầu trời.

CỎ DẠI



**Kính Mừng Đản Sinh
ĐỨC HUỖNH GIÁO CHỦ**

KÍNH nguyện đất trời cảm chứng minh,
MỪNG Ngài giáng hạ cứu sanh linh.
ĐẢN nhờ xác tạm thôn Hòa Hảo,
SINH đấng nhi tri tại xứ mình.
ĐỨC trọng Qui Thần đều bái lạy,
HUỖNH kim Tiên Thánh thầy đồng nghinh.
GIÁO điều theo Thế tôn ngày trước,
CHỦ thuyết Tứ Ân, Phật đạo gìn.

Cư Sĩ Chánh Tâm
(SanJose, Dec. 25, 2014)

KÍNH nhiệm huyền sâu quá diệu minh,
MỪNG ngày giáng thế của Thầy mình.
ĐẢN là vui đón người mình triết,
SINH tức ra đời bậc thánh minh.
ĐỨC Phật sắc truyền khai đại đạo,
HUỖNH Thiên ban chỉ cứu sanh linh.
GIÁO truyền chánh pháp non Linh Thứu,
CHỦ thuyết Hảo Hòa dất chúng sinh.

Đồng đạo An Bình (VN)



XƯƠNG HỌA

TRE GIÀ - MĂNG MỘC

SỸ LIÊN xướng:

Tre già măng mọc vẫn xưa nay,
Tuổi trẻ thay ta nối tiếp rày.
Đào tạo Giảng viên cho kịp lúc,
Xây rường cột đạo vững ngày mai.
Anh em tín hữu nên chung sức,
Đồng đạo hảo tâm giúp của tài.
Sấm Giảng rao truyền lưu hậu thế,
Thi văn giáo lý hướng tương lai.

Cư Sĩ Chánh Tâm họa:

Bồi cảnh trong nền đạo hiện nay,
Kính mong Chú Bác tỏ gương rày.
Đề đàn con cháu theo tu học,
Đặng đám hậu nhân tiếp bước mai.
Đoàn kết Hảo Hòa tăng sức mạnh,
Rẽ chia hiềm khích ắt tiêu tài.
Nếu không hiệp lực dù tốt giống,
Cũng khó dựng xây lớp hậu lai.

Cư Sĩ Chánh Tâm xướng:

Diễn đàn đóng góp lăm điều hay,
Ý tưởng hoàng dương đạo tổ Thầy.
Chú bác triển khai kêu ủng hộ,
Cháu con hưởng ứng góp bàn tay.
Trung ương hợp lại bàn phương thức,
Giáo Hội chung lưng chọn đức tài.
Trên dưới đồng lòng vì nghĩa lớn,
Thành công chắc chắn một ngày mai.

SỸ LIÊN họa:

Tuổi trẻ Đường thơ họa rất hay,
Làm theo Giáo lý noi gương Thầy.
Anh em đồng đạo tìm phương pháp,
Tín hữu hết lòng giúp một tay.
Giáo Hội Trung Ương nghiên tầm cứu,
Địa phương tìm kiếm chọn nhân tài.
Hợp Ban Tri Sự quay quần lại,
Đào tạo Giảng viên thế hậu mai.

ĐƯỜNG ĐỜI – NÈO ĐẠO

SỸ LIÊN xướng:

Nèo đạo ẩn tiềm khó kiếm ra,
Đường đời gian dối bởi điều ngoa.
Đạo soi trí huệ trừ tham vọng,
Đời lấy vô minh giữ đại tà.
Sáu chữ Di Đà trừ nghiệp chướng,
Tám điều Răn Cấm gột đầu ta.
Nằm ngồi, đi đứng trì khuya sớm,
Mãn kiếp hồng trần bên giác qua.

Bổn Lai Diện Mục

Cư Sĩ Chánh Tâm họa:

Tinh tấn công phu sẽ thấy ra,
Lời Thầy Phật thuyết chẳng sai ngoa.
Lìa mê rán giữ tâm chơn chánh,
Dứt khổ cần tiêu ý niệm tà.
Kiếp tạm trần gian nhờ tứ đại,
Bổn lai diện mục mới là ta.
Như như bất động luôn soi sáng,
Tịch tịnh Niết Bàn tức khắc qua.

VUI ĐỜI ĐẠO

Lê Văn Út Mót họa:

Đời đạo liên quan khó tách ra,
Lời Thầy đã dạy chẳng sai ngoa.
Đời mê có đạo soi đường sáng,
Đạo chánh vào đời độ nẻo tà.
Hành đạo cũng gìn an đất nước,
Sống đời cốt giữ nhàn lòng ta.
Từ bi hỷ xả là công đức,
Lạc đạo thanh bần ngày tháng qua.

Kính viếng cụ Bà **NGUYỄN THỊ ÂN**
hiền nội của đồng đạo Niên lão
NGUYỄN MINH THIÊN

Thành Kính Phân Ưu đến đạo huynh,
Viếng tang hiền nội chúc hương linh.
Hồn rời khỏi xác nường Tiên cảnh,
Thân thọ Liên Hoa gởi vóc hình.
Thoát cõi Ta Bà đời thống khổ,
Lìa nơi giả tạm kiếp nhân sinh.
Trần gian nghiệp nợ từ đây dứt,
Cực Lạc Tây Phương hưởng thái bình.

Cư Sĩ Chánh Tâm
(SanJose, Dec.14, 2014)

Kính viếng cụ Bà **LÊ THỊ HAI**
hiền thê của cố đồng đạo Luật sư
MAI VĂN DẬU

Thoang thoảng hương lay chôn tịnh đường,
Khấn cầu hồn cụ vãng Tây phương.
Gót sen đã mẫn đường trần tục,
Nợ thế vừa xong giấc mộng trường.
Chín chục xuân dư đời đạo vẹn,
Muôn vàn nghĩa trọng cháu con vương.
Bà đi để lại niềm thương mến,
Gương đẹp người sau mãi tỏ tường.

CỎ DẠI (VN)

Tường-trình về Quỹ Điều-Hành
Ban Trị-Sự Trung-Ương Hải-Ngoại GH PGHH
(từ ngày 01-06-2014 đến ngày 31-12-2014)

A.- Tồn Quỹ tính đến ngày 31-5-2014: \$5,213.32

B.- Quý Đồng-đạo, quý Ban Trị-Sự và Ban Đại-Diện địa-phương đóng góp cho Đại Hội Đạo và Đại Lễ 18/5 ngày 14-6-2014 tại BTS Bắc Cali:

1- BTS Arizona	\$100.00
2- BTS Nam California	\$100.00
3- BTS Dallas	\$100.00
4- BTS Florida	\$100.00
5- BTS Stockton	\$100.00
6- BTS Richmond	\$100.00
7- BTS Sacramento	\$100.00
8- BTS Washington D.C.	\$100.00
9- BTS Washington State	\$100.00
10- BTS Houston	\$100.00
11- BTS Toronto	100 CAD = \$ 80.02 USD
12- Đ/đ Nguyễn Phước Nguơn	\$100.00
13- Đ/đ Cao Văn Chơn	\$100.00
14- Đ/đ Sara Huỳnh	\$100.00
15- Đ/đ Võ Minh Xuân	\$100.00
16- Đ/đ Hồ Thanh Thủy	\$100.00
17- Đ/đ Mai Văn Sách	\$100.00
18- Bà Quận Tâm	\$ 50.00
19- Đ/đ Trịnh Thị Trang	\$100.00
20- Đ/đ Ẩn danh	\$100.00
21- Đ/đ Dương Vạn Phước	\$100.00

C.- Quý Đồng đạo, Quý BTS và BDD địa phương đóng góp cho Quỹ Điều Hành (ngày 16-06-2014) tại BTS Bắc Cali:

1- BTS Arizona	\$300.00
2- BTS Bắc California	\$1,000.00
3- BTS Nam California	\$200.00

4- BTS Dallas	\$100.00
5- BTS Stockton	\$100.00
6- Sacramento	\$100.00
7- BTS Washington D.C.	\$100.00
8- BTS Washington State	\$100.00
9- BTS Toronto	100 CAD = \$ 80.02 USD
10- Cô Nguyễn Phạm Phương Lan	\$100.00
11- Đ/đ Sara Huỳnh	\$200.00
12- Đ/đ Nguyễn Phước Nguơn	\$100.00
13- Văn phòng phẩm còn dư lại	\$188.17

Tổng cộng phần THU B + C = \$4,798.21

D- Chi ra:

1. Chi cho BTS Bắc Cali tiền mượn Hội Trường (6/7)
\$1,130.00
2. Chi cho Đ/đ đi Washington DC for Human Right (20/7)
\$ 555.00
3. Chi-phí for SI filing (Shasta Accountancy Co.) (30/9)
\$ 50.00
4. Chi vé phi cơ cho Đ/đ Tạo đi công tác Houston (11/10)
\$ 422.00
5. Văn phòng phẩm (15/10)
\$ 500.00

Tổng cộng phần CHI \$2,657.00

D- Tồn Quỹ Điều Hành tính đến ngày 31-12-2014:

\$7,354.53

Kính thưa: Quý Đồng-đạo, Quý Ban Trị-Sự và Ban Đại-Diện địa-phương,

Chúng tôi đã cố gắng Tường trình về Quỹ Điều-hành rất cẩn-thận và chính-xác. Tuy nhiên, nếu Quý vị thấy có bất cứ sơ sót nào, xin vui lòng liên lạc với:

Đ/đ **Phạm-Lệ-Chi**, Thủ Bồn BTS /TUHN

Số điện thoại: **209-814-3800** hoặc

E-mail: lechi.luu@sbcglobal.net

để chúng tôi kịp thời điều chỉnh. Xin chân thành đa tạ.

**Tường trình về Quỹ TỪ THIỆN XÃ HỘI
(thay cho Quỹ ĐỀN ƠN ĐÁP NGHĨA)
(từ ngày 01-6-2014 đến ngày 31-12-2014)**

A- Tồn Quỹ tính đến ngày 31-05-2014: \$ 67.24

**B- Quý Đồng-đạo, quý BTS và BDD địa phương
đóng góp kể từ ngày 01-6 đến 31-12-2014:**

- | | |
|--|--------------------------|
| 1.- Nguyễn Phước (1-9-2014) | \$ 50.00 |
| 2.- 22 Đ/đạo ở BTS và Bắc Cali (16/11) | \$1,530.00 |
| Tổng Cộng phần THU: | <u>\$1,580.00</u> |

C- Chi ra:

-Giúp cất 7 căn nhà ở Việt Nam và ấn tống 200 bộ Tam Bảo, Cửu Huyền, Lục Tự (29/11)

Tổng Cộng phần CHI: \$1,150.00

D- Tồn Quỹ tính đến ngày 31-12-2014: \$ 497.24

Chúng tôi đã cố-gắng tường-trình về quỹ TT/ Xã Hội rất cẩn-thận và chính-xác. Tuy nhiên, nếu Quý vị thấy có bất cứ sơ sót nào, xin vui lòng liên lạc với:

Đồng đạo **Phạm-Lệ-Chi**, Thủ Bồn BTS/TUHN/GHPGHH. Số điện thoại: **209-814-3800** để chúng tôi kịp thời điều chỉnh. Xin cảm ơn Quý vị.

Tường-trình

**Quỹ Ân-Hành Tập-San TINH-TẤN
Cập nhật từ ngày 01-6-2014 đến ngày 31-12-2014**

A- Tồn Quỹ tính đến ngày 31-05-2014: \$280.97

B- Đóng góp của Quý Đồng-đạo, quý Ban Trị-Sự và Ban Đại-Diện địa-phương kể từ ngày 01-6-2014 đến 31-12-2014:

1. BTS Arizona (14/6)	\$100.00
2. BTS Nam Cali (14/6)	\$100.00
3. BTS Dallas (14/6)	\$100.00
4. BTS Houston (14/6)	\$100.00
5. BTS Sacramento (14/6)	\$100.00
6. BTS Washington D.C. (14/6)	\$100.00
7. BTS Washington State (14/6)	\$100.00
8. Cô Nguyễn Phạm Phương Lan (14/6)	\$100.00
9. Đỗ Kim Quang (15/6)	\$ 50.00
10. Đ/đ Hiệp trả lại tiền in còn dư (29/8)	\$ 92.24
11. BTS Bắc Cali (5/10)	\$300.00
12. Đồng đạo Bắc Cali (5/10)	\$115.00
13. BTS Sacramento (27/10)	\$150.00
14. Đ/đ Dương Văn Việt, Sacto (27/10)	\$ 30.00
15. San Huỳnh (9/11)	\$ 50.00
16. Đ/đ Võ Mỹ (16/11)	\$ 20.00
17. BTS Georgia (30/11)	\$200.00
Tổng cộng phần THU	<u>\$1,807.24</u>

C- Chi ra:

1. Ấn phí TS TT số 24 (18/7)	\$1,000.00
2. Tiền cước phí gọi TSTT số 24 (20/7)	\$ 500.00
Tổng cộng phần CHI:	<u>\$1,500.00</u>

D- Tồn Quỹ tính đến ngày 31-12-2014: \$ 588.21

Tất cả mọi đóng góp nhận được **sau ngày 31-12-2014** sẽ được tường-trình trong Tập-San TINH TẤN SỐ 26. BTS TUHN chân thành cảm tạ lòng hảo tâm của Quý Đ/đạo, quý BTS và BDD địa-phương đã góp phần duy trì TS/TINH-TẤN, Cơ-quan Thông-tin, Liên-lạc và Phổ-truyền Giáo-lý của Giáo-Hội PGHH.

Phạm Lệ Chi, Thủ Bồn BTS/TUHN.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU



Chúng tôi nhận được tin buồn:
Hiên nội của
Đông đạo Niên lão
NGUYỄN MINH THIỆN,
Có vấn BTS/TUHN/GH/PGHH,
là:

Cụ bà NGUYỄN THỊ ÂN

Từ trần ngày 6 tháng 12 năm 2014
(nhằm ngày rằm tháng 10 năm Giáp Ngọ)
tại Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Việt Nam.

Hưởng thọ 78 tuổi

Xin thành kính phân ưu cùng Đông đạo Nguyễn Minh Thiện và Tang quyến.

Toàn thể anh chị em trong Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại và đồng đạo Phật Giáo Hòa Hảo đồng thành tâm cầu nguyện, nhờ ơn Đức Phật từ bi cứu độ vong linh cụ Bà NGUYỄN THỊ ÂN được thoát chôn mê đồ, vãng sanh miền Cực lạc.

Nam mô A Di Đà Phật !

BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
BAN TRỊ SỰ & BAN ĐẠI DIỆN ĐỊA PHƯƠNG
BAN BIÊN TẬP TẬP SAN TINH TẤN



THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động, nhận được tin:

Đồng đạo Niên lão **NGUYỄN TẤN HƯNG**
Sinh ngày 01-01-1926 tại Quảng Ngãi, Việt Nam.

Nguyên cố vấn BTS.TUHN/GH/PGHH.
Cựu Hội Trưởng BTS.GH/PGHH Bắc California
(Nhiệm kỳ 1991-1993)

Từ trần ngày 29 tháng 12 năm 2014
(nhằm ngày mùng 8 tháng 11 năm Giáp Ngọ)
tại Thành phố San Jose, Bắc California – Hoa Kỳ.

Hưởng thưởng thọ 89 tuổi

Xin thành kính phân ưu cùng bà Quả phụ Nguyễn Tấn Hưng và Tang quyến.

Toàn thể anh chị em trong Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại và đồng đạo Phật Giáo Hòa Hảo đồng thành tâm cầu nguyện cho cố đồng đạo **NGUYỄN TẤN HƯNG**, nhờ ơn Đức Phật từ bi cứu độ vong linh được thoát chốn mê đồ, vãng sanh miền Cực lạc.

Nam mô A Di Đà Phật !

**BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
BAN TRỊ SỰ & BAN ĐẠI DIỆN ĐỊA PHƯƠNG
BAN BIÊN TẬP TẬP SAN TINH TẤN**



THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin
buồn:

Nhạc mẫu của Đồng Đạo
Huỳnh Công Tử, Trưởng ban Tổ chức Đoàn Thanh
Thiếu Niên PGHH Houston (TX) là:

CỤ BÀ **ĐỖ THỊ HẠNH**

Sanh năm 1933 tại Cần Thơ - Việt Nam.

Từ trần ngày 11 tháng 1 năm 2015
(nhằm ngày 21 tháng 11 năm Giáp Ngọ)
tại Thành phố Houston, Texas – Hoa Kỳ.

Hưởng thọ 82 tuổi

Xin thành kính phân ưu cùng Đồng đạo Huỳnh
Công Tử và Tang quyến.

Ban Trị Sự PGHH Houston (TX) và đồng đạo
Phật Giáo Hòa Hảo các Vùng phụ cận đồng thành tâm
cầu nguyện, nhờ ơn Đức Phật từ bi cứu độ cho vong
linh cụ Bà **ĐỖ THỊ HẠNH** được thoát chôn mê đồ,
vãng sanh miền Cực lạc.

Nam mô A Di Đà Phật !

BAN TRỊ SỰ GH/PGHH HOUSTON (TX)
BAN BIÊN TẬP TẬP SAN TINH TÂN



HỒ SƠ

Tòa soạn
T/san Tinh Tấn
đã nhận được rất

nhều bài thơ của Ý Nga, bài viết của một số bạn đọc, bài Pháp luận của VP/Phật Học Tinh Quang gửi về qua địa chỉ email của Tập san Tinh Tấn... Tuy nhiên, vì nội dung không thích hợp với chủ trương của tờ báo hoặc không biết được ý kiến của tác giả nên chúng tôi không dám phổ biến. Đề nghị lần sau, nếu quý tác giả muốn đăng tải bài viết của mình, xin vui lòng cho biết để chúng tôi quyết định.

Ngoài ra, chúng tôi cũng đã nhận được một số tác phẩm giá trị của tác giả Đàm Liên Tịnh Giả biên soạn và gửi tặng cho Ts Tinh Tấn. Chúng tôi đã bắt đầu trích đăng phần I quyền “Tịnh Độ Vãng Sanh” trong số 24, phần II trong số 25 này và sẽ tiếp tục đăng tải phần còn lại vào những số báo kế tiếp. Thành kính tri ân Tác giả Đàm Liên và xin gửi lời cầu chúc tốt đẹp nhất của chúng tôi đến Quý vị và thân quyến.



